KHỐI 10

1. **Dân tộc ta tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên vào thời nào, năm nào?**
   1. Hùng Vương – Chống Tần – Năm 214 TCN
   2. An Dương Vương – Chống Triệu – Năm 218 TCN
   3. Thục Phán – Chống Triệu – Năm 179 TCN
   4. An Dương Vương – Chống Tần – Năm 179 TCN
2. **Các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta trong thế kỷ XX?**
   1. Chống thực dân Pháp (1945-1954), chống để quốc Mĩ (1954-1975)
   2. Chống đế quốc Mĩ (1954-1975), bảo vệ biên giới Tây Nam 1979
   3. Chống thực dân Pháp (1945-1954), bảo vệ biên giới phía Bắc 1979
   4. Chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mĩ, bảo vệ biên giới Tây Nam
3. **Cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên của dân tộc ta diễn ra vào thời gian nào?**
   1. Thế kỷ thứ III TCN
   2. Thế kỷ thứ I SCN
   3. Thế kỷ thứ I TCN
   4. Thế kỷ thứ II TCN
4. **Bài thơ bất hủ “Nam Quốc Sơn Hà” ra đời ở thời nào, chống giặc ngoại xâm nào?**
   1. Nhà Lý chống quân xâm lược Tống lần II vào năm 1075
   2. Nhà Tiền Lê chống quân xâm lược Tống lần I vào năm 981
   3. Nhà Trần chống quân xâm lược Nguyên lần I vào năm 1258
   4. Nhà Lý chống quân xâm lược Tống lần I vào năm 981
5. **Từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XIV, các triều đại phong kiến phương bắc nào xâm lược nước ta?**
   1. Tống, Nguyên, Minh
   2. Tống, Nguyên, Minh, Thanh
   3. Đường, Tống, Nguyên
   4. Tần, Hán, Tống, Nguyên
6. **Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, trận Chi Lăng, Xương Giang diễn ra năm nào?**
   1. Năm 1427
   2. Năm 1426
   3. Năm 1428
   4. Năm 1429
7. **Thời phong kiến, cuộc chiến tranh nào của dân tộc ta chống giặc ngoại xâm sau cùng?**
   1. Chống Mãn Thanh.
   2. Chống Nguyên.
   3. Chống Minh.
   4. Chống Nam Hán
8. **Tại sao trong chiến tranh chống kẻ thù xâm lược, đất nước ta luôn phải lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều?**
   1. Vì tương quan lực lượng giữa ta và địch, địch luôn mạnh hơn ta về kinh tế và quân sự
   2. Giữa ta và địch, địch luôn có sức mạnh về mọi mặt hơn ta
   3. Do quan hệ giữa ta và địch, địch luôn mạnh hơn ta về mọi mặt
   4. Vì đó là truyền thống nghìn năm đánh giặc của dân tộc
9. **Tại sao kẻ thù bên ngoài luôn có âm mưu và tiến hành chiến tranh xâm lược nước ta?**
   1. Do vị trí chiến lược và điều kiện kinh tế của đất nước
   2. Từ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù xâm lược
   3. Từ điều kiện bên trong của ta, bên ngoài của khu vực
   4. Có sự lôi kéo của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch
10. **Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, ở Miền Nam quân và dân ta đánh địch trên các vùng chiến lược nào?**
    1. Đồng bằng, miền núi và thành thị
    2. Trung du, đồng bằng và đô thị
    3. Nông thôn, thành thị, miền núi
    4. Miền núi, trung du, đồng bằng
11. **Câu nào sau đây không phải của Nguyễn Trãi nói về vai trò của nhân dân?** 
    1. “ Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân”
    2. “ Phàm mưu việc lớn phải lấy dân làm gốc”
    3. “ Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”
    4. “ Người đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”
12. **Câu “ Nam quốc sơn hà, nam đế cư” “Non nước vua nam, vua nam ở…” của Lý Thường Kiệt có ý nghĩa gì?**
    1. Khẳng định về nền độc lập, tự chủ và chủ quyền của dân tộc
    2. Khẳng định vị thế và giá trị về địa lý của đất nước
    3. Thể hiện lòng tự hào dân tộc của nhân dân
    4. Thể hiện quyết tâm chống giặc ngoại xâm của nhân dân
13. **Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, ở Miền Nam phong trào đồng khởi diễn ra thời gian nào, ở đâu?**
    1. Năm 1959 -1960, Bến Tre
    2. Năm 1968, Sài Gòn, Chợ Lớn
    3. Năm 1968, Khe Sanh, Quảng Trị
    4. Năm 1974- 1975 Tây Nguyên và toàn Miền Nam
14. **“Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mĩ diễn ra vào thời gian nào?**
    1. Năm 1961 – 1965
    2. Năm 1959 – 1960
    3. Năm 1965 – 1968
    4. Năm 1971 - 1972
15. **“Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ diễn ra vào thời gian nào?**
    1. Năm 1965 - 1968
    2. Năm 1959 – 1960
    3. Năm 1961 – 1965
    4. Năm 1967 – 1968
16. **Chiến thắng mùa xuân năm 1975 của quân và dân ta, kết thúc bằng chiến dịch quân sự nào?**
    1. Hồ Chí Minh
    2. Tây Nguyên
    3. Huế, Đà Nẵng
    4. Quảng Trị, Thừa Thiên
17. **Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, năm 1972 ở Miền Bắc có chiến dịch quân sự nào nổi bật nhất?**
    1. Chiến dịch phòng không
    2. Chiến dịch thi đua giết giặc
    3. Chiến dịch thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người
    4. Chiến dịch tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mĩ
18. **Qua lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã xây dựng nên truyền thống gì?**
    1. Dựng nước đi đôi với giữ nước
    2. Xây dựng đất nước mạnh về quốc phòng để giữ nước
    3. Quan tâm bảo vệ đất nước là hàng đầu
    4. Giữ nước là chủ yếu, rất quan trọng
19. **Thế trận nào của dân tộc ta là thế trận đánh giặc vững chắc nhất?** 
    1. Thế trận lòng dân
    2. Thế về chính trị, ngoại giao
    3. Thế trận về sự bố trí lực lượng quân đội
    4. Thế của địa hình đánh giặc
20. **Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta, ở Miền Nam có những cuộc tổng tiến công và nổi dậy nào?**
    1. Mùa xuân năm 1968 và mùa xuân năm 1975
    2. Đồng khởi Bến Tre; Xuân 1968
    3. Mùa xuân 1975; chiến dịch Hồ Chí Minh
    4. Xuân 1968; Mùa xuân 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh
21. **Những trận đánh lớn nào thời nhà Lê, nổi tiếng trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta ?**
    1. Chi Lăng, Xương Giang
    2. Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết
    3. Ngọc Hồi, Đống Đa, Tốt Động
    4. Bạch Đằng, Như Nguyệt, Đống Đa
22. **Những triều dại phong kiến nào của Việt Nam tiến hành chiến tranh chống quân xâm lược từ phương Bắc?** 
    1. Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ, Tây Sơn
    2. Lý, Hồ, Lê Sơ, Tây Sơn
    3. Đinh, Lý, Trần, Tiền Lê, Nguyễn
    4. Đinh, Lý, Trần, Hồ, Hậu Lê
23. **Chiến dịch quân sự nào của ta đã buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh phá hoại Miến Bắc và kí Hiệp định Pa ri về Việt Nam?**
    1. Chiến dịch Điện Biên Phủ trên không năm 1972.
    2. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954
    3. Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975
    4. Chiến dịch Mậu thân năm 1968
24. **Truyền thống thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc dáo của dân tộc ta ở thời nhà Lý như thế nào?**
    1. “ Tiên phát chế nhân” phòng ngự vững chắc, phản công đúng lúc
    2. Xây thành lũy vững chắc, vây thành diệt viện
    3. Phản công lớn, phòng ngự vững chắc
    4. Vây thành diệt viện, phản công kịp thời
25. **Trong cuộc kháng chiến chống Pháp có anh hùng LLVT nào sau đây?**
    1. Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện
    2. Lê Mã Lương, Phạm Tuân, Bế Văn Đàn
    3. Nguyễn Viết Xuân, Tô Vĩnh Diện, Phạm Tuân
    4. Phan Đình Giót, Lê Mã Lương, Phạm Tuân
26. **Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông, thời Trần dân tộc ta có anh hùng trẻ tuổi nào?**
    1. Trần Quốc Toản
    2. Trần Khánh Dư
    3. Trần Thủ Độ
    4. Trần Nguyên Hãn
27. **Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung của dân tộc Việt Nam**
    1. Đã trở thành truyền thống, là một nhân tố thành công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước
    2. Là một nhân tố quyết định thắng lợi trong sự nghiệp dựng nước
    3. Là một nhân tố quyết định thắng lợi trong sự nghiệp giữ nước
    4. Đã trở thành truyền thống qúy báu trong xây dựng đất nước
28. **Chiến tranh nhân dân Việt Nam có sức mạnh vô địch, vì sao?**
    1. Là nguồn gốc cơ bản tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh thắng kẻ thù
    2. Đây là truyền thống để tạo nên sức mạnh đánh thắng kẻ thù
    3. Có sức mạnh vô địch để đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược
    4. Là nguyên nhân của sức mạnh để đánh thắng kẻ thù
29. **Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, ở Miền Nam quân và dân ta kết hợp đánh địch bằng 3 mũi giáp công nào?**
    1. Chính trị, quân sự, binh vận
    2. Quân sự, chính trị, kinh tế
    3. Quân sự, chính trị, ngoại giao
    4. Chính trị, tư tưởng và quân sự,
30. **Truyền thống “cả nước chung sức đánh giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện” của dân tộc ta được hình thành từ thời nào?**
    1. Nhà Trần
    2. Nhà Lê
    3. Nhà Hồ
    4. Nhà Nguyễn
31. **Nội dung nào sau đây không phải là truyền thống trong chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?**
    1. Luôn chăm lo xây dựng thành trì vững chắc để bảo vệ đất nước
    2. Tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, lấy LLVTND làm nòng cốt
    3. Kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị, ngoại giao
    4. Kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị, binh vận
32. **Trong “ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” năm 1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh có câu nào sau dây?** 
    1. “ Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm”
    2. “ Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân”
    3. “ Không có gì quý hơn độc lập, tự do”
    4. “ Tiến lên chiến sĩ đồng bào, Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn”
33. **Một nội dung đã trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam từ khi có Đảng là:**
    1. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng
    2. Đi theo con đường cách mạng, không sợ hi sinh, gian khổ
    3. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của nhân dân, vào thắng lợi của nhân dân
    4. Tin tưởng vào khả năng của nhân dân vào thắng lợi của cách mạng
34. **Tại sao nói cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc?**
    1. Mục đích cuộc chiến tranh là nhằm giải phóng dân tộc, nhân dân khỏi ách áp bức bóc lột của kẻ thù bên ngoài
    2. Vì phải đem sức ta mà giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột của kẻ thù
    3. Vì mục đích cuộc chiến tranh là nhằm giải phóng vùng đất do kẻ thù bên ngoài chiếm đóng
    4. Vì tính chất của cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân
35. **Khi xâm lược nước ta, kẻ thù luôn phải đối mặt với phương thức tiến hành chiến tranh nào của nhân đân ta?**
    1. Chiến tranh nhân dân với toàn dân tham gia, LLVT làm nòng cốt
    2. Chiến tranh với các binh đoàn chủ lực mạnh về vũ khí
    3. Chiến tranh toàn dân với đông đảo tầng lớp trong xã hội tham gia
    4. Chiến tranh tổng lực với nghệ thuật quân sự hiện đại
36. **Trong chiến tranh, cha ông ta đã kết hợp tiến công địch như thế nào?**
    1. Vừa đánh vừa đàm, vừa đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại giao
    2. Vừa đánh vừa đàm, vừa đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại giao, lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu
    3. Vừa đánh vừa đàm, vừa đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại giao, lấy đấu tranh ngoại giao là chủ yếu
    4. Vừa đấu tranh tư tưởng, vừa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao
37. **Trong lịch sử chống kẻ thù xâm lược, dân tộc ta đã có nhiều trận chiến thắng trên sông Bạch Đằng vào những năm nào?**
    1. Năm 938, 981 và 1287
    2. Năm 938, 1075 và 1258
    3. Năm 938, 1075 và 1285
    4. Năm 938 và 1427
38. **Thời kỳ cách mạng 1954 – 1975, Đảng ta lãnh đạo tiến hành chiến lược cách mạng như thế nào?**
    1. Tiến hành đồng thời hai chiến lược của cách mạng, vừa xây dựng CNXH ở Miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh giải phóng Miền Nam
    2. Tiến hành bảo vệ XHCN ở Miền Bắc kết hợp với chiến tranh giải phóng Miền Nam
    3. Vừa xây dựng CNXH ở Miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở Miền Nam
    4. Vừa bảo vệ CNXH ở Miền Bắc, vừa tiến hành chiến tranh bảo vệ tổ quốc ở Miền Nam
39. **Văn kiện nào của Đảng Cộng sản Việt Nam đề cập đến việc “Tổ chức ra quân đội công nông”?**
    1. Chính cương sách lược văn tắt tháng 2 năm 1930.
    2. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930.
    3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 (1951)
    4. Nghị quyết Hội nghị quân sự Bắc Kì tháng 4 năm 1945
40. **Ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam là ngày** 
    1. 22-12-1944
    2. 22 -12-1945
    3. 22 - 5 -1946
    4. 22-5-1945.
41. **Ngày đầu thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân có bao nhiêu chiến sĩ?**
    1. 34 chiến sĩ
    2. 32 chiến sĩ
    3. 23 chiến sĩ
    4. 43 chiến sĩ
42. **Tháng 4 năm 1945, Hội nghị quân sự Bắc Kì của Đảng quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trong nước thành:**
    1. Việt Nam giải phóng quân.
    2. Vệ quốc đoàn.
    3. Quân đội quốc gia Việt Nam.
    4. Quân đội nhân dân Việt Nam
43. **Tên gọi Quân đội nhân dân Việt Nam có từ khi nào?**
    1. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951)
    2. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945
    3. Ngày 22-5-1946, ngày Hồ Chí Minh kí sắc lệnh 71/SL
    4. Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1954)
44. **Quân đội nhân dân Việt Nam có những chức năng gì?**
    1. Chiến đấu, công tác, lao động sản xuất
    2. Chiến đấu, công tác, tuyên truyền vận động nhân dân
    3. Chiến đấu, học tập, công tác, làm kinh tế
    4. Chiến đấu, tuyên truyền và vận động nhân dân
45. **Câu nói “Cuộc đời đẹp nhất là trên trận tuyến đánh quân thù” là của ai?**
    1. Anh hùng Lê Mã Lương
    2. Liệt sĩ Phan Đình Giót
    3. Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Viết Xuân
    4. Anh hùng Phạm Tuân
46. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?**
    1. Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng.
    2. Trung thành vô hạn với nhà nước.
    3. Trung thành vô hạn với nhân dân lao động.
    4. Trung thành vô hạn với nhà nước và toàn dân.
47. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?**
    1. Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng.
    2. Đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.
    3. Quyết chiến với mọi kẻ thù xâm lược.
    4. Quyết chiến, quyết thắng, đánh chắc, tiến chắc.
48. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?**
    1. Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỷ luật tự giác, nghiêm minh.
    2. Đoàn kết chặt chẽ với nhau như ruột thịt.
    3. Thực hiện toàn quân một ý chí chiến đấu.
    4. Hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận.
49. **Phương hướng xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay là gì?**
    1. Cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.
    2. Cách mạng, thiện chiến, tinh nhuệ, hiện đại.
    3. Gọn, nhẹ, cơ động nhanh, chiến đấu giỏi.
    4. Chính quy, hiện đại, tinh nhuệ, phản ứng nhanh.
50. **Chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân là trận Phay Khắt, Nà Ngần, hai địa danh đó thuộc tỉnh nào hiện nay?**
    1. Tỉnh Cao Bằng.
    2. Tỉnh Bắc Cạn.
    3. Tỉnh Lạng Sơn.
    4. Tỉnh Lào Cai
51. **Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh 71/SL thành lập Quân đội quốc gia Việt Nam vào thời gian nào?**
    1. 22-5-1946
    2. 22-5-1945
    3. 25-2-1946
    4. 25-2-1945
52. **Chủ tịch Hồ Chí Minh ký quyết định thành lập bộ đội địa phương vào thời gian nào?**
    1. 04/07/1949
    2. 07/04/1949
    3. 04/07/1948
    4. 07/04/1948
53. **Quân đội nhân dân Việt Nam không có chức năng nào sau đây?**
    1. Đội quân làm kinh tế
    2. Đội quân chiến đấu.
    3. Đội quân lao động sản xuất
    4. Đội quân công tác
54. **Chiến sỹ La Văn Cầu đã nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương để tiếp tục chiến đấu ở chiến dịch nào?**
    1. Chiến dịch Biên giới
    2. Chiến dịch Việt bắc
    3. Chiến dịch Hòa Bình
    4. Chiến dịch Điện Biên Phủ
55. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?**
    1. Gắn bó máu thịt với nhân dân
    2. Quan hệ của quân với dân như cá với nước
    3. Luôn công tác cùng nhân dân
    4. Hòa nhã với dân, kiên quyết với địch
56. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?**
    1. Độc lập, tự chủ, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước.
    2. Cần kiệm, độc lập, tự chủ, tự cường trong xây dựng quân đội.
    3. Cần kiệm, độc lập, tự lực, tự cường trong xây dựng quốc phòng của đất nước.
    4. Độc lập, tự chủ trong chiến đấu, lao động sản xuất xây dựng quân đội, xây dựng đất nước.
57. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam là gì?**
    1. Có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đoàn kết, thủy chung với bạn bè quốc tế.
    2. Có tinh thần quốc tế vô sản, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ quốc tế.
    3. Có tinh thần giúp đỡ quân đội và nhân dân các nước, thủy chung với bạn bè
    4. Đoàn kết, thủy chung với quân đội các nước láng giềng.
58. **Một trong những nguyên tắc xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam là gì?**
    1. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam.
    2. Phải có kỷ luật sắt, nghiêm minh, đáp ứng tốt yêu cầu chiến đấu.
    3. Phải có khả năng cơ động nhanh, chiến đấu giỏi.
    4. Xây dựng quân đội nhiều về số lượng, đáp ứng tốt yêu cầu chiến đấu.
59. **Sự ra đời của Công an nhân dân phản ánh nội dung gì?**
    1. Là một đòi hỏi tất yếu khách quan của lịch sử
    2. Thể hiện yêu cầu của nhân dân
    3. Là yêu cầu của Công an nhân dân
    4. Là một yêu cầu của đất nước nhằm chống kẻ thù xâm lược
60. **Một trong những lí do cho sự ra đời của Công an nhân dân là?**
    1. Các lực lượng phản động trong, ngoài nước cấu kết chống phá ta quyết liệt
    2. Các lực lượng phản động ngoài nước có ý đồ xâm lược nước ta
    3. Các lực lượng phản động trong nước có ý đồ tiến công xâm lược
    4. Là chuẩn bị cho đất nước chống kẻ thù xâm lược
61. **Ngày truyền thống của lực lượng Công an nhân dân là:**
    1. Ngày 19/8/1945
    2. Ngày 19/12/1946
    3. Ngày 02/9/1945
    4. Ngày 22/12/1944
62. **Năm 1945, ở Bắc Bộ lực lượng Công an nhân dân đã thành lập cơ quan, tổ chức nào?**
    1. Sở Liêm phóng và Sở Cảnh sát
    2. Sở Liêm phóng và Sở Công an
    3. Sở An ninh và Sở Cảnh sát
    4. Sở Công an và Sở Cảnh sát
63. **Các tổ chức tiền thân của lực lượng Công an nhân dân đã tham gia nhiệm vụ gì?**
    1. Tham gia tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng 8/1945
    2. Tham gia đánh giặc ngày 19/12/1946
    3. Tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ 1954
    4. Tham gia giải phóng Thủ Đô Hà Nội năm 1954
64. **Ngày 15/01/1950 Hội nghị Công an toàn quốc xác định Công an nhân dân Việt Nam có tính chất gì?**
    1. Dân tộc, dân chủ, khoa học
    2. Quyết chiến, quyết thắng, biết thắng
    3. Toàn dân, toàn diện, hiện đại
    4. Đoàn kết, kỷ cương, nghiêm minh

**Bộ phận Tình báo quân đội được sáp nhập vào Nha Công an khi nào?**

Ngày 28/02/1950

Ngày 19/8/1945

Ngày 22/12/1945

Ngày 07/5/1954

1. **Anh hùng lực lượng vũ trang nào sau đây thuộc Công an nhân dân?**
   1. Võ Thị Sáu
   2. Nguyễn Viết Xuân
   3. Anh hùng Lê Mã Lương
   4. Phạm Tuân
2. **Nội dung nào sau đây không đúng với nhiệm vụ, thành tích của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1961 đến 1965?**
   1. Đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ
   2. Tăng cường xây dựng lực lượng
   3. Bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc
   4. Đẩy mạnh đấu tranh chống lực lượng phản cách mạng và tội phạm khác
3. **Nội dung nào sau đây không đúng với nhiệm vụ, thành tích của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1951 đến 1968?**
   1. Đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ
   2. Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội
   3. Góp phần làm thất bại ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ
   4. Góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mĩ
4. **Nội dung nào sau đây là thành tích của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1969 đến 1973?**
   1. Góp phần làm phá sản chiến lược ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ
   2. Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ
   3. Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ
   4. Đánh thắng ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ
5. **Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân từ năm 1973 đến 1975?**
   1. Cùng cả nước dốc sức giải phóng miến Nam, thống nhất đất nước
   2. Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mĩ
   3. Góp phần đánh thắng ‘‘Chiến tranh đặc biệt”của đế quốc Mĩ
   4. Đánh thăng ‘‘Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mĩ
6. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là gì?**
   1. Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng.
   2. Trung thành vô hạn với nông dân lao động.
   3. Trung thành vô hạn với nhà nước và toàn dân.
   4. Trung thành vô hạn với nhà nước.
7. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là gì?**
   1. Vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu.
   2. Đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.
   3. Chiến đấu kiên quyết với bọn phản động.
   4. Quyết chiến, quyết thắng, đánh thắng.
8. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là gì?**
   1. Độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ an ninh, những thành tựu khoa học công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu
   2. Chiến đấu quyết liệt với kẻ thù
   3. Thực hiện toàn quân với dân một ý chí chiến đấu.
   4. Hết lòng giúp đỡ nhau lúc ra trận.
9. **Nội dung nào sau đây không phải là truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam?**
   1. Cơ động nhanh, chiến đấu rất giỏi, linh hoạt.
   2. Cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu
   3. Tận tụy trong công việc
   4. Dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu
10. **Một trong những truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam là gì?**
    1. Quan hệ quốc tế trong sáng, thủy chung, nghĩa tình
    2. Chiến đấu sát cánh bên nhau với lực lượng công an quốc tế.
    3. Chiến đấu kiên quyết với kẻ thù xâm lược từ bên ngoài.
    4. Luôn lắng nghe và quan tâm đến nguyện vọng của nhân dân.
11. **Đảng Cộng sản Việt nam lãnh đạo Công an nhân dân Việt Nam theo nguyên tắc nào?**
    1. Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt
    2. Tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện.
    3. Toàn diện, trực tiếp về mọi mặt.
    4. Tuyệt đối, toàn diện về mọi mặt
12. **Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng Công an nhân dân có nội dung nào sau đây?**
    1. Vì nước quên thân, vì dân phục vụ
    2. Kẻ thù nào cũng đánh thắng
    3. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành
    4. Khó khăn nào cũng vượt qua
13. **Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng Công an nhân dân có nội dung nào sau đây?**
    1. Với địch phải kiên quyết, khôn khéo
    2. Phải trung thành với nhiệm vụ chiến đấu được giao
    3. Với địch phải chiến đấu một cách kiên quyết
    4. Với công việc phải hoàn thành thật tốt
14. **Thể hiện tập trung nhất về sự hợp tác quốc tế của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam là:** 
    1. Sự phối hợp công tác của công an Việt Nam, Lào và Campuchia trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ.
    2. Sự phối hợp một cách tuyệt đối trong công tác của công an Việt Nam với công an Lào anh em
    3. Sự chi viện tuyệt đối trong công tác của công an Việt Nam với công an Lào, Campuchia anh em
    4. Sự phối hợp công tác của công an Việt Nam với công an các nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ.
15. ***Khi ở động tác nghiêm, hai chân khác với động tác nghỉ như thế nào?***
    1. Hai đầu gối thẳng, sức nặng toàn thân dồn vào hai chân
    2. Đặt sát vào nhau, mở rộng một góc 450độ
    3. Thân người phía trên ở tư thế nghiêm
    4. Ngón tay khép lại, cong tự nhiên
16. ***Tại sao người đi trong đội hình phải đổi chân khi đang đi đều?***
    1. Vì sai nhịp đi chung trong phân đội
    2. Khi cần làm chuẩn cho đội hình
    3. Để nhịp đi đều hơn, đẹp hơn
    4. Đổi chân theo lệnh của chỉ huy
17. ***Tại sao phải có động tác đổi chân khi đang đi đều?***
    1. Để thống nhất nhịp đi chung trong phân đội
    2. Để khắc phục khó khăn khi đi trên địa hình mấp mô
    3. Nhằm giữ giãn cách đúng quy định trong khi đi
    4. Để phục tùng tuyệt đối mệnh lệnh người chỉ huy
18. **Khi nào chiến sĩ phải đổi chân ngay trong đội hình đang đi đều?**
    1. Khi thấy mình đi sai với nhịp chung của đơn vị
    2. Khi có lệnh của người chỉ huy phải đổi chân
    3. Khi cần phải làm chuẩn cho cả đội hình
    4. Trong khi đi có tiếng hô của người chỉ huy
19. **Trong đội ngũ từng người không có súng, động tác chạy đều dùng để làm gì?** 
    1. Khi di chuyển cự li xa trên 5 bước được nhanh chóng, trật tự và thống nhất
    2. Thực hiện mệnh lệnh của người chỉ huy được nhanh chóng
    3. Khi vận động trong điều kiện địa hình bằng phẳng
    4. Khi di chuyển xa được nhanh chóng và thống nhất
20. **Chào cấp trên xong, khi nào người chào bỏ tay xuống?**
    1. Khi cấp trên chào đáp lễ xong
    2. Khi cấp trên cho phép bỏ tay xuống
    3. Khi báo cáo hết nội dung
    4. Phải giữ nguyên động tác trước cấp trên sau khi chào
21. **Đội ngũ từng người không có súng quy định trong trường hợp nào không phải đưa tay chào?**
    1. Khi hai tay đang bận làm nhiệm vụ
    2. Khi mang găng tay
    3. Khi đang làm việc, học tập
    4. Khi đang nói chuyện với người khác
22. **Động tác quay tại chỗ dùng để làm gì?**
    1. Để đổi hướng nhanh chóng, chính xác, giữ được vị trí đứng
    2. Để đổi hướng theo đúng ý định, giữ được vị trí đứng
    3. Để đổi thực hiện lệnh của người chỉ huy một cách chính xác
    4. Để nhanh chóng đổi đội hình, giữ được đúng hướng
23. **Động tác quay tại chỗ dùng trong trường hợp nào?**
    1. Khi cần đổi hướng nhưng vẫn giữ được vị trí đứng
    2. Khi có ý định thay đổi hướng và vị trí
    3. Khi cần thực hiện lệnh của người chỉ huy một cách chính xác
    4. Khi phải nhanh chóng đổi đội hình, nhưng giữ đúng hướng
24. **Quay tại chỗ có những động tác nào?**
    1. Quay bên phải; quay bên trái; quay đằng sau; quay nửa bên phải; quay nửa bên trái
    2. Quay bên phải; quay bên trái; đằng sau quay; quay nửa bên phải; quay nửa bên trái
    3. Quay bên phải; bên trái quay; quay đằng sau; quay nửa bên phải
    4. Bên phải quay; quay bên trái; quay đằng sau; quay nửa bên trái
25. **Trong đội ngũ từng người không có súng, quay tại chỗ có mấy động tác?**
    1. 05
    2. 02
    3. 03
    4. 04
26. **Khi quay đằng sau cần phải quay như thế nào ?**
    1. Lấy gót chân trái và mũi chân phải làm trụ, quay từ trái sang phải về sau 180độ
    2. Đưa chân trái về sau, quay từ trái sang phải về sau 180độ theo chiều kim đồng hồ
    3. Lấy hai mũi chân phải làm trụ, quay từ trái sang phải về sau 180độ
    4. Lấy gót chân phải và mũi chân trái làm trụ, quay từ phải sang trái về sau 180 độ
27. **Trong đội ngũ từng người không có súng, khẩu lệnh dùng trong các cách quay tại chỗ**
    1. Gồm có động lệnh và dự lệnh
    2. Chỉ có dự lệnh “….quay”
    3. Chỉ có động lệnh “…quay”
    4. Có động lệnh và dự lệnh như nhau
28. **Trong đội ngũ từng người không có súng, có mấy động tác chào cơ bản?**
    1. 01
    2. 04
    3. 03
    4. 02
29. **Trong đội ngũ từng người không có súng, động tác chào cơ bản có:**
    1. Chào khi đội mũ cứng, mũ kêpi
    2. Chào khi đang đội mũ
    3. Chào khi đội mũ cứng, mũ mềm
    4. Chào khi có mũ keepi, mũ mềm
30. **Trong đội ngũ từng người không có súng, có mấy động tác chào ?**
    1. 03
    2. 02
    3. 04
    4. 05
31. **Trong đội ngũ từng người không có súng, khi không đội mũ, động tác chào như thế nào?**
    1. Chào như khi đội mũ, chỉ khác đầu ngón tay giữa ngang đuôi lông mày bên phải
    2. Chào đúng như khi đang đội mũ, nhìn thẳng vào người mình chào
    3. Chào như khi đội mũ, nhưng đầu ngón tay trỏ ngang đuôi lông mày bên phải
    4. Không phải thực hiện động tác chào, chỉ nhìn thẳng vào người mình chào
32. **Trong đội ngũ từng người không có súng, động tác chào gồm những trường hợp nào?**
    1. Chào khi có mũ cứng, mũ kêpi; chào nửa bên phải (trái); chào khi không có mũ
    2. Chào khi đang đội mũ; chào nửa bên trái; chào khi không đội mũ
    3. Chào khi có mũ cứng, mũ mềm; chào nửa bên phải; chào khi không đội mũ
    4. Chào khi đội mũ kêpi; chào nửa bên phải
33. **Trong đội ngũ từng người không có súng, trường hợp nào không phải đưa tay chào?**
    1. Khi hai tay đang bận làm nhiệm vụ
    2. Khi mang găng tay
    3. Khi đang làm việc
    4. Khi đang bận nói với người khác
34. **Khẩu lệnh động tác chào gồm có:**
    1. Dự lệnh và động lệnh “ nhìn bên phải (trái)- chào” hoặc chỉ có động lệnh “chào”
    2. Chỉ có Dự lệnh “ nhìn bên phải chào”
    3. Chỉ có Động lệnh “ nhìn bên phải chào”
    4. Dự lệnh và động lệnh “chào”
35. **Để đổi hướng nhanh chóng, chính xác, nhưng vẫn giữ được vị trí đứng phải có động tác nào?**
    1. Các cách quay tại chỗ
    2. Giậm chân tại chỗ, đổi hướng
    3. Đối chân trong khi giậm chân
    4. Đi đều đổi hướng
36. **Tiến lùi, qua phải, qua trái vận dụng trong trường hợp nào?**
    1. Để di chuyển cự li ngắn từ 5 bước trở lại
    2. Để di chuyển cự li ngắn từ 6 bước trở lại
    3. Để di chuyển cự li ngắn từ 4 bước trở lại
    4. Để di chuyển cự li ngắn từ 3 bước trở lại
37. **Khi tiến, lùi, mỗi bước chân là bao nhiêu cm**
    1. Chân này bước lên (lùi xuống) cách chân kia 60cm
    2. Chân này bước lên (lùi xuống) cách chân kia 70cm
    3. Chân này bước lên (lùi xuống) cách chân kia 65cm
    4. Chân này bước lên (lùi xuống) cách chân kia 55cm
38. **Khi nghe dứt động lệnh “Tiến”, chiến sĩ trong hàng thực hiện chân nào bước lên trước?**
    1. Chân trái bước lên trước, sau đến là chân phải
    2. Chân phải bước lên 1/2 bước, tiếp đến là châm trái bước lên
    3. Chân trái bước lên 1/2 bước, tiếp đến là châm phải bước lên
    4. Chân phải bước lên trước, sau đến chân trái
39. **Khi nghe dứt động lệnh “ Bước” thực hiện động tác tiến, lùi như thế nào?**
    1. Chân trái bước lên cách chân phải 60cm, sau đến chân phải bước tiếp cách chân trái 60cm
    2. Chân trái bước lên cách chân phải 60cm, sau dó đứng nghiêm rồi chân phải bước tiếp
    3. Chân phải bước lên cách chân phải 60cm, sau đến chân trái bước tiếp cách chân trái 60cm
    4. Chân phải bước lên cách chân phải 60cm, sau dó đứng nghiêm rồi chân trái bước tiếp
40. **Khi tiến, lùi, qua phải, qua trái cần chú ý điểm gì?** 
    1. Không nhìn xuống để bước
    2. Khi bước phải luôn quan sát, nhìn người bên cạnh
    3. Phải nhìn xuống chân để bước cho chuẩn xác
    4. Khi bước hai tay phải đưa lên trước, về phía sau đúng góc độ
41. **Động tác ngồi xuống, đúng dậy dùng khẩu lệnh như thế nào?** 
    1. Chỉ có Động lệnh “Ngồi xuống” hoặc “Đứng dậy”
    2. Có Dự lệnh “Ngồi xuống” và Động lệnh “Đứng dậy”
    3. Có Dự lệnh và Động lệnh “Chuẩn bị - Ngồi xuống”
    4. Có Động lệnh và Dự lệnh “Chuẩn bị - Ngồi xuống”
42. **Trong đội ngũ từng người không có súng, tốc độ khi chạy đều bao nhiêu bước/phút**
    1. 170 bước/ phút
    2. 140 bước/ phút
    3. 150 bước/ phút
    4. 160 bước/ phút
43. **Trong đội ngũ từng người không có súng, khi giậm chân với tốc độ bao nhiêu bước/phút**
    1. 110 bước/ phút
    2. 120 bước/ phút
    3. 130 bước/ phút
    4. 140 bước/ phút
44. **Nội dung cần chú ý khi đi đều không bao gồm nội dung nào sau đây?**
    1. Khi đánh tay ra sau phải chú ý đánh sang hai bên thân người
    2. Khi đánh tay ra phía trước phải nâng khuỷu tay đúng độ cao
    3. Không nâng đùi, đúng độ dài mỗi bước và tốc độ
    4. Người ngay ngắn, không nghiêng ngả, gật gù, không nói chuyện...
45. **Khi đi đều, nhịp đi theo tiếng hô của người chỉ huy như thế nào là đúng?** 
    1. Hô “Một” khi chân trái bước xuống, “ Hai” khi chân phải bước xuống
    2. Hô “Một” hoặc “ Hai” vào chân nào cũng đều đúng
    3. Hô “Một” khi chân phải bước xuống; “ Hai” khi chân trái bước xuống
    4. Hô “Một” khi chân trái bước lên; “ Hai” khi chân phải bước lên
46. **Trong đội hình đi đều, nhịp đi theo tiếng hô của người chỉ huy như thế nào thì người đi phải đổi chân?**
    1. “Một” khi chân phải bước xuống, “ Hai” khi chân trái bước xuống
    2. “Một” khi chân trái bước xuống
    3. “ Hai” khi chân phải bước xuống
    4. Đúng nhịp đi chung trong phân đội
47. **Tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang có mấy bước?**
    1. 4 bước
    2. 2 bước
    3. 3 bước
    4. 1 bước
48. **Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ
49. **Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng ngang gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ
50. **Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng dọc gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ
51. **Trình tự tập hợp đội hình tiểu đội 2 hàng dọc gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Điểm số; tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ
52. **Khi kiểm tra gióng hàng, tiểu đội trưởng phải làm gì?**
    1. Thực hiện động tác qua phải (trái) để kiểm tra
    2. Nghiêng đầu để kiểm tra theo chuẩn
    3. Bước qua phải hoặc qua trái 5 bước
    4. Đứng tại chỗ để kiểm tra toàn đội hình
53. **Đội hình tiểu đội có đội hình nào sau đây?**
    1. 2 hàng ngang, 2 hàng dọc
    2. 3 hàng dọc; 4 hàng dọc
    3. 3 hàng ngang, 2 hàng dọc
    4. 3 hàng dọc, 2 hàng ngang
54. **Đội hình nào sau đây phải thực hiện điểm số?**
    1. Đội hình trung đội 1 hàng dọc
    2. Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang
    3. Đội hình trung đội 2 hàng dọc
    4. Đội hình trung đội 2 hàng ngang
55. **Đội hình nào sau đây không thực hiện điểm số?**
    1. Đội hình trung đội 2 hàng ngang
    2. Đội hình tiểu đội 1 hàng ngang
    3. Đội hình trung đội 1 hàng dọc
    4. Đội hình trung đội đội 3 hàng ngang
56. **Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng ngang như thế nào?**
    1. “Tiểu đội X thành 1 hàng ngang – Tập hợp”
    2. “Toàn tiểu đội X, 1 hàng ngang- Tập hợp”
    3. “Toàn tiểu đội X, thành 1 hàng ngang- Tập hợp”
    4. “Tiểu đội X chú ý: thành 1 hàng ngang- tập hợp”
57. **Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng ngang như thế nào?**
    1. “Tiểu đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp”
    2. “Toàn tiểu đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp”
    3. “Toàn tiểu đội X 2 hàng ngang- Tập hợp”
    4. “Tiểu đội X chú ý: thành 2 hàng ngang - Tập hợp”
58. **Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng dọc như thế nào?**
    1. “Tiểu đội X thành 1 hàng dọc – Tập hợp”
    2. “Toàn tiểu đội X, 1 hàng dọc – Tập hợp”
    3. “Toàn tiểu đội X, thành 1 hàng dọc – Tập hợp”
    4. “Tiểu đội X chú ý: thành 1 hàng dọc - Tập hợp”
59. **Khẩu lệnh của tiểu đội trưởng tiểu đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng dọc như thế nào?**
    1. “Tiểu đội X thành 2 hàng dọc – Tập hợp”
    2. “Toàn tiểu đội X, 2 hàng dọc – Tập hợp”
    3. “Tiểu đội X chú ý: thành 2 hàng dọc – Tập hợp”
    4. “Toàn tiểu đội X, thành 2 hàng dọc – Tập hợp”
60. **Tiểu đội gồm những đội hình nào?** 
    1. 1 hàng ngang; 1 hàng dọc; 2 hàng ngang; 2 hàng dọc
    2. 3 hàng ngang; 3 hàng dọc; 2 hàng ngang; 2 hàng dọc
    3. 4 hàng ngang; 3 hàng dọc; 4 hàng dọc
    4. 3 hàng dọc; 4 hàng ngang; 5 hàng ngang
61. **Tiểu đội hàng ngang có đội hình nào?** 
    1. 2 hàng ngang
    2. 4 hàng ngang
    3. 3 hàng ngang
    4. Không có đội hình hàng ngang
62. **Tiểu đội hàng dọc có đội hình nào?** 
    1. 2 hàng dọc
    2. 3 hàng dọc
    3. 4 hàng dọc
    4. Không có đội hình hàng dọc
63. **Đội hình nào phải thực hiện điểm số?**
    1. Tiểu đội 1 hàng ngang
    2. Tiểu đội 2 hàng ngang
    3. Tiểu đội 2 hàng dọc
    4. Trung đội 2 hàng dọc
64. **Chiến sĩ nào làm chuẩn khi giãn đội hình tiểu đội 1 hàng dọc?**
    1. Chiến sĩ đứng đầu hàng (số 1)
    2. Tiểu đội trưởng
    3. Chiến sĩ đứng cuối hàng
    4. Chiến sĩ đứng giữa hàng
65. **Đội hình tiểu đội nào không thực hiện điểm số?**
    1. Tiểu đội 2 hàng ngang
    2. Tiểu đội 1 hàng ngang
    3. Tiểu đội 1 hàng dọc
    4. Trung đội 1 hàng dọc
66. **Trung đội hàng dọc không có đội hình nào?** 
    1. 4 hàng dọc
    2. 1 hàng dọc
    3. 2 hàng dọc
    4. 3 hàng dọc
67. **Trung đội có những đội hình nào?** 
    1. 3 hàng ngang; 3 hàng dọc
    2. 1 hàng ngang; 2 hàng ngang; 4 hàng dọc
    3. 4 hàng ngang; 3 hàng dọc; 1 hàng ngang
    4. 3 hàng dọc; 4 hàng dọc; 5 hàng dọc
68. **Chiến sĩ nào làm chuẩn khi giãn đội hình tiểu đội, trung đội hàng ngang?**
    1. Tuỳ theo lệnh của chỉ huy, nhưng thường là người đứng đầu bên phải đội hình
    2. Tiểu đội trưởng luôn là người làm chuẩn
    3. Trung đội trưởng phải là người làm chuẩn
    4. Người có số thứ tự chẵn trong đội hình
69. **Cách điểm số của đội hình trung đội 3 hàng ngang như thế nào?**
    1. Tiểu đội 1 điểm số, các tiểu đội khác báo cáo thừa, thiếu
    2. Hết tiểu đội đến tiểu đội 2 điểm số
    3. Điểm số từ 1 đến hết chiến sĩ trong trung đội
    4. Không có tiểu đội nào điểm số
70. **Tập hợp đội hình trung đội 1 hàng ngang có mấy bước?**
    1. 4 bước
    2. 2 bước
    3. 3 bước
    4. 1 bước
71. **Tập hợp đội hình trung đội 1 hàng ngang gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ
72. **Tập hợp đội hình trung đội 2 hàng ngang có mấy bước?**
    1. 3 bước
    2. 4 bước
    3. 2 bước
    4. 1 bước
73. **Tập hợp đội hình trung đội 2 hàng ngang gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
74. **Tập hợp đội hình trung đội 3 hàng ngang có mấy bước?**
    1. 4 bước
    2. 2 bước
    3. 3 bước
    4. 1 bước
75. **Tập hợp đội hình trung đội 3 hàng ngang gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ
76. **Tập hợp đội hình trung đội 1 hàng dọc có mấy bước?**
    1. 4 bước
    2. 2 bước
    3. 3 bước
    4. 1 bước
77. **Tập hợp đội hình trung đội 1 hàng dọc gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ
78. **Tập hợp đội hình trung đội 2 hàng dọc có mấy bước?**
    1. 3 bước
    2. 4 bước
    3. 2 bước
    4. 1 bước
79. **Tập hợp đội hình trung đội 2 hàng dọc gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    4. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
80. **Tập hợp đội hình trung đội 3 hàng dọc có mấy bước?**
    1. 4 bước
    2. 2 bước
    3. 3 bước
    4. 1 bước
81. **Tập hợp đội hình trung đội 3 hàng dọc gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
82. **Tập hợp đội hình tiểu đội 1 hàng ngang gồm những bước nào?**
    1. Tập hợp đội hình; điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; giải tán
    2. Điểm số; chỉnh đốn hàng ngũ; tập hợp đội hình; giải tán
    3. Điểm số; tập hợp đội hình; giải tán
    4. Tập hợp đội hình; chỉnh đốn hàng ngũ
83. **Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng ngang như thế nào?**
    1. “Trung đội X thành 1 hàng ngang – Tập hợp”
    2. “Toàn trung đội X, 1 hàng ngang- Tập hợp”
    3. “Toàn trung đội X, thành 1 hàng ngang- Tập hợp”
    4. “Trung đội X chú ý: thành 1 hàng ngang- tập hợp”
84. **Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng ngang như thế nào?**
    1. “Trung đội X thành 2 hàng ngang – Tập hợp”
    2. “Toàn trung đội X, thành 2 hàng ngang – Tập hợp”
    3. “Toàn trung đội X, 2 hàng ngang- Tập hợp”
    4. “Trung đội X chú ý: thành 2 hàng ngang - Tập hợp”
85. **Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 1 hàng dọc như thế nào?**
    1. “Trung đội X thành 1 hàng dọc – Tập hợp”
    2. “Toàn trung đội X, 1 hàng dọc – Tập hợp”
    3. “Toàn trung đội X, thành 1 hàng dọc – Tập hợp”
    4. “Trung đội X chú ý: thành 1 hàng dọc - Tập hợp”
86. **Khẩu lệnh của trung đội trưởng trung đội X khi tập hợp đội hình thành 2 hàng dọc như thế nào?**
    1. “Trung đội X thành 2 hàng dọc – Tập hợp”
    2. “Toàn trung đội X, 2 hàng dọc – Tập hợp”
    3. “Trung đội X chú ý: thành 2 hàng dọc – Tập hợp”
    4. “Toàn trung đội X, thành 2 hàng dọc – Tập hợp”
87. **Phòng chống bom, đạn và thiên tai của dân tộc Việt Nam luôn được coi là cuộc đấu tranh gì?** 
    1. Sinh tồn, gắn với đấu tranh dựng nước và giữ nước
    2. Dựng nước và giữ nước
    3. Một mất một còn trong giữ nước
    4. Dựng nước của dân tộc
88. **Hiểu biết về một số loại bom, đạn và thiên tai để làm gì ?**
    1. Để phòng tránh, giảm nhẹ hoặc loại trừ thiệt hại do chúng gây ra
    2. Khắc phục triệt để mọi sự cố thiên tai, các loại bom, đạn gây ra
    3. Kịp thời chủ động để xử lí mọi sự cố do bom, đạn để lại
    4. Chủ động để xử lí mọi tình huống khi bão lụt xảy ra
89. **Thiệt hại nào sau đây không phải do bom, đạn địch gây ra?**
    1. Lũ lụt lớn, sạt lở núi và lũ quét đã phá hủy đường giao thông
    2. Chất cháy Na pan làm cháy rừng trên một diện tích rộng lớn
    3. Chất độc hóa học đã hủy diệt môi trường sống của con người
    4. Vũ khí chính xác gây nhiều thiệt hại về người và của cho đối phương
90. **Tên lửa hành trình của địch chủ yếu đánh những mục tiêu nào ?**
    1. Đánh vào mục tiêu cố định, nơi tập trung dân cư
    2. Các mục tiêu có khả năng cơ động lớn của đối phương
    3. Loại mục tiêu thường xuyên xuất hiện của đối phương
    4. Mục tiêu về kinh tế của đối phương
91. **Loại bom, đạn nào sau đây không có điều khiển?** 
    1. Đạn K56
    2. Bom CBU – 24
    3. Bom CBU – 55
    4. Bom GBU – 17
92. **Tác dụng chủ yếu của bom, đạn hóa học chứa khí độc là gì ?**
    1. Để sát thương sinh lực đối phương
    2. Làm thay đổi môi trường sống của đối phương
    3. Phá hoại các loại vũ khí của đối phương
    4. Làm nhiễm độc nguồn nước của đối phương
93. **Loại bom, đạn nào sau đây không phải loại có điều khiển ?**
    1. Đạn vạch đường
    2. Bom mềm
    3. Bom điện từ
    4. Bom từ trường
94. **Nội dung cụ thể của các biện pháp phòng tránh bom, đạn của địch không có một trong các nội dung sau?**
    1. Nên hoạt động ở nơi ít bom đạn
    2. Phải tổ chức trinh sát kịp thời
    3. Ngụy trang, giữ bí mật chống trinh sát của địch
    4. Phải thông báo, báo động kịp thời
95. **Muốn ngụy trang, giữ bí mật tốt để chống trinh sát của địch phải làm gì?**
    1. Giữ vững bí mật mục tiêu
    2. Phải cố gắng giữ mục tiêu khi địch trinh sát
    3. Không sử dụng vũ khí khi địch tiến công
    4. Đấu tranh với địch phải giữ bí mật
96. **Muốn ngụy trang tốt để phòng tránh bom, đạn của địch phải làm gì?**
    1. Ngụy trang kết hợp nghi binh đánh lừa
    2. Đánh trả địch hiệu quả
    3. Chuẩn bị tốt tinh thần
    4. Không chủ quan coi thường địch
97. **Muốn ngụy trang tốt để phòng tránh bom, đạn của địch phải làm gì?**
    1. Đào hầm, hố, giao thông hào để ẩn nấp
    2. Tăng cường số lượng vũ khí cho lực lượng vũ trang
    3. Tăng cường sức mạnh quân sự của đất nước
    4. Xây dựng lực lượng quân đội mạnh
98. **Trong chiến tranh, địch thường dùng loại bom, đạn nào để phá hủy hệ thống điện của ta?**
    1. Bom điện từ
    2. Thủy lôi từ trường
    3. Tên lửa hành trình
    4. Bom từ trường
99. **Dùng tay che dưới ngực, miệng hơi há ra khi nghe tiếng rít của bom có tác dụng gì?** 
    1. Để giảm sức ép của bom, đạn
    2. Giảm tối đa diện tích của cơ thể, hạn chế thương vong
    3. Tăng cường hô hấp nhằm chống ngạt thở
    4. Để bảo vệ nơi quan trọng nhất của cơ thể
100. **Một nội dung biện pháp phòng tránh bom, đạn của địch là gì?**
     1. Sơ tán, phân tán các nơi tập trung dân cư
     2. Khẩn trương sơ tán khi có bom đạn
     3. Ngụy trang thân thể kín đáo
     4. Tập trung vào nơi an toàn nhất có lực lượng bảo vệ
101. **Lực lượng nào đảm nhiệm chủ yếu việc đánh trả kịp thời để hạn chế tác hại của bom, đạn địch?**
     1. Lực lượng vũ trang đánh trả
     2. Lực lượng dân quân đánh trả là chủ yếu
     3. Lực lượng thanh niên xung kích đánh trả
     4. Lực lượng không quân đánh trả
102. **Khắc phục hiệu quả, kịp thời khi có tình huống bom, đạn địch gây ra có tác dụng gì ?**
     1. Hạn chế mức thấp thiệt hại do bom, đạn địch gây ra
     2. Để cứu người được nhanh chóng
     3. Làm mất ý chí chiến đấu của địch
     4. Làm địch mất lòng tin vào vũ khí của chúng
103. **Để khắc phục hiệu quả, kịp thời khi có tình huống bom, đạn địch gây ra cần lưu ý gì ?**
     1. Tự cứu là chính, nhanh chóng báo cho đội cấp cứu
     2. Nhanh chóng rời khỏi nơi xảy ra tình huống đó
     3. Phải cứu người trước, cứu mình sau
     4. Dứt khoát phải có lực lượng y tế để cứu người
104. **Để khắc phục hiệu quả, kịp thời khi bom, đạn địch gây cháy cần lưu ý gì ?**
     1. Phải cứu người trước
     2. Sơ tán vật dễ cháy trước
     3. Ưu tiên cho dập cháy trước
     4. Cách li khu vực cháy không cho lan rộng trước
105. **Hàng năm, ở Việt Nam thường gặp các loại thiên tai nào?**
     1. Bão, lũ lụt, lũ quét, ngập úng
     2. Động đất, lũ lụt, bão xoáy, cháy nổ
     3. Giông, tố, lở núi, lũ lụt, bão tuyết
     4. Mưa đá, mưa a xít, lốc, tố, lũ lụt, hạn hán
106. **Ở Việt Nam, bão xảy ra khi có triều cường thường kèm theo hiện tượng tự nhiên nào?**
     1. Nước biển dâng cao kèm theo mưa lớn và lũ lụt
     2. Độ ẩm cao, kèm theo mưa đá, giông tố
     3. Xảy ra lốc xoáy, kèm theo tố, lốc
     4. Gây ra thời tiết bất thường, xuất hiện lũ quét
107. **Hàng năm ở Việt Nam, lũ các sông thuộc khu vực Bắc Bộ thường xuất hiện như thế nào?**
     1. Sớm hơn so với các vùng khác trên cả nước
     2. Muộn hơn so với các vùng khác trên cả nước
     3. Về cơ bản như các vùng khác trên cả nước
     4. Tương tự như khu vực Miền Trung
108. **Nguyên nhân nào làm cho lũ các sông khu vực Miền Trung nước ta lên nhanh, xuống nhanh?**
     1. Vì sông ngắn và có độ dốc lớn
     2. Lượng mưa trong khu vực lớn
     3. Do có nhiều sông cùng đổ ra một cửa biển
     4. Các sông và cửa sông quá hẹp
109. **Ở nước ta, lũ hàng năm của các sông ở Miền Đông Nam Bộ có đặc điểm gì?**
     1. Không lớn nhưng thời gian kéo dài
     2. Lớn nhưng thời gian tồn tại ngắn
     3. Tương đối lớn nhưng thời gian kéo dài
     4. Xuất hiện sớm kết hợp với triều cường
110. **Ở Việt Nam, lũ quét thường xảy ra ở khu vực nào?**
     1. Ở địa hình rừng núi, độ dốc lớn, cường độ mưa lớn
     2. Khu vực Miền Trung mưa nhiều
     3. Nơi nền đất yếu khi có mưa lớn
     4. Khu vực có động đất nhẹ và mưa nhiều
111. **Ở nước ta, nhân dân khu vực nào đã biết cách sống chung với lũ?**
     1. Đồng bằng sông Cửu long
     2. Đồng bằng Bắc Bộ
     3. Bờ biển có triều cường
     4. Rừng ngập mặn, chua phèn
112. **Sự xuất hiện và tác hại của lũ quét như thế nào?**
     1. Thường bất ngờ, phạm vi hẹp, nhưng gây hậu quả nghiêm trọng người và của
     2. Thường có dấu hiệu báo trước, gây hậu quả chủ yếu cho cây trồng
     3. Trong phạm vi rộng, gây hậu quả chủ yếu cho nông nghiệp
     4. Thường bất ngờ, nhưng gây hậu quả ít nghiêm trọng cho người
113. **Khi phát hiện thấy bom, đạn của địch để lại, mỗi người cần phải làm gì ?**
     1. Đánh dấu, để nguyên tại chỗ và báo ngay cho người có trách nhiệm
     2. Lập tức đứng ra xa, đồng thời dùng lửa đốt
     3. Cùng mọi người khiêng, vác ra khỏi nơi nguy hiểm, tránh gây nổ
     4. Tại thời điểm đó, tự bản thân phải có trách nhiệm xử lí
114. **Về thời gian xuất hiện lũ các sông của Việt Nam hàng năm, số liệu nào sau đây không đúng?** 
     1. Khu vực Bắc Bộ từ tháng 9 đến tháng 12.
     2. Thanh Hóa đến Hà Tĩnh từ tháng 6 đến tháng 10.
     3. Quảng Bình đến Bình Thuận từ tháng 9 đến tháng 12.
     4. Huế đến Bình Thuận từ tháng 9 đến tháng 12.
115. **Một trong những nội dung biện pháp phòng chống thiên tai, lũ lụt là gì?**
     1. Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ và rừng ngập mặn
     2. Giao đất, giao rừng cho dân ở những khu vực trọng điểm
     3. Tăng cường công tác quản lí nhà nước trên các lĩnh vực xã hội
     4. Nắm được tình hình bão, lũ lụt để chủ động phòng chống hiệu quả
116. **Ở Việt Nam, hàng năm lũ các sông ở đồng bằng sông Cửu Long xuất hiện như thế nào?**
     1. Kéo dài 4 - 5 tháng, ngập hầu hết toàn bộ vùng
     2. Tồn tại 2 - 3 tháng, ngập từng vùng
     3. Thời gian ngắn dưới 2 tháng, nhưng ngập hết vùng
     4. Có năm kéo dài 1- 2 tháng, có năm không xẩy ra
117. **Muốn ngụy trang, giữ bí mật tốt để chống trinh sát của địch phải làm gì?**
     1. Ngụy trang kết hợp nghi binh, không để lộ mục tiêu
     2. Tốt nhất, hiệu quả nhất là người và vũ khí không làm việc
     3. Để lộ thật nhiều mục tiêu làm nhiễu loạn trinh sát của địch
     4. Xây dựng nhiều địa đạo, hang động để che giấu vũ khí
118. **Khi Napan cháy bám lên quần áo, cần phải xử lí thế nào ?**
     1. Nhanh chóng cởi bỏ quần áo và dập bằng chăn ướt
     2. Nhanh chóng vượt ra ngoài ngược với hướng gió
     3. Nhanh chóng vượt ra ngoài cùng với hướng gió
     4. Dùng tay phủi ngay để dập tăt đám cháy
119. **Khi có phốt pho cháy bám vào cơ thể, cần phải xử lí thế nào?**
     1. Dùng ngay phèn xanh (Sunphát đồng) để dập cháy
     2. Dùng ngay nước đá để dập cháy
     3. Dùng ngay bọt khí để hạn chế sự cháy
     4. Dùng tay chà sát mạnh để dập cháy
120. **Tại sao bom từ trường chủ yếu dùng để đánh phá đường giao thông?**
     1. Vì khi có sắt thép đi qua, ngòi nổ cảm nhận tín hiệu điện gây nổ
     2. Tạo từ trường mạnh làm tê liệt thần kinh đối phương
     3. Nó sẽ làm hỏng hệ thống điện của xe cơ giới đi qua,
     4. Vì mọi vật đi qua đều tác động tới tín hiệu điện gây nổ
121. **Hỗn hợp nhôm, phốt pho được sử dụng làm gì trong quân sự ?**
     1. Sử dụng làm chất cháy nhồi trong bom cháy
     2. Làm chất tạo khói trong bom cháy
     3. Làm thuốc mồi dẫn cháy trong bom cháy
     4. Là chất xúc tác trong bom cháy
122. **Dùng phương tiện, vật chất gì để khắc phục hiệu quả, kịp thời khi bom, đạn Na pan, bom xăng của địch gây cháy?**
     1. Cát, bọt khí, bao tải nhúng nước
     2. Nước, quạt gió tốc độ mạnh
     3. Bằng mọi cách làm cho cháy nhanh, kết thúc sự cháy
     4. Dùng cát là giải pháp duy nhất hạn chế sự cháy
123. **Tại sao thường dùng cát để dập tắt dám cháy khi bom Na pan, bom xăng của địch gây cháy?**
     1. Nhanh chóng lấp đầy và kín khu vực cháy
     2. Cát sẽ ngấm hết hỗn hợp chất cháy làm tắt đám cháy
     3. Để ngăn nguồn ô xy cung cấp cho sự cháy
     4. Cát vừa rẻ, vừa có khả năng phản ứng với mọi hỗn hợp cháy
124. **Cấp cứu ban đầu các tai nạn, thương tích là**
     1. Điều kiện tiên quyết cho việc điều trị tốt ở các cơ sở y tế
     2. Không cần thiết mà phải chuyến ngay nạn nhân đến các cơ sở y tế
     3. Rất quan trọng mà không phải chuyển nạn nhân đến các cơ sở y tế
     4. Không quan trọng chỉ làm chậm thời gian dến các cơ sở y tế
125. **Bong gân là:**
     1. Tổn thương dây chằng xung quanh khớp do chấn thương
     2. Tổn thương đầu xương ở các khớp do chấn thương
     3. Tổn thương các sụn khớp do chấn thương
     4. Di lệch các đầu xương ở khớp do chấn thương
126. **Nội dung nào sau đây không phải triệu chứng của bong gân?**
     1. Chi ở tư thế không bình thường, dài ra hoặc ngắn lại
     2. Đau nhức nơi tổn thương
     3. Sưng nề, có thể có bầm tím dưới da do chảy máu
     4. Vận động khó khăn, đau nhức
127. **Các khớp nào thường bị bong gân?**
     1. Khớp cổ chân, khớp ngón chân cái, khớp gối, khớp cổ tay
     2. Khớp vai, khớp khuỷu, khớp háng
     3. Khớp háng, khớp ngón chân, khớp ngón tay
     4. Khớp khuỷu, khớp bàn tay, khớp bàn chân, khớp ngón tay cái
128. **Nội dung nào sau đây không đúng với nội dung cấp cứu ban đầu bong gân?**
     1. Xoa bóp vùng khớp bong gân bằng các loại dầu xoa bóp
     2. Băng nhẹ chống sưng nề, giảm chảy máu và góp phần cố định khớp
     3. Chườm lạnh bằng túi chườm hoặc bọc nước đá áp vào vùng khớp
     4. Bất động chi bong gân, cố định tạm thời bằng các phương tiện
129. **Sai khớp là:**
     1. Sự di lệch các đầu xương ở khớp một phần hay hoàn toàn do chấn thương
     2. Tổn thương dây chằng xung quanh khớp do chấn thương
     3. Tổn thương đầu xương ở các khớp do chấn thương
     4. Tổn thương các sụn khớp do chấn thương
130. **Nội dung nào sau đây không phải triệu chứng của sai khớp?**
     1. Tại khớp tổn thương rất lỏng lẻo mà bình thường không có tình trạng đó
     2. Đau dữ dội, liên tục, nhất là khi đụng vào khớp hoặc lúc nạn nhân cử động
     3. Mất vận động hoàn toàn, không gấp duỗi được
     4. Chi ở tư thế không bình thường, dài ra hoặc ngắn lại
131. **Nội dung nào sau đây không đúng nội dung cấp cứu ban đầu sai khớp?**
     1. Nhanh chóng nắn chỉnh khớp về tư thế bình thường
     2. Bất động khớp bị sai
     3. Giữ nguyên tư thế sai khớp
     4. Chuyến ngay nạn nhân đến cơ sở y tế
132. **Hôn mê khác ngất ở điểm nào?**
     1. Tim, phổi và hệ bài tiết vẫn còn hoạt động
     2. Nạn nhân mất tri giác, cảm giác
     3. Nạn nhân mất khả năng vận động
     4. Tim, phổi và hệ bài tiết ngừng hoạt động
133. **Nội dung nào sau đây không phải triệu chứng của ngất?**
     1. Thường ngừng tim trước rồi ngừng thở sau
     2. Bồn chồn, khó chịu, mặt tái, mắt tối dần
     3. Chóng mặt, ù tai, ngã khuỵu xuống, bất tỉnh
     4. Toàn thân toát mồ hôi, chân tay lạnh, da tái xanh
134. **Cấp cứu ban đầu nạn nhân bị ngất, động tác xử trí nào sau đây sai?** 
     1. Không cần cấp cứu ban đầu mà nhanh chóng chuyến nạn nhân đến cơ sở y tế
     2. Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn tại nơi thoáng mái, kê gối dưới vai
     3. Lau chùi đất cát, đờm dãi ở mũi miệng để khai thông đường thở
     4. Cởi cúc áo, quần, nới dây lưng để máu dễ lưu thông
135. **Khi có 2 người, kỹ thuật thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân bị ngất như thế nào?** 
     1. Thổi ngạt 1 lần, ép tim 5 lần
     2. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 5 lần
     3. Thổi ngạt 1 lần, ép tim 10 lần
     4. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần
136. **Cấp cứu ban đầu người bị điện giật, cách xử trí nào sau đây sai?**
     1. Bằng tay không, nhanh chóng cầm tay, chân nạn nhân kéo ra ngoài .
     2. Nhanh chóng cắt cầu dao, bỏ cầu chì
     3. Dùng sào tre, gỗ khô đẩy dây điện ra khỏi người bị nạn
     4. Cầm tay, chân nạn nhân kéo ra, người cấp cứu phải đi dày dép khô và dùng vật cách điện lót tay
137. **Nội dung nào sau đây không phải triệu chứng của điện giật?**
     1. Toàn thân toát mồ hôi, chân tay lạnh, da xanh tái
     2. Có thể tim ngừng đập, ngừng thở và gây tử vong nếu không cấp cứu kịp thời
     3. Gây bỏng, có thể bỏng rất sâu, đặc biệt do điện cao thế
     4. Gãy xương, sai khớp và tổn thương các phủ tạng do ngã
138. **Ngộ độc thực phẩm không phải do nguyên nhân nào?** 
     1. Ăn thực phẩm đông lạnh, thực phẩm chế biến sẵn
     2. Ăn phải nguồn thực phẩm đã bị nhiễm khuẩn
     3. Ăn phải nguồn thực phẩm có chứa sẵn chất độc
     4. Ăn một số thực phẩm dễ gây dị ứng, tùy thuộc cơ địa từng người
139. **Ngộ độc thức ăn không có hội chứng nào sau đây?**
     1. Hội chứng não, màng não
     2. Hội chứng nhiễm khuẩn nhiễm độc
     3. Hội chứng viêm cấp đường tiêu hóa
     4. Hội chứng mất nước điện giải
140. **Cấp cứu ban đầu ngộ độc thức ăn không dùng biện pháp xử trí nào?**
     1. Dùng thuốc chống nôn, chống tiêu chảy
     2. Cho uống nhiều nước để chống mất nước
     3. Cho uống kháng sinh để chống nhiễm khuẩn
     4. Dùng thuốc trợ tim, trợ sức
141. **Ngộ độc sắn nên cho bệnh nhân uống loại nước nào là tốt nhất?**
     1. Nước đường, sữa, nước mía, mật ong
     2. Nước gạo rang với vài lát gừng
     3. Nước đường có thêm một chút muối
     4. Nước đun sôi để nguội, nước lọc
142. **Ngộ độc nấm nên cho bệnh nhân uống loại nước nào là tốt nhất?**
     1. Nước đường có thêm một chút muối
     2. Nước gạo rang với vài lát gừng
     3. Nước đường, sữa, nước mía, mật ong
     4. Nước đun sôi để nguội, nước lọc
143. **Trường hợp ngộ độc thức ăn, sau đó nên ăn uống như thế nào?**
     1. Nhịn ăn hoặc ăn lỏng 1 - 2 bữa/ngày
     2. Nhịn ăn, uống hoàn toàn trong 2 ngày
     3. Ăn uống bình thường
     4. Ăn uống nhiều hơn bình thường
144. **Người không biết bơi khi ngã xuống nước, bị nước nhấn chìm sẽ ngạt thở sau bao nhiêu phút?**
     1. 2 - 3 phút
     2. 1 - 2 phút
     3. 4 - 5 phút
     4. 5 - 10 phút
145. **Nếu cấp cứu tốt, hầu như cứu sống được các nạn nhân bị ngạt nước trong tình trạng nào?**
     1. Giãy giụa; sặc, trào nước; tim còn đập
     2. Mê man, tím tái, gọi hỏi không biết
     3. Da đã trắng bệch hoặc tái xanh
     4. Đồng tử đã giãn
146. **Cấp cứu ban đầu nạn nhân bị ngạt nước, động tác nào không nên làm?**
     1. Đặt nạn nhân nằm ngay ngắn, không để đầu nạn nhân nghiêng về một bên
     2. Nhanh chóng dốc nước ra khỏi dạ dày bắng các biện pháp
     3. Móc đất, bùn, đờm rãi lấy răng giả (nếu có) ra khỏi miệng
     4. Hô hấp nhân tạo (nếu nạn nhân đã ngừng thở, tim ngừng đập)
147. **Trường hợp say nóng, say nắng triệu chứng nào xảy ra sớm nhất?**
     1. Chuột rút, trước hết ở tay, chân
     2. Nhức đầu, chóng mặt
     3. Mệt mỏi, chân tay rã rời, khó thở
     4. Sốt cao 40 - 420c, mạch nhanh
148. **Nội dung nào sau đây không là triệu chứng điển hình của say nóng, say nắng?**
     1. Ho sặc sụa, nôn nhiều lần
     2. Sốt cao, mạch nhanh
     3. Thở nhanh nông trên 30 lần/phút
     4. Chóng váng, bồn nôn, sợ ánh sáng
149. **Cấp cứu ban đầu say nóng, say nắng, động tác xử trí nào không nên làm?**
     1. Không cần cấp cứu tại chỗ mà nhanh chóng chuyển nạn nhân tới bệnh viện
     2. Đưa nạn nhân vào nơi thoáng mái, cởi bỏ quần áo
     3. Quạt mát, chờm lạnh bằng khăn ướt hoặc xoa cồn 450
     4. Cho uống nước đường và muối, hoặc nước orezol
150. **Khi bị ngộ độc Lân hữu cơ cấp tính điển hình, đồng tử của nạn nhân ra sao?**
     1. Co hẹp
     2. Bình thường
     3. Giãn rộng
     4. Giãn rất rộng
151. **Mục đích của băng vết thương không gồm nội dung nào?**
     1. Làm liền vết thương
     2. Bảo vệ cho vết thương khỏi bị ô nhiễm
     3. Cầm máu tại vết thương
     4. Giảm đau đớn cho nạn nhân
152. **Nội dung nào sau đây không đúng với nguyên tắc của băng vết thương?**
     1. Băng bằng băng thun
     2. Băng kín, băng hết các vết thương
     3. Băng đủ độ chặt
     4. Băng sớm, băng nhanh
153. **Thường dùng kiểu băng vòng xoắn khi băng vết thương ở các vị trí nào?**
     1. Các đoạn chi hình trụ, có các vòng tương đối đều nhau
     2. Các đoạn chi hình trụ, có các vòng không đều nhau
     3. Băng đầu, băng mắt
     4. Các vị trí có nếp gấp
154. **Trong tất cả các kiểu băng, vòng băng sau đè lên vòng băng trước như thế nào?**
     1. 2/3 vòng băng trước
     2. 3/4 vòng băng trước
     3. 1/2 vòng băng trước
     4. 1/3 vòng băng trước
155. **Băng cuộn thường có kích thước bao nhiêu?**
     1. Rộng 6 - 8 cm, dài 4 - 5 m
     2. Rộng 3 - 4 cm, dài 3 - 4 m
     3. Rộng 5 - 6 cm, dài 4 - 6 m
     4. Rộng 8 - 10 cm, dài 4 - 10 m
156. **Thường dùng kiểu băng số 8 khi băng vết thương ở các vị trí nào?**
     1. Các vị trí có nếp gấp
     2. Các đoạn chi hình trụ, có các vòng tương đối đều nhau
     3. Băng bụng, băng ngực
     4. Băng đầu, băng trán
157. **Khi băng vết thương ở bàn tay, bàn chân thường dùng kiểu băng nào?**
     1. Băng số 8
     2. Băng vòng xoắn
     3. Băng chữ nhân
     4. Băng vành khăn
158. **Khi băng vết thương ở đầu, thường dùng kiểu băng nào?**
     1. Băng kiểu quai mũ
     2. Băng vòng xoắn
     3. Băng số 8
     4. Băng chữ nhân
159. **Từ điển tiếng Việt thì chất ma túy là tên gọi chung cho tất cả các chất nào?**
     1. Các chất có tác dụng gây trạng thái ngây ngất, đờ đẫn, dùng quen thành nghiện
     2. Các chất có tác dụng an thần, dùng quen thành nghiện
     3. Tất cả các chất có tác dụng kích thích thần kinh, dùng nhiều thành nghiện
     4. Các chất có tác dụng giảm đau, hạ sốt khi dùng sẽ nghiện
160. **Từ quan điểm của tổ chức Y tế thế giới (WHO) khi đưa vào cơ thể con người ma túy có tác dụng gì?**
     1. Làm thay đổi một số chức năng của cơ thể
     2. Làm thay đổi toàn bộ chức năng của cơ thể
     3. Làm thay đổi chức năng thần kinh của cơ thể
     4. Làm thay đổi chức năng phản xạ của cơ thể
161. **Theo quan điểm của Liên Hợp Quốc thì ma túy có nguồn gốc tự nhiên hay tổng hợp khi xâm nhập vào cơ thể có tác dụng ra sao?**
     1. Làm thay đổi ý thức và trí tuệ, làm cho con người lệ thuộc vào nó
     2. Có tác dụng giảm đau, chống béo phì
     3. Có tác dụng giảm béo, ổn định cơ thể
     4. Làm ổn định tinh thần, tư tưởng, chống nghiện
162. **Chất nào sau đây được gọi là chất ma túy?**
     1. Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa
     2. Nhựa cây Morphine, nhựa cây thuốc lá
     3. Chất nicotin của thuốc lá, thuốc lào
     4. Các loại thuốc giảm đau, hạ nhiệt
163. **Chất nào sau đây được gọi là chất ma túy?**
     1. Cao côca, lá, hoa, quả cây cần sa, côca
     2. Cao lá, hoa, quả cây thuốc lá, côca
     3. Bột lấy từ quả, lá cây Morphine
     4. Bột lấy từ rễ, hoa cây Morphine
164. **Loại hoa quả nào sau đây được gọi là chất ma túy?**
     1. Quả thuốc phiện tươi hoặc khô
     2. Quả Morphine tươi hoặc sấy khô
     3. Lá cây thuốc lá tươi hoặc khô
     4. Lá cây Morphine tươi hoặc sấy khô
165. **Chất nào sau đây được gọi là chất ma túy?**
     1. Heroine, côcaine
     2. Chất làm hạ nhiệt cơ thể
     3. Chất làm giảm đau đầu
     4. Chất kích thích thần kinh
166. **Khái niệm về chất ma túy trong Luật phòng chống ma túy được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành là chất gì?**
     1. Là chất gây nghiện, chất hướng thần
     2. Chất kích thích, khi dùng nhiều thần kinh sẽ bị tê liệt
     3. Tất cả các chất nào mà khi dùng sẽ bị say như say rượu
     4. Chất gây tâm lí hoang mang, ảo tưởng, khi dùng sẽ nghiện
167. **Khái niệm về chất ma túy trong Luật phòng chống ma túy được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành là chất gì?**
     1. Là chất kích thích, ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện
     2. Là chất hóa học là tê liệt thần kinh, dễ gây tình trạng ngất
     3. Là chất giảm đau cơ thể, dễ gây nghiện và say thuốc
     4. Là chất giảm phản xạ thần kinh, gây tình trạng nghiện
168. **Khái niệm về chất ma túy trong Luật phòng chống ma túy được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành là chất gì?**
     1. Là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện
     2. Là chất kích thích, sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện
     3. Là chất gây bệnh tâm thần, nếu sử dụng một lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện
     4. Là chất gây bệnh tâm thần, nếu sử dụng một vài lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện hoặc bệnh tâm thần
169. **Chất hướng thần khác chất gây nghiện về khả năng gây nghiện như thế nào?**
     1. Nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện
     2. Sử dụng một lần sẽ dẫn tới tình trạng nghiện
     3. Sử dụng nhiều lần vẫn có thể không nghiện
     4. Nếu sử dụng nhiều lần sẽ dẫn tới chết
170. **Chất gây nghiện khác chất hướng thần về khả năng gây nghiện như thế nào?**
     1. Dễ gây tình trạng nghiện
     2. Dễ gây nên bệnh thần kinh
     3. Không gây tình trạng nghiện
     4. Dùng một lần là nghiện
171. **Phân loại chất ma túy gồm có những loại nào?**
     1. Có nguồn gốc tự nhiên; bán tổng hợp; tổng hợp
     2. Có nguồn gốc thiên nhiên; bán tổng hợp; bán tự nhiên
     3. Có nguồn gốc tâm lí; bán tổng hợp; sinh học
     4. Có nguồn gốc sinh học; bán tổng hợp; tự nhiên
172. **Chất Ancoloit từ cây thuốc phiện, côca và cần sa là:**
     1. Chất ma túy có nguồn gốc tự nhiên
     2. Chất ma túy có nguồn gốc thiên nhiên
     3. Chất ma túy có nguồn gốc sinh học
     4. Chất ma túy có nguồn gốc thực vật
173. **Heroin là chất ma túy được điều chế như thế nào?**
     1. Cho Morphine tác dụng với anhydric axêtic
     2. Cho Morphine tác dụng với nước sôi để nguội
     3. Cho Morphine tác dụng với phèn chua
     4. Cho Morphine tác dụng với axít béo
174. **Các chất ma túy Amphetaminne, Metamphetamine là:.**
     1. Chất ma túy tổng hợp
     2. Chất ma túy bán tổng hợp
     3. Chất ma túy tự nhiên
     4. Chất ma túy bán tự nhiên
175. **Phân loại chất ma túy dựa vào tác dụng của nó đối với tâm sinh lí người sử dụng thì có các nhóm nào?**
     1. An thần; gây kích thích; gây ảo giác
     2. Thần kinh; gây kích thích; gây cảm giác
     3. Tâm thần; gây hoang tưởng; gây ảo tưởng
     4. Tê liệt thần kinh; gây cảm giác; gây ảo giác
176. **Morphine, Heroine là chất ma túy loại nào?** 
     1. Loại an thần
     2. Loại bán tổng hợp
     3. Loại tổng hợp
     4. Loại gây kích thích
177. **Cocaine, amphetamine là chất ma túy loại nào?** 
     1. Loại gây kích thích
     2. Loại gây ảo giác
     3. Loại tổng hợp
     4. Loại an thần
178. **Cần sa, lysergide là chất ma túy loại nào?** 
     1. Loại gây ảo giác
     2. Loại gây kích thích
     3. Loại bán tổng hợp
     4. Loại tổng hợp
179. **Thuốc phiện sống (tươi) là nhựa thuốc phiện, nó có tính chất gì?**
     1. Đông đặc, màu đen sẫm, không tan trong nước
     2. Lỏng, màu nâu sẫm, tan trong nước
     3. Dạng bột, màu trắng đục, không tan trong nước
     4. Đông đặc, màu đen, tan trong nước
180. **Điều chế Morphine và Heroine từ chất nào?**
     1. Thuốc phiện khô
     2. Thuốc phiện tươi
     3. Lá cây cần sa
     4. Quả côca
181. **Nội dung nào sau đây không phải là hậu quả của nghiện thuốc phiện?**
     1. Béo phì, vận động khó khăn
     2. Suy sụp về sức khỏe, da xám
     3. Ăn không ngon, tiêu hóa kém, thân hình tiều tụy
     4. Có thể chết do suy tim mạch và kiệt sức
182. **Một trong những biểu hiện về hậu quả của nghiện thuốc phiện là gì?**
     1. Người gầy yếu, tiều tụy, sợ nước, sợ rượu, đi đứng không vững.
     2. Người gầy, nhưng đi đứng bình thường.
     3. Người béo phì, sợ nước, làm việc và vận động bình thường.
     4. Người phát triển bình thường, nhưng đi lại khó khăn.
183. **Chất ma túy Morphine có thể nhận biết được như thế nào?** 
     1. Kết tinh dạng bột tinh thể màu trắng, không mùi, vị đắng
     2. Kết tinh dạng bột tinh thể màu trắng, mùi hắc, vị chua
     3. Kết tinh dạng tinh thể màu trắng, không mùi, vị ngọt
     4. Thể lỏng, màu trắng đục, không mùi vị
184. **Chất ma túy Heroine tồn tại ở dạng tinh thể không lẫn tạp chất, có màu, mùi, vị như thế nào?**
     1. Màu trắng, không mùi, vị đắng
     2. Dạng tinh thể không màu
     3. Màu trắng, mùi hắc, vị ngọt
     4. Màu trắng, mùi hắc, vị chua
185. **Heroine là chất ma túy:**
     1. Nguy hiểm và phổ biến nhất hiện nay
     2. Cực độc, nguy hiểm trực tiếp tới tính mạng con người
     3. Cực độc, khi tiếp xúc con người có thể chết ngay
     4. Rất độc, trong chiến tranh kẻ địch dùng để đầu độc con người
186. **Estasy gây kích thích hệ thần kinh trung ương là chất ma túy:** 
     1. Thuộc chất độc bảng A, rất nguy hiểm và khả năng gây nghiện cao
     2. Thuộc chất độc vô cùng nguy hiểm có khả năng gây chết người
     3. Cực kì nguy hiểm và khả năng gây nghiện cao cho thanh niên
     4. Thuộc chất độc bảng A, con người khi tiếp xúc sẽ bị nghiện
187. **Heroine là chất ma túy so với Morphine thì mức độ độc và nguy hiểm như thế nào?**
     1. Độc hơn và nguy hiểm nhiều hơn
     2. Tương đương nhau
     3. Ít nguy hiểm và độc cũng thấp hơn
     4. Ít nguy hiểm nhưng vô cùng độc
188. **Lysergide (LSD) là một chất ma túy:**
     1. Bán tổng hợp, gây ảo giác rất mạnh và rất nguy hiểm
     2. Tổng hợp, gây kích thích mạnh và nguy hiểm
     3. Kích thích, gây ức chế hoạt động rất mạnh, tương đối nguy hiểm
     4. Có gốc tự nhiên, gây cảm giác mạnh và rất nguy hiểm
189. **Một trong những tác hại của ma túy với người nghiện như thế nào?** 
     1. Gây hại nghiêm trọng, phát sinh nhiều loại bệnh tật, hủy hoại sức khỏe
     2. An thần, nhưng phát sinh nhiều bệnh tật, ảnh hưởng sức khỏe
     3. Gây hại nghiêm trọng, phát sinh nhiều loại bệnh tật cho mọi người
     4. Giảm đau, nhưng có hại cho sức khỏe con người
190. **Tình trạng nào sau đây không phải là tác hại của ma túy với người nghiện?**
     1. Da đỏ tím, phát ban, ngứa ngáy khó chịu, rất muốn tắm
     2. Nước da tái xám, dáng đi xiêu vẹo, cơ thể gầy đét
     3. Rối loạn sinh học, thức đêm, ngủ ngày
     4. Suy nhược toàn thân, người gầy gò, xanh xao, mắt trắng, môi thâm
191. **Nội dung nào sau đây không phải tổn hại về tinh thần do nghiện ma túy?**
     1. Thích có nhiều bạn bè để vui chơi giải trí
     2. Sa sút về tinh thần, xa lánh nếp sống, sinh hoạt lành mạnh
     3. Trộm cắp, lừa đảo, cướp giật
     4. Hành vi, lối sống sai chuẩn mực đạo đức, tha hóa về nhân cách
192. **Nội dung nào sau đây không phải tổn hại về kinh tế, tình cảm, hạnh phúc gia đình do nghiện ma túy?**
     1. Buôn bán thua lỗ dẫn đến hay cáu gắt với mọi người
     2. Tiêu tốn tài sản, thiệt hại về kinh tế
     3. Xa lánh người thân, hay gây gổ, cáu gắt với mọi người
     4. Hành hạ người thân, cha mẹ, vợ con, anh em
193. **Tác hại của ma túy đối với trật tự, an toàn xã hội như thế nào?**
     1. Là nguyên nhân xô đẩy người lương thiện vào con đường phạm tội
     2. Là nguyên nhân chủ yếu làm mất an ninh trật tự
     3. Là động cơ đẩy người lương thiện, thanh niên phạm tội
     4. Là nguyên nhân chủ yếu làm cho thanh niên phạm tội
194. **Nội dung nào sau đây không phải là tác hại của ma túy đối với trật tự, an toàn xã hội?** 
     1. Lôi kéo gây mất trật tự an ninh ở các khu vực đông người
     2. Người nghiện có những hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật
     3. Kéo theo tệ nạn xã hội, gây bất ổn về an ninh, trật tự trong địa bàn
     4. Gây tâm lí hoang mang, lo sợ và bất bình trong nhân dân
195. **Tác hại của ma túy đối với trật tự, an toàn xã hội như thế nào?**
     1. Người nghiện tham gia buôn bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy
     2. Người nghiện tham gia chủ yếu việc tổ chức sản xuất trái phép chất ma túy
     3. Người nghiện là đối tượng chủ yếu tàng trữ chất ma túy
     4. Là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mất trật tự an ninh trên địa bàn
196. **Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân khách quan dẫn đến nghiện về ma túy?**
     1. Do quá sức vì phải làm đêm, học đêm, học thêm quá nhiều
     2. Lối sống thực dụng, buông thả, do không làm chủ được bản thân
     3. Sự phối hợp quản lí học sinh của gia đình, nhà trường và xã hội chưa hiệu quả
     4. Quản lý địa bàn dân cư của địa phương chưa tốt
197. **Nguyên nhân chủ quan dẫn đến nghiện về ma túy là gì?**
     1. Thiếu hiểu biết về tác hại của ma túy nên bị lôi kéo sử dụng
     2. Hiểu biết về ma túy nhưng coi thường hậu quả của nó
     3. Biết rõ về hậu quả, dùng quá nhiều
     4. Biết rõ về hậu quả vẫn sử dụng
198. **Nội dung nào sau đây không phải là dấu hiệu để nhận biết học sinh nghiện ma túy?**
     1. Thích ăn mặc, trang điểm lòe loẹt khác người
     2. Hay toát mồ hôi, ngáp vặt, ngủ gật, lực học giảm sút
     3. Thường xin ra ngoài đi vệ sinh trong khi học tập
     4. Tính tình cáu gắt, da xanh tái, trầm cảm
199. **Nội dung nào sau đây không phải là trách nhiệm của học sinh trong phòng chống ma túy?**
     1. Nói không với ma túy nên khi trong lớp có bạn nghiện ma túy, phải đưa bạn đến trại cai nghiện
     2. Nắm vững và nghiêm chỉnh chấp hành những quy định của pháp luật đối với công tác phòng chống ma túy
     3. Không tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc những việc liên quan đến ma túy
     4. Không sử dụng ma túy với bất kỳ hình thức nào
200. **Khi phát hiện bạn có biểu hiện sử dung ma túy, học sinh phải làm gì?**
     1. Báo cáo kịp thời cho thầy cô giáo
     2. Phải báo ngay cho bố mẹ mình
     3. Phải báo ngay cho đội phòng chống ma túy
     4. Phải kịp thời nhắc nhở và theo dõi bạn
201. **Trách nhiệm của học sinh trong phòng, chống ma túy cần lưu ý điều gì tuyệt đối không được làm?** 
     1. Khi trong lớp có bạn nghiện ma túy, phải xin phép nghỉ học
     2. Nâng cao cảnh giác tránh bị kẻ xấu lợi dụng, lôi kéo
     3. Tích cực tham gia phong trào phòng chống ma túy do nhà trường phát động
     4. Cam kết không vi phạm pháp luật, không tham gia vào các tệ nạn xã hội, ma túy
202. **Tác hại của ma túy về hệ tiêu hóa với người nghiện như thế nào?**
     1. Cảm giác no, không muốn ăn, tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm
     2. Cảm giác muốn ăn, nhưng tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm
     3. Ăn ít, uống nhiều, hoạt động của hệ tiêu hóa bình thường
     4. Không ăn uống do tiết dịch của hệ tiêu hóa giảm
203. **Tác hại của ma túy tới hệ tiêu hóa người nghiện như thế nào?**
     1. Thường có cảm giác buồn nôn, đau bụng.
     2. Hay nôn ọe, đau bụng dữ dội.
     3. Đau bụng liên tục, có cảm giác buồn ngủ.
     4. Thường có cảm giác đầy bụng, hay nôn, nhưc đầu.
204. **Tác hại của ma túy tới hệ hô hấp người nghiện hít như thế nào?**
     1. Viêm mũi, viêm xoang, viêm đường hô hấp trên và dưới
     2. Viêm phổi, hen phế quản, viêm đường hô hấp dưới
     3. Viêm mũi, nhưng không ảnh hưởng tới đường hô hấp trên và dưới
     4. Hen phế quản, viêm đường hô hấp trên
205. **Tác hại của ma túy tới hệ tuần hoàn người nghiện như thế nào?**
     1. Tim loạn nhịp, huyết áp tăng, giảm đột ngột, mạch máu bị xơ cứng
     2. Ổn định nhịp tim, huyết áp, mạch máu tạm ổn định
     3. Huyết áp luôn tăng đột ngột, mạch máu bị tắc
     4. Tim ổn định về nhịp, nhưng huyết áp tăng, mạch máu bình thường
206. **Tác hại của ma túy tới hệ thần kinh người nghiện như thế nào?**
     1. Kích thích hoặc ức chế từng phần ở bán cầu đại não
     2. Ức chế toàn phần ở bán cầu đại não
     3. Kích thích toàn phần ở bán cầu đại não
     4. Kích thích hoặc ức chế toàn bộ bán cầu đại não
207. **Tình trạng bệnh tật nào sau đây không phải là tác hại của ma túy với người nghiện?**
     1. Sốt cao liên tục
     2. Áp xe gan
     3. Suy gan, suy thận
     4. Viêm gan
208. **Tình trạng rối loạn cảm giác về da sau đây không phải là tác hại của ma túy của người nghiện?**
     1. Viêm đầu dây thần kinh
     2. Không cảm thấy bẩn, sợ nước, ngại tắm rửa
     3. Viêm da thường xuyên
     4. Ghẻ lở, hắc lào
209. **Nội dung nào sau đây không phải tổn hại về tinh thần do nghiện ma túy?**
     1. Có ý thức về hành vi nhưng phản ứng rất chậm chạp
     2. Hội chứng quên, ảo giác hoang tưởng, kích động
     3. Rối loạn về nhận thức, cảm xúc, về tâm tính
     4. Có thể có hành vi nguy hiểm cho bản thân và người xung quanh
210. **Phân loại chất ma túy dựa vào nội dung gì?**
     1. Nguồn gốc sản xuất; đặc điểm cấu trúc hóa học; mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng; dựa vào tác dụng của nó đối với tâm sinh lí người sử dụng
     2. Nguồn gốc tự nhiên; đặc điểm gây nghiện; mức độ gây nghiện và khả năng bị lạm dụng.
     3. Nguồn gốc xuất xứ; thành phần hóa học; mức độ gây nghiện và khả năng tác dụng của nó với người sử dụng
     4. Nguồn gốc hóa học; khả năng gây nghiện; tác dụng của nó đối với người sử dụng
211. **Một trong những hậu quả của nghiện thuốc phiện là gì?**
     1. Người gầy yếu, tiều tụy, đi đứng không vững.
     2. Người ốm yếu, nằm tại chỗ, phải cấp cứu liên tục
     3. Người phát triển bình thường, nhưng không đi đứng được.
     4. Người gầy nhưng đi đứng, ăn ngủ bình thường.

KHỐI 11

1. ***Lãnh thổ quốc gia được cấu thành từ các yếu tố nào?***
   1. Lãnh thổ; dân cư; nhà nước
   2. Lãnh thổ; dân tộc; hiến pháp; pháp luật
   3. Lãnh thổ; dân cư; hiến pháp
   4. Lãnh thổ; nhân dân; dân tộc
2. ***Trong các yếu tố cấu thành lãnh thổ quốc gia, yếu tố nào quan trọng nhất, quyết định nhất?***
   1. Lãnh thổ
   2. Dân cư
   3. Nhà nước
   4. Hiến pháp, pháp luật
3. ***Trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia được xác định như thế nào?*** 
   1. Là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân
   2. Là trách nhiệm của toàn lực lượng vũ trang và toàn dân
   3. Là trách nhiệm của toàn Đảng và các tổ chức xã hội
   4. Là trách nhiệm của giai cấp, của Đảng và quân đội
4. ***Lãnh thổ thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ của quốc gia bao gồm những bộ phận nào?***
   1. Vùng đất; vùng nước; vùng trời trên vùng đất, vùng nước; lòng đất dưới chúng
   2. Vùng đất; vùng trời trên vùng đất; lòng đất dưới chúng
   3. Vùng đất; vùng nước; vùng trời trên vùng đất; lòng đất dưới chúng
   4. Vùng đất; vùng trời; lòng đất dưới chúng
5. ***Lãnh thổ quốc gia được cấu thành gồm những vùng nào?***
   1. Vùng đất; vùng nước; vùng trời; vùng lòng đất
   2. Vùng đất; vùng trời; vùng tiếp giáp lãnh hải
   3. Vùng đất; vùng trời; vùng lãnh hải; vùng thềm lục địa
   4. Vùng đất; vùng trời; vùng đặc quyền kinh tế
6. ***Vùng lòng đất quốc gia là:***
   1. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng nước thuộc chủ quyền quốc gia
   2. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất thuộc chủ quyền quốc gia
   3. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng đảo thuộc chủ quyền quốc gia
   4. Toàn bộ phần nằm dưới lòng đất, vùng trời thuộc chủ quyền quốc gia
7. ***Vùng trời quốc gia là:***
   1. Không gian bao trùm trên vùng đất, vùng nước quốc gia
   2. Không gian bao trùm trên vùng đất quốc gia
   3. Không gian bao trùm trên vùng đất, vùng đảo quốc gia
   4. Không gian bao trùm trên vùng đảo và vùng biển quốc gia
8. ***Vùng nước quốc gia bao gồm:***
   1. Vùng nước nội địa, vùng nước biên giới, vùng nội thủy, vùng nước lãnh hải
   2. Vùng nước nội địa, vùng nội thủy, vùng nước lãnh hải
   3. Vùng nước nội địa, vùng nước biên giới
   4. Vùng nước nội địa, vùng nước lãnh hải
9. ***Vùng lãnh hải là vùng biển*** 
   1. Tiếp liền bên ngoài vùng nước nội thủy của quốc gia
   2. Tiếp liền bên ngoài vùng thềm lục địa của quốc gia
   3. Tiếp liền bên trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia
   4. Tiếp liền bên ngoài vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia
10. ***Vùng lãnh hải rộng bao nhiêu hải lý và tính từ đâu?***
    1. 12 hải lí tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
    2. 24 hải lí tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
    3. 12 hải lí tính từ vùng đặc quyền kinh tế
    4. 12 hải lí tính từ đường bờ biển
11. ***Vùng nội thủy là vùng nước:***
    1. Bên trong đường cơ sở
    2. Nằm ngoài đường cơ sở
    3. Nằm trong vùng lãnh hải
    4. Dùng để tính chiều rộng lãnh hải
12. ***Vùng đất của quốc gia bao gồm:***
    1. Toàn bộ vùng đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia
    2. Vùng đất lục địa và các đảo thuộc chủ quyền quốc gia
    3. Toàn bộ vùng đất lục địa và các quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia
    4. Vùng đất lục địa và các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền quốc gia
13. ***Vùng nước nội địa của quốc gia bao gồm:***
    1. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm trên vùng đất liền
    2. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm trên khu vực biên giới
    3. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm tại khu vực cửa biển
    4. Biển, hồ ao, sông ngòi, đầm nằm ngoài khu vực biên giới
14. ***Vùng nước biên giới của quốc gia bao gồm:***
    1. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm trên khu vực biên giới quốc gia
    2. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm ở khu vực rừng núi của quốc gia
    3. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm trong nội địa của quốc gia
    4. Biển nội địa, hồ ao, sông ngòi nằm ngoài khu vực biên giới quốc gia
15. ***Vùng nội thủy của quốc gia được giới hạn*** 
    1. Bởi một bên là bờ biển, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
    2. Bởi một bên là biển rộng, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
    3. Bởi một bên là biển cả, một bên là đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải
    4. Bởi một bên là bờ biển, một bên là đường ngoài cùng của lãnh hải
16. ***Vùng trời quốc gia được quy định như thế nào?***
    1. Mỗi quốc gia trên thế giới có quy định khác nhau
    2. Các quốc gia đều thống nhất cùng một độ cao
    3. Phụ thuộc vào khả năng bảo vệ của tên lửa phòng không quốc gia
    4. Độ cao vùng trời quốc gia ngoài khu vực khí quyển của Trái Đất
17. ***Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là quyền gì?***
    1. Tối cao, tuyệt đối và hoàn toàn riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của quốc gia đó
    2. Tuyệt đối và riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ của quốc gia đó
    3. Hoàn toàn, riêng biệt của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ và trên lãnh thổ của quốc gia đó
    4. Tuyệt đối của mỗi quốc gia đối với lãnh thổ của quốc gia đó
18. ***Chủ quyền lãnh thổ quốc gia là***
    1. Quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của quốc gia
    2. Văn hóa, là ý chí của dân tộc
    3. Thể hiện tính nhân văn của dân tộc
    4. Truyền thống của quốc gia, dân tộc
19. ***Xác định biên giới quốc gia trên đất liền bằng cách nào?***
    1. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống mốc quốc giới
    2. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống sông suối
    3. Đánh dấu trên thực địa bằng làng bản nơi biên giới
    4. Đánh dấu trên thực địa bằng hệ thống tọa độ
20. ***Theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển, phía ngoài vùng lãnh hải còn có những vùng biển nào?*** 
    1. Vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế , vùng thềm lục địa
    2. Vùng nội thủy, vùng kinh tế , vùng đặc quyền và thềm lục địa
    3. Khu vực biên giới, vùng đặc khu kinh tế và thềm lục địa
    4. Vùng biên giới trên biển, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa
21. ***Nội dung nào sau đây về các vùng biển không đúng với quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển?***
    1. Vùng đặc quyền kinh tế cách vùng lãnh hải 200 hải lí
    2. Vùng thềm lục địa cách phía ngoài đường cơ sở 200 hải lí
    3. Vùng đặc quyền kinh tế cách phía ngoài đường cơ sở 200 hải lí
    4. Ranh giới ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải cách đường cơ sở 24 hải lí
22. ***Nội dung nào sau đây về các vùng biển không đúng với quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển?***
    1. Tính từ vùng lãnh hải ra biển 200 hải lí lãnh hải là vùng thềm lục địa
    2. Từ đường cơ sở ra ngoài 12 hải lí là vùng lãnh hải
    3. Từ mép ngoài lãnh hải ra ngoài 12 hải lí là vùng tiếp giáp lãnh hải
    4. Từ mép ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải ra biển là vùng đặc quyền kinh tế cách 200 hải lí so với đường cơ sở
23. ***Một trong những nội dung chủ quyền của quốc gia trên lãnh thổ quốc gia là:***
    1. Quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế
    2. Không được tự do lựa chọn lĩnh vực kinh tế
    3. Do các thế lực bên ngoài can thiệp vào nội bộ
    4. Do có sự chi phối bởi các nước trong khu vực
24. ***Đường biên giới quốc gia trên đất liền của Việt Nam dài bao nhiêu km?***
    1. 4.510 km
    2. 4.540 km
    3. 4.530 km
    4. 4.520 km
25. ***Việt Nam có chung đường biên giới quốc gia trên đất liền với những quốc gia nào?***
    1. Trung Quốc, Lào, Campuchia
    2. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Mianma
    3. Trung Quốc, Malaysia, Indonesia
    4. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia
26. ***Biến Đông tiếp giáp với vùng biển của những quốc gia nào?***
    1. Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Brunei, Philipin
    2. Singgapo, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Philipin
    3. Úc, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia
    4. Mianma, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Philipin, Đài loan
27. ***Biến Đông được bao bọc bởi những quốc gia và vùng lãnh thổ nào?***
    1. Việt Nam, Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan, Singgapo, Malaysia, Indonesia, Brunei, Philipin, Đài Loan
    2. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Philipin
    3. Úc, Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Indonesia, Đài Loan
    4. Trung Quốc, Thái Lan, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Philipin
28. ***Một trong những nội dung về khái niệm biên giới quốc gia là gì?*** 
    1. Là giới hạn lãnh thổ của một quốc gia
    2. Là đường lãnh thổ của một quốc gia
    3. Là giới hạn ngoài của mặt đất quốc gia
    4. Là mặt phẳng giới hạn không gian của một quốc gia
29. ***Một trong những nội dung về chủ quyền biên giới quốc gia là gì?*** 
    1. Là chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của quốc gia đối với lãnh thổ
    2. Là chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của quốc gia đối với lãnh thổ
    3. Chủ quyền toàn diện của quốc gia đối với lãnh thổ
    4. Thuộc chủ quyền toàn diện của quốc gia đối với lãnh thổ
30. ***Tên gọi nào sau đây không chuẩn về tên gọi các bộ phận cấu thành biên giới quốc gia?***
    1. Đường biên giới trên bộ
    2. Biên giới trên không
    3. Biên giới trên biển
    4. Biên giới quốc gia trên đất liền
31. ***Xác định biên giới quốc gia trên đất liền theo cách nào?***
    1. Theo các điểm, đường, vật chuẩn
    2. Theo các bản làng vùng biên
    3. Theo độ cao, thấp của mặt đất trong khu vực
    4. Theo ranh giới khu vực biên giới
32. ***Phương pháp cố định đường biên giới quốc gia không có nội dung nào sau đây?***
    1. Cử lực lượng canh gác giữ quốc giới
    2. Dùng đường phát quang
    3. Đặt mốc quốc giới
    4. Dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
33. ***Một trong các phương pháp cố định đường biên giới quốc gia là gì?***
    1. Đặt mốc quốc giới
    2. Xây dựng làng biên giới
    3. Xây tường mốc biên giới
    4. Xây dựng ranh giới quốc giới
34. ***Với quốc gia ven biển, đường ranh giới ngoài vùng lãnh hải của đất liền, của đảo và quần đảo gọi là gì?*** 
    1. Là đường biên giới quốc gia trên biển
    2. Là thềm lục địa quốc gia trên biển
    3. Là mốc biên giới quốc gia trên biển
    4. Là khu vực biên giới quốc gia trên biển
35. ***Các quốc gia khác có quyền gì ở vùng nội thủy của quốc gia ven biển?***
    1. Chỉ được vào vùng nội thủy khi được phép của quốc gia ven biển
    2. Không được quốc gia ven biển cho phép với bất kì lí do nào
    3. Tự do vào vùng nội thủy dù không có sự đồng ý của quốc gia ven biển
    4. Đi qua không gây hại như vùng lãnh hải
36. ***Các quốc gia khác có quyền gì ở vùng lãnh hải của quốc gia ven biển?*** 
    1. Tự do hàng hải
    2. Đi qua không gây hại
    3. Không được phép đi qua
    4. Được phép, nhưng hạn chế việc đi qua
37. ***Một trong những quan điểm của Đảng và nhà nước ta về bảo vệ biên giới quốc gia là gì?*** 
    1. Phải dựa vào dân, trực tiếp là đồng bào các dân tộc ở biên giới
    2. Tăng cường hơn nữa sức mạnh quốc phòng khu vực biên giới
    3. Tăng cường lực lượng quân đội
    4. Xây dựng nhiều công trình quốc phòng nơi biên giới
38. ***Chế độ pháp lí của vùng nội thủy theo Công ước quốc tế về luật biển như thế nào?***
    1. Thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ của quốc gia
    2. Thuộc quyền chủ quyền của quốc gia ven biển
    3. Thuộc quyền xét xử đầy đủ của quốc gia ven biển
    4. Thuộc quyền chủ quyền hoàn toàn của quốc gia ven biển
39. ***Một trong những nội dung về vị trí, ý nghĩa xây dựng, quản lí khu vực biên giới quốc gia là gì?*** 
    1. Ngăn ngừa hoạt động xâm nhập, phá hoại từ bên ngoài
    2. Luôn tăng cường sức mạnh về quốc phòng
    3. Để phát triển nền ngoại giao của đất nước
    4. Nhằm tăng cường sức mạnh trong quan hệ đối ngoại
40. ***Chế độ pháp lí của vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa khác với chế độ pháp lí của vùng lãnh hải như thế nào?***
    1. Hai vùng này thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia
    2. Vùng này vẫn thuộc chủ quyền đầy đủ của quốc gia
    3. Quốc gia có chủ quyền tuyệt đối với hai vùng
    4. Quốc gia có chủ quyền với hai vùng như vùng Lãnh hải
41. ***Xác định biên giới quốc gia trên đất liền giữa các nước có chung đường biên giới như thế nào?***
    1. Được hoạch định phân giới cắm mốc thông qua đàm phán thương lượng
    2. Được hoạch định phân giới cắm mốc theo ý đồ của nước lớn
    3. Phân giới cắm mốc thông qua hành động quân sự
    4. Được hoạch định phân giới cắm mốc thông qua tranh chấp
42. ***Xây dựng khu vực biên giới quốc gia vững mạnh toàn diện gồm nội dung gì?***
    1. Vững mạnh về chính trị, kinh tế - xã hội và quốc phòng – an ninh
    2. Vững mạnh về văn hóa, khoa học kĩ thuật, du lịch và dịch vụ
    3. Mạnh về tư tưởng - văn hóa, trồng cây gây rừng, phát triển kinh tế
    4. Mạnh về quân sự - an ninh, văn hóa, du lịch
43. ***Vận động quần chúng tham gia quản lí, bảo vệ biên giới có nội dung gì?***
    1. Giáo dục về ý thức độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước cho nhân dân
    2. Tăng cường lực lượng vũ trang nhân dân cho khu vực biên giới
    3. Thường xuyên nắm chắc tình hình biên giới
    4. Tăng cường vũ trang cho quần chúng nhân dân
44. ***Nội dung nào sau đây không đúng với những quan điểm của Đảng nhà nước ta về bảo vệ biên giới quốc gia?*** 
    1. Phải tăng cường sức mạnh quân sự, sẵn sàng bảo vệ biên giới
    2. Biên giới quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm
    3. Xây dựng, quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia là nhiệm vụ của nhà nước và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân
    4. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, giải quyết các vấn đề về biên giới quốc gia bằng biện pháp hòa bình
45. ***Nước ta dùng phương pháp nào là chủ yếu để cố định đường biên giới quốc gia?***
    1. Đặt mốc quốc giới và dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
    2. Phát quang đường biên giới và dùng tài liệu ghi lại đường biên giới
    3. Đặt mốc quốc giới và phát quang đường biên giới
    4. Đánh dấu bằng các tọa độ và phát quang đường biên giới
46. ***Một trong những nội dung chủ quyền của quốc gia trên lãnh thổ quốc gia là:***
    1. Tự quy định chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ quốc gia
    2. Chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ phụ thuộc vào bên ngoài
    3. Chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ phụ thuộc vào quốc tê
    4. Chế độ pháp lí đối với từng vùng lãnh thổ không được xác định
47. ***Quốc gia có quyền áp dụng trên lãnh thổ của mình***
    1. Các biện pháp cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản với hoạt động bất hợp pháp
    2. Các biện pháp cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản với mọi hoạt động
    3. Biện pháp tịch thu tài sản của nước ngoài hoạt động trên lánh thổ
    4. Cưỡng chế thích hợp, tịch thu tài sản
48. ***Nội dung, biện pháp xây dựng và quản lí, bảo vệ biên giới quốc gia không bao gồm nội dung nào sau đây?*** 
    1. Tăng cường hoạt động ngoại giao khu vực biên giới
    2. Xây dựng khu vực biên giới quốc gia vững mạnh toàn diện
    3. Vận động quần chúng nhân dân ở biên giới tham gia tự quản đường biên
    4. Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh
49. ***Trên sông mà tàu thuyền đi lại được thì cách xác định biên giới quốc gia như thế nào?*** 
    1. Giữa lạch của sông hoặc lạch chính của sông
    2. Không xác định biên giới dọc theo sông
    3. Bờ sông bên nào là biên giới quốc gia bên đó
    4. Giữa lạch ở khu vực cửa sông
50. ***Trên sông, suối mà tàu thuyền không đi lại được thì xác định biên giới quốc gia ở đâu, nếu sông suối đổi dòng xác định như thế nào?*** 
    1. Giữa sông, suối; nếu đổi dòng biên giới vẫn giữ nguyên
    2. Bờ sông, suối của mỗi bên; thay đổi theo dòng chảy
    3. Giữa sông, suối; nếu đổi dòng biên giới thay đổi theo
    4. Không xác định được biên giới
51. ***Trên mặt cầu bắc qua sông suối có biên giới quốc gia, việc xác định biên giới như thế nào?***
    1. Biên giới chính giữa cầu, không kể đến biên giới dưới sông, suối
    2. Đầu cầu bên nào là biên giới quốc gia bên đó
    3. Biên giới dưới sông, suối ở đâu thì biên giới trên cầu ở đó
    4. Biên giới trên cầu là chính giữa dưới sông, suối
52. ***Xác định biên giới quốc gia trên biển bằng cách nào và ở đâu?***
    1. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của lãnh hải
    2. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía trong của lãnh hải
    3. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải
    4. Hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ, là ranh giới phía ngoài của vùng nội thủy
53. ***Vùng lãnh thổ đặc biệt của quốc gia không gồm nội dung nào sau đây?***
    1. Tàu thuyền đánh cá của ngư dân trên vùng biển quốc tế
    2. Các tàu, thuyền treo quốc kì đi trên vùng biển quốc tế
    3. Đại sứ quán của quốc gia đặt trên lãnh thổ quốc gia khác
    4. Các công trình, cáp ngầm nằm ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia
54. ***Mối quan hệ giữa quốc gia và lãnh thổ như thế nào?***
    1. Quốc gia được hình thành, tồn tại, phát triển trong phạm vi lãnh thổ
    2. Lãnh thổ quốc gia được hình thành, xác lập từ quốc gia
    3. Lãnh thổ được hình thành, tồn tại trong phạm vi quốc gia
    4. Quốc gia hình thành, tồn tại và phát triển cùng với lãnh thổ
55. ***Lựu đạn là loại vũ khí gì***
    1. Dùng để đánh gần, trang bị cho từng người trong chiến đấu
    2. Có hỏa lực rất mạnh, hủy diệt sinh lực đối phương
    3. Có khả năng phá hủy tất cả các loại vũ khí khác
    4. Là phương tiện dùng để gây sát thương
56. ***Lựu đạn là loại vũ khí được chế tạo như thế nào?***
    1. Cấu tạo đơn giản, gọn nhẹ, sử dụng thuận tiện
    2. Có nhiều bộ phận, sử dụng phức tạp
    3. Cấu tạo phức tạp nhưng sử dụng dễ dàng
    4. Có nhiều tác dụng, sử dụng với nhiều mục đích
57. ***Lựu đạn là loại vũ khí khi sử dụng có khả năng gì?*** 
    1. Sát thương sinh lực đối phương
    2. Tiêu diệt các phương tiện ở sâu dưới nước
    3. Dùng để tiêu diệt các phương tiện trên không
    4. Hủy diệt lớn sinh lực đối phương
58. ***Lựu đạn Φ1 Việt Nam, khi sử dụng chủ yếu*** ***sát thương sinh lực địch bằng gì?***
    1. Mảnh gang vụn
    2. Hơi thuốc nổ
    3. Các viên bi nhỏ
    4. Mảnh sắt vụn
59. ***Bán kính sát thương của lựu đạn Φ1 là bao nhiêu m?***
    1. 5m
    2. 4m
    3. 6m
    4. 7m
60. ***Khối lượng toàn bộ của lựu đạn Φ1 Việt Nam là bao nhiêu gam?*** 
    1. 450 gam
    2. 440 gam
    3. 460 gam
    4. 470 gam
61. ***Cấu tạo lựu đạn Φ1 Việt Nam gồm những bộ phận nào?***
    1. Thân lựu đạn và bộ phận gây nổ lắp vào thân
    2. Thân lựu đạn, bộ phận gây nổ lắp vào thân và hạt nổ
    3. Thân lựu đạn, cán lựu đạn và bộ phận gây nổ lắp vào thân
    4. Thân, bộ phận gây nổ lắp vào thân và đuôi lựu đạn
62. ***Vỏ lựu đạn Φ1 Việt Nam làm bằng chất liệu gì?***
    1. Gang
    2. Sắt
    3. Thép
    4. Nhựa tổng hợp
63. ***Bên trong vỏ lựu đạn Φ1 Việt Nam chứa gì?***
    1. Thuốc nổ TNT
    2. Nhiều viên bi
    3. Thuốc cháy
    4. Thuốc gây nổ
64. ***Lúc bình thường, mỏ vịt của lựu đạn Φ1 như thế nào?*** 
    1. Chốt an toàn giữ không cho mỏ vịt bật lên
    2. Không có chốt an toàn, mỏ vịt bật lên
    3. Bật lên nhưng được tay người ném giữ lại
    4. Mỏ vịt ở vị trí không an toàn
65. ***Khi sử dụng, nếu rút chốt an toàn thì mỏ vịt của lựu đạn Φ1 như thế nào?*** 
    1. Không có chốt giữ, mỏ vịt bật lên
    2. Muốn mỏ vịt bật lên, phải tiếp tục rút chốt an toàn phụ
    3. Mỏ vịt vẫn ở trạng thái an toàn
    4. Không thay đổi, giữ nguyên như cũ
66. ***Lựu đạn cần 97 Việt Nam, thời gian thuốc cháy chậm cháy bao nhiêu giây?*** 
    1. Từ 3,2 - 4,2s
    2. Từ 2,9 - 3,9s
    3. Từ 3,0 - 4,0s
    4. Từ 3,1 - 4,1s
67. ***Lựu đạn cần 97 Việt Nam có đường kính thân là bao nhiêu mm?*** 
    1. 50mm
    2. 40mm
    3. 60mm
    4. 70mm
68. ***Lựu đạn cần 97 Việt Nam có khối lượng toàn bộ là bao nhiêu gam?***
    1. 450 gam
    2. 440 gam
    3. 460 gam
    4. 470 gam
69. ***Thời gian cháy chậm từ khi phát lửa đến khi lựu đạn nổ của lựu đạn cần 97 Việt Nam là bao nhiêu giây?***
    1. Khoảng 3,2 - 4,2s
    2. Khoảng 3,0- 4,0s
    3. Khoảng 3,1 - 4,1s
    4. Khoảng 3,3 - 4,3s
70. ***Lựu đạn cần 97 Việt Nam dùng để sát thương sinh lực địch chủ yếu bằng gì?***
    1. Mảnh gang vụn
    2. Mảnh sắt vụn
    3. Mảnh thép vụn
    4. Mảnh vụn thuốc nổ
71. ***Quy tắc sử dụng lựu đạn thật có một nội dung nào sau đây?***
    1. Nắm vững tính năng chiến đấu, cấu tạo và thành thạo động tác sử dụng lựu đạn
    2. Biết cách ném trong kiểm tra ném lựu đạn trúng đích
    3. Biết cách rút chốt an toàn làm cho lựu đạn nổ
    4. Nắm chắc cách đánh giá thành tích trong ném lựu đạn trúng đích
72. ***Chỉ sử dụng lựu đạn thật trong trường hợp nào?***
    1. Khi có lệnh của người chỉ huy
    2. Khi luyện tập chiến thuật
    3. Khi người sử dụng thấy cần thiết
    4. Khi học tập về nội dung lựu đạn
73. ***Quy định sử dụng lựu đạn thật như thế nào?***
    1. Cấm sử dụng trong luyện tập
    2. Trong luyện tập phải cẩn thận khi sử dụng
    3. Được sử dụng ở khu vực đông người, nhưng phải tháo kíp nổ
    4. Được sử dụng trong luyện tập, nhưng phải cố định chốt an toàn
74. ***Tư thế, động tác ném lựu đạn gồm những động tác nào?***
    1. Động tác chuẩn bị và động tác ném
    2. Động tác chuẩn bị, động tác rút chốt an toàn và động tác ném
    3. Động tác rút chốt an toàn và động tác ném
    4. Động tác khởi động, động tác chuẩn bị và động tác ném
75. ***Khi ném lựu đạn, người ném buông lựu đạn ra khỏi tay khi nào là đúng thời cơ nhất?*** 
    1. Cánh tay phải hợp với mặt phẳng ngang 45o
    2. Cánh tay vung lên ở góc độ cao nhất
    3. Thân người hợp với mặt phẳng ngang 45o
    4. Cánh tay phải hợp với mặt phẳng ngang 90o
76. ***Đặc điểm về mục tiêu của ném lựu đạn trúng đích là gì?***
    1. Có vòng tính điểm
    2. Có vòng không tính điểm
    3. Tính điểm nhưng không có vòng
    4. Như mục tiêu bài bắn súng tiểu liên AK
77. ***Đặc điểm về tư thế*** ***của ném lựu đạn trúng đích là gì?***
    1. Tư thế ném thoải mái
    2. Rất gò bó do địa hình, địa vật
    3. Gặp khó khăn do vừa ném vừa cầm súng
    4. Tương đối thoải mái vì không cần đúng hướng
78. ***Sức ném và hướng ném trong ném lựu đạn trúng đích phải như thế nào?***
    1. Phải kết hợp để lựu đạn đi đúng hướng, đúng cự li
    2. Sử dụng tối đa sức ném để lựu đạn đi đúng hướng, đúng cự li
    3. Phải ngắm chuẩn về hướng ném để lựu đạn đi đúng hướng
    4. Dùng sức ném thật mạnh để lựu đạn đi đúng cự li
79. ***Bài kiểm tra ném lựu đạn trúng đích có cự li bao nhiêu m?***
    1. Nam 25m, nữ 20m
    2. Nam 30m, nữ 25m
    3. Nam 35m, nữ 30m
    4. Nam 40m, nữ 35m
80. ***Ném lựu đạn trúng đích có mấy vòng tròn đích, bán kính mỗi vòng bao nhiêu m?***
    1. Ba vòng trên bán kính 1m, 2m, 3m
    2. Ba vòng trên bán kính 2m, 3m, 4m
    3. Ba vòng trên bán kính 3m, 4m, 5m
    4. Ba vòng trên bán kính 4m, 5m, 6m
81. ***Đánh giá thành tích loại Giỏi trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?***
    1. Trúng vòng tròn 1
    2. Trúng mục tiêu trong vòng tròn 1
    3. Trúng tâm vòng tròn 1
    4. Trúng mép ngoài vòng tròn 2
82. ***Đánh giá thành tích loại Khá trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?***
    1. Trúng vòng tròn 2
    2. Trúng mục tiêu trong vòng tròn 1
    3. Trúng tâm vòng tròn 2
    4. Trúng mép ngoài vòng tròn 3
83. ***Đánh gía thành tích loại Trung bình trong ném lựu đạn trúng đích như thế nào?***
    1. Trúng vòng tròn 3
    2. Trúng mục tiêu trong vòng tròn 2
    3. Trúng vòng tròn 2
    4. Trong mép trong vòng tròn 2
84. ***Đánh giá thành tích trong ném lựu đạn trúng đích, lấy điểm rơi của lựu đạn như thế nào?***
    1. Chạm vạch của vòng tròn sẽ tính điểm cho vòng có điểm cao hơn
    2. Trúng vạch của vòng tròn nào sẽ tính điểm vòng tròn ngoài
    3. Chạm vạch của vòng tròn sẽ tính điểm cho vòng có điểm thấp hơn
    4. Chạm vạch vòng tròn sẽ không tính điểm
85. ***Không dùng tư thế, động tác đứng ném lựu đạn trong trường hợp nào?***
    1. Phía trước không bị che khuất, mục tiêu ở khoảng cách gần
    2. Có vật cản che đỡ, cao ngang tầm ngực
    3. Phía sau không bị vướng khi ném
    4. Mục tiêu ở khoảng cách xa nơi ném
86. ***Người ném lựu đạn thật phải căn cứ vào đâu để xác định tư thế, động tác ném phù hợp?*** 
    1. Tùy theo điều kiện địa hình, địa vật, tình hình địch
    2. Điều kiện tính hình ta và địa vật
    3. Căn cứ tình hình ta và địch
    4. Tùy theo điều kiện thời tiết, khí hậu
87. ***Khi ném lựu đạn xong, người ném phải làm gì?*** 
    1. Quan sát kết quả ném và tình hình địch để xử lí kịp thời
    2. Quan sát ngay tình hình địch xung quanh
    3. Nằm úp xuống để tránh mảnh lựu đạn
    4. Di chuyển ngay vị trí để bảo đảm an toàn
88. ***Trong quy tắc giữ gìn và sử dụng, lựu đạn được cất giữ ở đâu?***
    1. Nơi quy định, khô ráo, thoáng gió
    2. Nơi quy định, kín đáo, ngầm sâu dưới đất
    3. Không quy định cụ thể, nhưng phải bí mật
    4. Không quy định, nhưng thường để nơi có độ ẩm phù hợp
89. ***Nếu trong kho có nhiều vũ khí, vật chất khác thì lựu đạn được cất giữ như thế nào?*** 
    1. Không để lẫn với các loại đạn, thuốc nổ, vật dễ cháy
    2. Có thể để cùng với thuốc nổ, nhưng không gần vật dễ cháy
    3. Khi để lẫn với thuốc nổ phải kê đệm chắc chắn
    4. Khi để lẫn với vật dễ cháy phải chuẩn tốt dụng cụ cứu hỏa
90. ***Trong quá trình vận chuyển, giữ gìn lựu đạn cần lưu ý gì?*** 
    1. Không để rơi, không va chạm mạnh
    2. Phải kiểm tra chốt an toàn lựu đạn xong mới được vận chuyển
    3. Phải kiểm tra cẩn thận khi vận chuyển cùng thuốc nổ
    4. Động tác nhẹ nhàng khi tung, ném trong vận chuyển
91. ***Trong quy tắc giữ gìn và sử dụng lựu đạn, cần lưu ý gì với chốt an toàn?***
    1. Khi chưa dùng không được rút chốt an toàn
    2. Phải cẩn thận khi rút chốt an toàn để kiểm tra
    3. Nếu rút chốt an toàn phải thay chốt an toàn khác
    4. Nếu rút chốt an toàn phải hủy lựu đạn ngay
92. ***Tại sao lựu đạn vỏ làm bằng gang?***
    1. Gang giòn, khi lựu đạn nổ phá vụn thành nhiều mảnh sắc
    2. Gang nhẹ hơn sắt nên khi ném được xa hơn
    3. Gang có giá thành rẻ hơn sắt, thép
    4. Gang có độ bền và không bị han rỉ như sắt, thép
       * + 1. ***Trong chiến đấu, động tác đi khom được vận dụng trong trường hợp nào?***
    5. Nơi gần địch có địa hình, địa vật che đỡ, che khuất ngang tầm ngực
    6. Đêm tối hoặc sương mù ở cách xa địch
    7. Nơi có địa hình, địa vật che đỡ, che khuất ngang tầm người ngồi
    8. Nơi có địa hình trống trải gần địch
93. ***Đi khom có động tác nào?*** 
    1. Đi khom thấp và đi khom cao
    2. Đeo súng, người phải cao thấp theo địa hình
    3. Trong chiến đấu luôn phải dùng đi khom thấp
    4. Đi khom thấp và đi khom vừa
94. ***Trong chiến đấu, động tác bò cao được vận dụng khi nào?***
    1. Thường vận dụng ở nơi gần địch
    2. Ở nơi xa địch để bảo đảm an toàn từ xa
    3. Vận dụng ở nơi có địa hình, địa vật che khuất tốt
    4. Nơi không có nhiều mìn của địch
95. ***Tư thế, động tác nào sau đây không có trong các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
    1. Lê vừa
    2. Bò cao
    3. Lê cao
    4. Lê thấp
96. ***Động tác nào sau đây không phải là tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
    1. Chạy cao
    2. Đi khom
    3. Chạy khom
    4. Bò cao
97. ***Khi đến gần địch, tuỳ theo địa hình, địa vật phải thực hiện tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
    1. Vọt tiến
    2. Chạy tốc độ
    3. Chạy nhanh
    4. Chạy nước rút
98. ***Nội dung nào sau đây không phải là yêu cầu của các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
    1. Hạn chế quan sát, chớp thời cơ tiến thẳng tới mục tiêu
    2. Luôn quan sát địch, địa hình, địa vật và đồng đội
    3. Vận dụng các tư thế vận động phù hợp ở mọi địa hình
    4. Hành động mưu trí, mau lẹ, bí mật
99. ***Khi thực hiện động tác Lê thấp cần chú ý gì?***
    1. Thuận tay nào thì tay kia ép sát mặt đất
    2. Thuận tay nào thì tay đó ép sát mặt đất
    3. Súng luôn đặt trên mặt đất để bảo đảm an toàn
    4. Phải luôn để súng phía trước
100. ***Trong chiến đấu, tư thế, động tác Trườn được vận dụng trong các trường hợp nào?***
     1. Để chui qua hàng rào của địch
     2. Ở nơi cách địch với cự li vừa phải
     3. Để vượt qua nơi địa hình ngập nước
     4. Là động tác thực hiện sau đi khom
101. ***Nội dung nào sau đây không phải là trường hợp vận dụng tư thế, động tác Trườn?*** 
     1. Khi cần phải che giấu súng nơi gần địch
     2. Thường được vận dụng nơi gần địch
     3. Vận dụng để chui qua hàng rào của địch
     4. Vận dụng để vượt qua địa hình bằng phẳng gần địch
102. ***Trong chiến đấu, động tác Vọt tiến thường được vận dụng trong trường hợp nào?***
     1. Khi địch tạm dừng hoả lực
     2. Cần phải vượt qua nơi địch đang dùng hoả lực mạnh
     3. Khi ta đang hành quân ở gần địch
     4. Khi ta đang bị máy bay địch theo dõi
103. ***Trong chiến đấu, động tác lê thường vận dụng trong trường hợp nào?*** 
     1. Nơi gần địch, cần thu hẹp mục tiêu
     2. Là động tác thực hiện sau bò cao
     3. Là động tác yêu cầu bụng luôn phải ép sát mặt đất
     4. Nơi có điều kiện địa hình rậm rạp
104. ***Nội dung nào sau đây không đúng với tư thế, động tác Trườn?***
     1. Yêu cầu tư thế động tác như lê thấp
     2. Người nằm sấp, bụng ép sát mặt đất
     3. Súng đặt bên phải dọc theo thân người
     4. Hai chân duỗi thẳng, mũi bàn chân chống xuống đất
105. ***Nội dung nào sau đây tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
     1. Bò cao
     2. Đi thấp
     3. Chạy cao
     4. Lăn nhanh
106. ***Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?***
     1. Luôn quan sát địch, địa hình, địa vật và đồng đội
     2. Tập trung quan sát địa hình để vận động đúng hướng
     3. Vừa quan sát địch, địa hình vừa đánh địch
     4. Luôn cùng đồng đội đánh địch trong khi vận động
107. ***Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?***
     1. Vận dụng các tư thế vận động cho phù hợp
     2. Nên vận dụng tư thế vận động thấp cho an toàn
     3. Phải vận dụng đủ các tư thế vận động cơ bản
     4. Sử dụng tư thế vận động lê, trườn đảm bảo an toàn nhất
108. ***Một trong những nội dung yêu cầu của tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường là gì?***
     1. Hành động mưu trí, mau lẹ, bí mật
     2. Bí mật, an toàn tuyệt đối
     3. Hành động nhanh chóng, an toàn
     4. Hành động mau lẹ, quyết đoán
109. ***Một trong những điều kiện để dùng động tác đi khom trên chiến trường là gì?***
     1. Gần địch trong đêm tối, sương mù địch khó phát hiện
     2. Xa địch vào ban ngày, địch không phát hiện được ta
     3. Hành quân trong đêm tối, địch ở xa không phát hiện được ta
     4. Vận động trong điều kiện có địa hình phức tạp
110. ***Tư thế, động tác đi khom thấp khác đi khom cao như thế nào?*** 
     1. Động tác như đi khom cao nhưng hai chân chùng hơn, người cúi thấp hơn
     2. Cơ bản giống nhau, chỉ khác về thân người cúi gập xuống mặt đất
     3. Khác hẳn đi khom cao, hai chân và thân người thẳng
     4. Như đi khom cao về động tác nhưng động tác hai chân và thân người chậm hơn
111. ***Cầm súng trong tư thế, động tác đi khom có chướng ngại vật như thế nào?*** 
     1. Dây súng đeo vào vai phải và tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu
     2. Dây súng đeo vào vai trái và luôn nhanh chóng cơ động
     3. Sách súng tay phải, tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu
     4. Súng đeo sau lưng, tư thế gọn gàng, động tác nhanh nhẹn
112. ***Một trong những điều kiện để dùng động tác Bò cao trên chiến trường là gì?***
     1. Vận động nơi gần địch có sỏi đá lởm chởm, lá khô, cần dùng tay để dò mìn
     2. Vận động nơi gần địch, cần nhanh chóng đến gần mục tiêu
     3. Vận động nơi gần địch có lá khô, cần nhanh chóng tiếp cận mục tiêu
     4. Hành quân qua nơi địa hình, có nhiều vật che khuất phức tạp
113. ***Một trong những điều kiện để dùng động tác Lê trên chiến trường là gì?***
     1. Vận động nơi gần địch có địa vật che khuất thấp cần thu hẹp mục tiêu
     2. Chiến đấu nơi xa địch có địa vật che khuất cần vượt qua
     3. Cơ động sát địch, cần nhanh chóng tiếp cận mục tiêu
     4. Hành quân nơi gần địch, cần nhanh chóng vượt qua mục tiêu
114. ***Các tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường bao gồm:***
     1. Đi khom, chạy khom, bò cao, lê, trườn, vọt tiến
     2. Lăn, lê, lăn dài, bò, trườn, vọt tiến
     3. Chạy, bò cao, lê, tiến, lùi, vọt tiến
     4. Chạy, chạy cao, bò cao, lê, lăn dài, vọt tiến
115. ***Tư thế, động tác Đi khom bao gồm những nội dung nào?***
     1. Đi khom thấp, Đi khom cao
     2. Đi khom cao, Chạy khom
     3. Chạy khom, Đi khom
     4. Đi khom thấp, Đi khom cao, Đi khom vừa
116. ***Tư thế, động tác Đi khom, nội dung nào sau đây không có?***
     1. Đi khom thấp khi không có địch
     2. Đi khom khi không có chướng ngại vật
     3. Đi khom khi có chướng ngại vật
     4. Đi khom cao
117. ***Nội dung nào sau đây không đúng với ý nghĩa các tư thế động tác vận động cơ bản trên chiến trường?***
     1. Tiến nhanh, tiến thẳng tới mục tiêu
     2. Tìm mọi cách tiêu diệt quân địch
     3. Để nhanh chóng, bí mật đến gần mục tiêu
     4. Để lợi dụng tốt địa hình, địa vật
118. ***Tại sao trong chiến đấu, khi vận động lại phải luôn quan sát địa hình?***
     1. Để sử dụng tư thế, động tác vận động cho phù hợp
     2. Tìm nơi khi cần thiết để trú ẩn
     3. Chủ yếu để phát hiện nơi ẩn nấp tốt nhất khi chiến đấu
     4. Để tìm nơi giấu lương thực, vũ khí
119. ***Khi ở tư thế, động tác Lê trên chiến trường có cả súng và vật chất khác thì mang như thế nào?*** 
     1. Súng đeo sau lưng, để vật chất lên cẳng chân hoặc tay để tiến
     2. Tay trái cầm súng, để vật chất lên cẳng chân hoặc tay để tiến
     3. Súng treo trước ngực, để vật chất lên cẳng chân hoặc tay để tiến
     4. Súng bên dưới, vật chất để lên trên và tiến
120. ***Khi dùng tư thế, động tác Trườn ở địa hình bằng phẳng thì súng mang như thế nào?*** 
     1. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, nòng hướng về phía trước, hộp tiếp đạn quay ra ngoài
     2. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, nòng hướng về phía trước, hộp tiếp đạn quay vào trong
     3. Để súng lên cẳng chân và tiến về phía trước
     4. Đeo sau lưng để trườn không ảnh hưởng đến súng, đạn
121. ***Khi ở tư thế, động tác Trườn trên chiến trường có cả súng và vật chất khác thì mang như thế nào?*** 
     1. Đeo sau lưng khi trườn, vật chất để lên cẳng chân
     2. Súng đặt ngang phía trước, hộp tiếp đạn quay về phía sau
     3. Súng đặt bên trái dọc theo thân người, hộp tiếp đạn quay vào trong
     4. Súng đặt bên phải dọc theo thân người, hộp tiếp đạn quay vào trong
122. ***Tư thế, động tác vận động cơ bản trên chiến trường được vận dụng để làm gì?***
     1. Để nhanh chóng, bí mật đến gần mục tiêu
     2. Nhanh chóng cơ động nhanh, chớp thời cơ đánh địch
     3. Để tranh thủ thời gian có lợi, nổ súng tiêu diệt địch
     4. Để nổ súng kịp thời và cơ động đánh địch
123. ***Căn cứ vào độ tuổi, hạ sĩ quan và binh sĩ được chia thành mấy nhóm?***
     1. 02 nhóm
     2. 01 nhóm
     3. 03 nhóm
     4. 04 nhóm
124. ***Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị hạng 1 phải tham gia huấn luyện tổng thời gian nhiều nhất là mấy tháng?***
     1. 12 tháng
     2. 03 tháng
     3. 06 tháng
     4. 09 tháng
125. ***Việc kiểm tra sức khỏe cho quân nhân dự bị do cơ quan y tế cấp nào phụ trách?***
     1. Cơ quan y tế cấp huyện và tương đương
     2. Bệnh xá cấp xã.
     3. Quân y cấp trung đoàn.
     4. Cơ quan y tế cấp tỉnh hoặc tương đương
126. ***Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ từ tháng thứ mấy thì được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng?***
     1. Từ tháng thứ 25
     2. Từ tháng thứ 22
     3. Từ tháng thứ 27
     4. Từ tháng thứ 30
127. ***Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ được hưởng các chính sách nào?***
     1. Được nghỉ phép theo quy định của Chính phủ
     2. Được nghỉ mát theo quy định của Chính phủ.
     3. Được cấp đất ở, nhà ở theo quy định của Chính phủ
     4. Được tuyển thẳng vào học đại học
128. ***Hạ sĩ quan và binh sĩ khi xuất ngũ được hưởng những khoản trợ cấp nào sau đây?***
     1. Trợ cấp tạo việc làm do Chính phủ quy định
     2. Tiền hao mòn tuổi thanh xuân
     3. Trợ cấp đất ở, nhà ở
     4. Trợ cấp khó khăn cho gia đình và bản thân
129. ***Việc chuẩn bị cho nam thanh niên đủ 17 tuổi nhập ngũ gồm những nội dung nào?***
     1. Đăng kí nghĩa vụ quân sự và kiểm tra sức khỏe
     2. Học tập chính trị, huấn luyện quân sự
     3. Huấn luyện quân sự và diễn tập
     4. Kết nạp Đảng hoặc kết nạp Đoàn cho thanh niên
130. ***Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do cấp nào quy định?***
     1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
     2. Thủ trưởng đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên
     3. Thủ trưởng đơn vi cấp sư đoàn và tương đương trở lên
     4. Thủ trưởng Quân chủng, Quân khu và tương đương trở lên
131. ***Hạ sĩ quan và binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ quân sự xuất ngũ về địa phương được hưởng quyền lợi nào sau đây?***
     1. Ưu tiên trong tuyển sinh, tuyển dụng hoặc giải quyết việc làm
     2. Được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
     3. Được đơn vị cho đi nghỉ mát, du lịch theo yêu cầu
     4. Được chọn vào học một trường đại học mà mình yêu cầu
132. ***Hạ sĩ quan, binh sĩ đang tại ngũ thì bố, mẹ, vợ và con được hưởng những chế độ gì?***
     1. Được khám bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế nếu không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc
     2. Cấp nhà ở, đất ở cho bố mẹ theo quy định
     3. Được trợ cấp tiền tàu xe và bố trí nơi ăn nghỉ khi đến thăm đơn vị
     4. Được miễn đóng thuế nhà đất theo quy định của Chính phủ
133. ***Những trường hợp nào sau đây được hoãn nhập ngũ trong thời bình?***
     1. Có anh chị em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ
     2. Đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Bộ
     3. Là lao động chính trong gia đình
     4. Có anh, chị em ruột là sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam
134. ***Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là:***
     1. Là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân
     2. Việc làm thường xuyên của mọi công dân
     3. Là trách nhiệm quan trọng của mỗi công dân
     4. Là quyền lợi chính trị của mỗi công dân
135. ***Kiểm tra sức khỏe cho những người đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu là bao nhiêu tuổi?***
     1. 17 tuổi
     2. 16 tuổi
     3. 18 tuổi
     4. 19 tuổi
136. ***Luật nghĩa vụ quân sự năm 2005 có mấy Chương, Điều?***
     1. 11 chương 71 điều
     2. 10 chương 72 điều
     3. 10 chương 75 điều
     4. 11 chương 77 điều
137. ***Việc miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến do ai hoặc cấp nào qui định?***
     1. Chính phủ quy định
     2. Bộ Quốc phòng quy định
     3. Nhà nước quy định
     4. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định
138. ***Đối tượng nào sau đây phải tham gia nghĩa vụ quân sự?***
     1. Nam thanh niên Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
     2. Mọi công dân Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
     3. Học sinh, sinh viên Việt Nam từ 20 đến 25 tuổi
     4. Tất cả thanh niên Việt Nam từ 18 đến 25 tuổi
139. ***Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan binh sĩ trên tàu hải quân mấy tháng?***
     1. 24 tháng
     2. 18 tháng
     3. 22 tháng
     4. 36 tháng
140. ***Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do ai quy định?***
     1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định
     2. Chủ tịch nước quy định
     3. Thủ tướng Chính phủ quy định
     4. Thủ trưởng đơn vị quy định
141. ***Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng được quyền giữ hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ thêm một thời gian là mấy tháng so với thời hạn quy định?***
     1. Không quá 6 tháng.
     2. Không quá 3 tháng.
     3. Không quá 9 tháng.
     4. Không quá 12 tháng.
142. ***Việc hoãn gọi nhập ngũ và miễn làm nghĩa vụ quân sự theo Luật Nghĩa vụ quân sự 2005 do Ủy ban nhân dân cấp nào quyết định?***
     1. Cấp huyện.
     2. Cấp xã
     3. Cấp tỉnh.
     4. Cấp thành phố
143. ***Theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thì người chỉ huy đơn vị từ cấp nào và tương đương trở lên có trách nhiệm thực hiện việc xuất ngũ cho hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền?***
     1. Trung đoàn
     2. Tiểu đoàn
     3. Lữ đoàn
     4. Sư đoàn, Vùng Hải quân
144. ***Hạ sĩ quan, binh sĩ đã hết hạn phục vụ tại ngũ có thể tình nguyện ở lại phục vụ trên hạn định thêm một thời gian ít nhất là mấy tháng?***
     1. 12 tháng
     2. 6 tháng
     3. 9 tháng
     4. 18 tháng
145. ***Việc khám sức khỏe cho những công dân trong diện được gọi nhập ngũ do Hội đồng khám sức khỏe cấp nào phụ trách?*** 
     1. Cấp huyện, quận, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh
     2. Cấp xã, phường, thị trấn trực thuộc huyện
     3. Bệnh xá đơn vị quân đội
     4. Bệnh viện trực thuộc tỉnh, bộ, ngành.
146. ***Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị đối với nam giới là bao nhiêu?***
     1. 45 tuổi
     2. 38 tuổi
     3. 42 tuổi
     4. 48 tuổi
147. ***Hạn tuổi phục vụ của hạ sĩ quan và binh sĩ ở ngạch dự bị đối với nữ giới là bao nhiêu?***
     1. 40 tuổi
     2. 35 tuổi
     3. 38 tuổi
     4. 42 tuổi
148. ***Quân nhân chuyên nghiệp có thể phục vụ tại ngũ từng thời hạn hoặc dài hạn đến bao nhiêu tuổi?***
     1. 50 tuổi.
     2. 42 tuổi
     3. 45 tuổi
     4. 48 tuổi
149. ***Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ từ tháng thứ mấy thì được hưởng thêm 200% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng?***
     1. 19 tháng
     2. 15 tháng
     3. 17 tháng
     4. 21 tháng
150. ***Những trường hợp nào không được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình?***
     1. Học sinh, sinh viên chỉ ghi danh đóng học phí nhưng không học tại trường
     2. Con trai của thương binh hạng 2
     3. Học sinh trường trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú
     4. Sinh viên trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng nghề
151. ***Đối tượng công dân nào sau đây được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình?***
     1. Thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện đã phục vụ từ 24 tháng trở lên ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn do Chính phủ quy định.
     2. Học sinh, sinh viên hết thời hạn học tập tại trường một khóa học.
     3. Học sinh, sinh viên tự bỏ học hoặc ngừng học tập một thời gian liên tục từ 12 tháng trở lên
     4. Sinh viên được đi du học tại các trường ở nước ngoài có thời gian đào tạo từ 12 tháng trở lên
152. ***Quân nhân dự bị và công dân sẵn sàng nhập ngũ khi thay đổi địa chỉ nơi học tập, công tác sau bao nhiêu ngày phải đến cơ quan quân sự để*** 
     1. 10 ngày
     2. 5 ngày
     3. 15 ngày
     4. 20 ngày
153. ***Kĩ sư thiết kế súng tiểu liên AK là người quốc gia nào?***
     1. Liên Bang Nga, Liên Xô (cũ)
     2. Việt Nam
     3. Trung Quốc
     4. Hoa Kì
154. ***Trong tên gọi của súng tiểu liên AK, chữ A có ý nghĩa là gì?***
     1. Tự động
     2. Tên người thiết kế
     3. Liên thanh
     4. Tiểu liên
155. ***Trong tên gọi của súng tiểu liên AK, chữ K có ý nghĩa là gì?***
     1. Tên kỹ sư thiết kế
     2. Tiểu liên
     3. Súng bắn loạt
     4. Liên thanh
156. ***Súng tiểu liên AK cải tiến có thêm bộ phận giảm nẩy và lẫy giảm tốc gọi là súng gì?***
     1. Tiểu liên AKM
     2. Súng trường CKC
     3. Tiểu liên AKMS
     4. Tiểu liên AKN
157. ***Báng súng tiểu liên AKMS có đặc điểm gì?***
     1. Loại báng gấp, bằng sắt
     2. Làm bằng gỗ, gấp được
     3. Cấu tạo như báng của súng tiểu liên AK
     4. Có ổ chứa ống đựng phụ tùng
158. ***Quốc gia nào đã sản xuất, sử dụng phổ biến súng tiểu liên AK trong chiến tranh?***
     1. Việt Nam
     2. Hoa Kì
     3. Pháp
     4. Anh
159. ***Súng tiểu liên AK là loại súng nào và trang bị cho mấy người sử dụng?***
     1. Súng tự động, trang bị cho tùng người
     2. Súng bán tự động, trang bị cho hai người
     3. Súng tự động, trang bị cho tổ ba người
     4. Súng tự động, trang bị cho tiểu đội
160. ***Súng tiểu liên AK dùng hỏa lực để***
     1. Tiêu diệt sinh lực địch
     2. Phá hủy lô cốt, ụ súng của địch
     3. Tiêu diệt xe tăng, xe bọc thép địch
     4. Phá hủy hàng rào thép gai của địch
161. ***Báng súng, lưỡi lê của súng tiểu liên AK dùng để làm gì?***
     1. Đánh gần (giáp lá cà)
     2. Phá hủy ụ súng của địch
     3. Phá trang bị của địch
     4. Phá hủy hàng rào của địch
162. ***Súng nào sau đây chỉ bắn được phát một?***
     1. Súng trường CKC
     2. Tiểu liên AK
     3. Tiểu liên AKM
     4. Trung liên RPĐ
163. ***. Súng tiểu liên AK sử dụng đạn kiểu nào do Liên Xô (cũ) sản xuất?***
     1. Kiểu 1943
     2. Kiểu 1930
     3. Kiểu 1956
     4. Kiểu 1947
164. ***Súng tiểu liên AK sử dụng đạn kiểu nào do Trung Quốc sản xuất?***
     1. Kiểu 1956
     2. Kiểu 1930
     3. Kiểu 1943
     4. Kiểu 1947
165. ***Việt Nam gọi chung đạn của súng tiểu liên AK là gì?***
     1. Đạn K56
     2. Đạn K43
     3. Đạn K47
     4. Đạn K59
166. ***Đạn của súng tiểu liên AK có mấy loại?***
     1. 4 loại : Đạn thường; đạn vạch đường; đạn xuyên cháy; đạn cháy
     2. 2 loại : Đạn thường; đạn cháy; đạn xuyên cháy
     3. 2 loại : Đạn thường; đạn vạch đường; đạn xuyên
     4. 3 loại : Đạn thường; đạn vạch đường; đạn xuyên cháy
167. ***Khi lắp dủ đạn, hộp tiếp đạn của súng tiểu liên AK chứa được bao nhiêu viên đạn?***
     1. 30 viên
     2. 10 viên
     3. 50 viên
     4. 60 viên
168. ***Tầm bắn của súng tiểu liên AK ghi trên thước ngắm là bao nhiêu m?***
     1. 800 m
     2. 1000 m
     3. 600 m
     4. 400 m
169. ***Tầm bắn của súng tiểu liên AK cải tiến ghi trên thước ngắm là bao nhiêu m?***
     1. 1000 m
     2. 800 m
     3. 900 m
     4. 1100 m
170. ***Trên thước ngắm của súng tiểu liên AK, tại sao lại có vạch "∏" (nấc dưới cùng) và tương ứng với thước ngắm nào?*** 
     1. Để lấy thước ngắm 3 ban đêm,
     2. Để lấy thước ngắm 1 ban đêm,
     3. Để lấy thước ngắm 2 ban đêm,
     4. Để lấy thước ngắm 4 ban đêm,
171. ***Tầm bắn hiệu quả của súng tiểu liên AK khi bắn mục tiêu mặt đất là bao nhiêu m?***
     1. 400m
     2. 100m
     3. 200m
     4. 300m
172. ***Súng tiểu liên AK dùng hỏa lực tập trung, tầm bắn hiệu quả là bao nhiêu m?***
     1. 800m
     2. 600m
     3. 700m
     4. 900m
173. ***Tầm bắn hiệu quả của súng tiểu liên AK khi bắn máy bay bay thấp, quân nhảy dù là bao nhiêu m?*** 
     1. 500m
     2. 200m
     3. 400m
     4. 600m
174. ***Tầm bắn thẳng của súng tiểu liên AK khi mục tiêu cao 0,5m là bao nhiêu m?***
     1. 350m
     2. 250m
     3. 400m
     4. 500m
175. ***Tầm bắn thẳng của súng tiểu liên AK khi mục tiêu cao 1,5m là bao nhiêu m?***
     1. 525m
     2. 325m
     3. 625m
     4. 725m
176. ***Tốc độ đầu của đầu đạn súng tiểu liên AK là bao nhiêu m/s ?***
     1. 710m/s
     2. 735m/s
     3. 725m/s
     4. 715m/s
177. ***. Tốc độ đầu của đầu đạn súng tiểu liên AKM là bao nhiêu m/s?***
     1. 710m/s
     2. 715m/s
     3. 745m/s
     4. 755m/s
178. ***Súng tiểu liên AK khi bắn liên thanh, trong một phút có thể bắn được bao nhiêu viên đạn?***
     1. 100 viên
     2. 150 viên
     3. 200 viên
     4. 300 viên
179. ***Súng tiểu liên AK khi bắn phát một, trong một phút có thể bắn được bao nhiêu viên đạn?***
     1. 40 viên
     2. 35 viên
     3. 50 viên
     4. 55 viên
180. ***Khối lượng của súng tiểu liên AK không có đạn là bao nhiêu kg?***
     1. 3,8kg
     2. 4,3kg
     3. 3,1kg
     4. 3,3kg
181. ***Khối lượng của súng tiểu liên AKM không có đạn là bao nhiêu kg?***
     1. 3,1kg
     2. 3,8kg
     3. 4,3kg
     4. 3,3kg
182. ***Khối lượng của súng tiểu liên AKMS không có đạn là bao nhiêu kg?***
     1. 3,3kg
     2. 3,8kg
     3. 4,3kg
     4. 3,1kg
183. ***Khối lượng của súng tiểu liên AK lắp đủ đạn là bao nhiêu kg?***
     1. 4,3kg
     2. 3,6kg
     3. 3,9kg
     4. 3,8kg
184. ***Khối lượng của súng tiểu liên AKM lắp đủ đạn là bao nhiêu kg?***
     1. 3,8kg
     2. 3,6kg
     3. 4,3kg
     4. 5,4kg
185. ***Khối lượng của súng tiểu liên AKMS lắp đủ đạn là bao nhiêu kg?***
     1. 3,8kg
     2. 4,3kg
     3. 3,1kg
     4. 3,3kg
186. ***Đạn súng tiểu liên AK gồm có những bộ phận nào ?***
     1. Vỏ đạn, hạt lửa, thuốc phóng, đầu đạn
     2. Vỏ đạn, đuôi đạn, hạt lửa, thuốc phóng
     3. Thân vỏ đạn, hạt lửa, hạt nổ, thuốc phóng,
     4. Thân đạn, hạt lửa, thuốc phóng, đuôi đạn
187. ***Bộ phận giảm nẩy của súng tiểu liên AKM được lắp vào bộ phận nào?***
     1. Đầu nòng súng
     2. Trên ống dẫn thoi và ốp lót tay
     3. Trên thước ngắm
     4. Đuôi nòng súng
188. ***Bộ phận ngắm của súng tiểu liên AK có tác dụng gì?***
     1. Ngắm bắn vào các mục tiêu
     2. Xác định cự li bắn
     3. Bắn mục tiêu vận động
     4. Xác định độ cao mục tiêu
189. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng tì súng vào vai và giữ súng khi bắn?***
     1. Báng súng và tay cầm
     2. Hộp tiếp đạn
     3. Bệ khóa nòng và thoi đẩy
     4. Nòng súng
190. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng chứa đạn, tiếp đạn khi bắn?*** 
     1. Hộp tiếp đạn
     2. Lò xo đẩy đạn
     3. Bao đạn
     4. Hộp đạn
191. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng tiêu diệt địch khi đánh gần (giáp lá cà)?*** 
     1. Lê
     2. Nòng súng
     3. Thân súng
     4. Chân súng
192. ***Ngoài các bộ phận của súng tiểu liên AK, còn có bộ phận nào chứa dụng cụ khác của súng?***
     1. Ống đựng phụ tùng
     2. Vặn vít
     3. Lê, chổi lông
     4. Búa, kìm
193. ***Vỏ đạn của súng tiểu liên AK thường được làm bằng gì?***
     1. Thép mạ đồng
     2. Hợp kim nhôm
     3. Chì mạ đồng
     4. Đồng nguyên chất
194. ***Bộ phận nào của đạn K56 có tác dụng chứa, bảo vệ thuốc phóng?***
     1. Vỏ đạn
     2. Đầu đạn
     3. Thuốc phóng
     4. Hạt lửa
195. ***Hạt lửa của đạn K56 nằm ở vị trí nào của đạn?***
     1. Đáy vỏ đạn
     2. Trong đầu đạn
     3. Đáy đầu đạn
     4. Cổ vỏ đạn
196. ***Bước 7 trong tháo súng tiểu liên AK là tháo bộ phận nào?***
     1. Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
     2. Nắp hộp khóa nòng
     3. Bộ phận đẩy về
     4. Bệ khóa nòng và khóa nòng
197. ***Một trong các nội dung qui tắc tháo, lắp súng tiểu liên AK là gì?***
     1. Phải nắm chắc cấu tạo của súng
     2. Phải nắm chắc nguyên lý chuyển động của súng
     3. Hiểu rõ tính năng kỹ, chiến thuật của súng
     4. Nắm vững qui tắc bảo quản, giữ gìn súng
198. ***Trước khi tháo, lắp súng tiểu liên AK phải thực hiện nghiêm qui tắc nào?***
     1. Phải khám súng
     2. Lau chùi súng sạch sẽ
     3. Kiểm tra nòng súng và buồng đạn
     4. Kiểm tra hộp tiếp đạn và số lượng đạn
199. ***Khi tháo súng tiểu liên AK, phải tháo bộ phận nào trước khi tháo ống phụ tùng?***
     1. Hộp tiếp đạn, kiểm tra súng A
     2. Thông nòng
     3. Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
     4. Nắp hộp khóa nòng
200. ***Sau khi tháo bệ khóa nòng và khóa nòng súng tiểu liên AK sẽ tháo đến bộ phận nào?***
     1. Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
     2. Hộp tiếp đạn
     3. Thông nòng
     4. Lê, ốp lót tay
201. ***Sau khi tháo bộ phận đẩy về súng tiểu liên AK sẽ tháo đến bộ phận nào?***
     1. Bệ khóa nòng và khóa nòng
     2. Hộp tiếp đạn
     3. Thông nòng
     4. Nắp hộp khóa nòng
202. ***Sau khi tháo thông nòng súng tiểu liên AK sẽ tháo đến bộ phận nào?***
     1. Nắp hộp khóa nòng
     2. Hộp tiếp đạn
     3. Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
     4. Bộ phận đẩy về
203. ***Khi lắp súng tiểu liên AK, bộ phận nào phải lắp vào trước?***
     1. Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
     2. Thông nòng
     3. Bộ phận đẩy về
     4. Nắp hộp khóa nòng
204. ***Khi lắp súng tiểu liên AK, lắp xong bệ khóa nòng và khóa nòng thì lắp đến bộ phận nào?***
     1. Bộ phận đẩy về
     2. Hộp tiếp đạn
     3. Ống phụ tùng
     4. Nắp hộp khóa nòng
205. ***Sau khi lắp xong nắp hộp khóa nòng súng tiểu liên AK, theo thứ tự phải làm động tác gì?***
     1. Kiểm tra chuyển động của súng
     2. Lắp hộp tiếp đạn kiểm tra súng
     3. Lắp ống phụ tùng
     4. Kiểm tra toàn bộ súng
206. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng liên kết các bộ phận của súng?***
     1. Hộp khóa nòng
     2. Nắp hộp khóa nòng
     3. Tay kéo bệ khóa nòng
     4. Bệ khóa nòng
207. ***Bước 1 trong tháo súng tiểu liên AK là tháo bộ phận nào?***
     1. Hộp tiếp đạn và kiểm tra súng
     2. Thông nòng
     3. Phụ tùng
     4. Nắp hộp khóa nòng
208. ***Cỡ nòng súng tiểu liên AK là bao nhiêu mm?***
     1. 7,62mm
     2. 7,56mm
     3. 76,2mm
     4. 7,26mm
209. ***Bước 1 trong lắp súng tiểu liên AK là lắp bộ phận nào?***
     1. Ống dẫn thoi và ốp lót tay trên
     2. Nắp hộp khóa nòng
     3. Bộ phận đẩy về
     4. Bệ khóa nòng và khóa nòng
210. ***Bước cuối cùng trong lắp súng tiểu liên AK là lắp bộ phận nào?***
     1. Hộp tiếp đạn
     2. Nắp hộp khóa nòng
     3. Thông nòng
     4. Phụ tùng
211. ***Bộ phận nào trên súng tiểu liên AK có tác dụng lấy thước ngắm trước khi bắn?***
     1. Cữ thước ngắm
     2. Đầu ngắm
     3. Khe ngắm
     4. Thân thước ngắm
212. ***Bộ phận nào trên súng tiểu liên AK có tác dụng ngắm bắn khi bắn?***
     1. Bộ phận ngắm
     2. Khe ngắm
     3. Cữ thước ngắm
     4. Thân thước ngắm
213. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng đẩy đạn vào buồng đạn?***
     1. Khóa nòng
     2. Bệ khóa nòng
     3. Hộp khóa nòng
     4. Tay kéo bệ khóa nòng
214. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng kéo vỏ đạn ra khỏi buồng đạn khi bắn?***
     1. Móc đạn của khóa nòng
     2. Ngoàm giữ đạn
     3. Cần định cách bắn
     4. Tay kéo bệ khóa nòng
215. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng hất vỏ đạn ra ngoài khi bắn?***
     1. Ngoàm giữ đạn
     2. Mấu hất vỏ đạn
     3. Cần định cách bắn
     4. Tay kéo bệ khóa nòng
216. ***Bộ phận nào súng tiểu liên AK khi bắn có tác dụng đóng, mở khóa nòng, làm cho đạn nổ, kéo vỏ đạn ra khỏi buồng đạn?***
     1. Khóa nòng
     2. Bệ khóa nòng và thoi đẩy
     3. Hộp khóa nòng
     4. Nòng súng
217. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng làm cho khóa nòng và bộ phận cò chuyển động?***
     1. Bệ khóa nòng và thoi đẩy
     2. Hộp khóa nòng
     3. Lò xo đẩy về
     4. Bộ phận giảm nẩy
218. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng đẩy bệ khóa nòng, khóa nòng về phía trước và giữ nắp hộp khóa nòng?***
     1. Bộ phận đẩy về
     2. Nòng súng
     3. Báng súng và tay cầm
     4. Bộ phận cò
219. ***Bộ phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng dẫn thoi đẩy chuyển động, giữ súng, bảo vệ tay không bị nóng khi bắn?***
     1. Ống dẫn thoi và ốp lót tay
     2. Hộp tiếp đạn
     3. Báng súng và tay cầm
     4. Bệ khóa nòng và thoi đẩy
220. ***Phận nào của súng tiểu liên AK có tác dụng giữ búa ở thế giương, làm búa đập vào kim hỏa, khóa an toàn, định cách bắn?***
     1. Bệ khóa nòng và thoi đẩy
     2. Bộ phận đẩy về
     3. Bộ phận cò
     4. Tay kéo bệ khóa nòng
221. ***Đầu đạn súng tiểu liên AK (K56) không sơn là***
     1. Đạn thường
     2. Đạn cháy
     3. Đạn vạch đường
     4. Đạn xuyên cháy
222. ***Đầu đạn súng tiểu liên AK (K56) sơn màu xanh lá cây là***
     1. Đạn vạch đường
     2. Đạn thường
     3. Đạn cháy
     4. Đạn xuyên cháy
223. ***Súng tiểu liên AK khi bắn, bộ phận nào trên có tác dụng làm cho đầu đạn tự xoay trong quá trình vận động?***
     1. Nòng súng
     2. Đầu đạn
     3. Vỏ đạn
     4. Thân đạn
224. ***Bộ phận nào súng tiểu liên AK có tác dụng định hướng bay ban đầu cho đầu đạn khi bắn?***
     1. Nòng súng
     2. Đầu đạn
     3. Thân súng
     4. Thân đạn
225. ***Bộ phận nào của đạn súng tiểu liên AK có tác dụng sinh ra áp lực cao để đẩy đầu đạn chuyển động khi bắn?***
     1. Thuốc phóng
     2. Hạt lửa
     3. Nòng súng
     4. Buồng đạn
226. ***Tại sao đầu đạn của súng tiểu liên AK khi bắn lại tự xoay tròn quanh trục của nó khi chuyển động?***
     1. Do nòng súng có rãnh xoắn
     2. Do bị lực hút của Trái Đất
     3. Vì đầu đạn có rãnh xoắn
     4. Do cấu tạo của vỏ đạn
227. ***Thành phần nào của đạn tạo cho đầu đạn có tốc độ đầu nhất định?***
     1. Số lượng thuốc phóng
     2. Hình dáng đầu đạn
     3. Chất liệu làm vỏ đạn
     4. Hình dáng thân đạn
228. ***Khi lên đạn, kéo tay kéo bệ khóa nòng của súng tiểu liên AK về sau hết cỡ thì viên đạn thứ nhất nằm ở đâu?***
     1. Trước đường tiến của mấu đẩy đạn
     2. Trong hộp tiếp đạn
     3. Trước đường tiến của kim hỏa
     4. Trong buồng đạn
229. ***Khi lên đạn, thả tay kéo bệ khóa nòng của súng tiểu liên AK về trước hết cỡ thì viên đạn thứ nhất nằm ở đâu?***
     1. Trong buồng đạn
     2. Trong hộp tiếp đạn
     3. Trước đường tiến của mấu đẩy đạn
     4. Trước đường tiến của khóa nòng
230. ***Bộ phận nào của súng trường CKC có tác dụng làm cho bệ khóa nòng, khóa nòng và bộ phận cò chuyển động?***
     1. Bệ khóa nòng
     2. Hộp khóa nòng
     3. Bộ phận đẩy về
     4. Bộ phận giảm nẩy
231. ***Bộ phận nào của súng trường CKC có tác dụng làm cho bệ khóa nòng và khóa nòng chuyển động về phía trước?***
     1. Bộ phận đẩy về
     2. Bệ khóa nòng
     3. Hộp khóa nòng
     4. Bộ phận giảm nẩy
232. ***Phòng không nhân dân ( PKND) chủ yếu do lực lượng nào tiến hành ?***
     1. Đông đảo quần chúng nhân dân
     2. Quân đội nhân dân Việt Nam
     3. Nhân dân trong khu vực trọng điểm
     4. Lực lượng phòng không nhân dân
233. ***Phòng không nhân dân ( PKND) phải được tiến hành như thế nào ?***
     1. Tổ chức, chuẩn bị chu đáo, luyện tập, diễn tập ngay trong thời bình
     2. Tổ chức khẩn trương, luyện tập, diễn tập ngay trong thời bình
     3. Chuẩn bị chu đáo, luyện tập, diễn tập thường xuyên trong thời chiến
     4. Chuẩn bị tốt, thường xuyên luyện tập, diễn tập trong tháng thời bình
234. ***Công tác phòng không nhân dân ( PKND) lấy hoạt động nào là chính?***
     1. Sơ tán, phòng tránh khắc phục hậu quả, giảm bớt tổn thất
     2. Đánh trả quân địch ngay từ đầu để giảm bớt tổn thất
     3. Đánh trả tốt, khắc phục hậu quả nhanh, giảm bớt tổn thất
     4. Coi trọng công tác phòng ngừa, khắc phục hậu quả
235. ***Một trong những mục dích của công tác phòng không nhân dân là:***
     1. Bảo đảm an toàn cho nhân dân, bảo vệ mục tiêu quan trọng của đất nước
     2. Bảo vệ mục tiêu trọng yếu về kinh tế của đất nước
     3. Bảo vệ mục tiêu trọng yếu về quốc phòng của đất nước
     4. Bảo vệ mục tiêu chiến lược về quân sự và kinh tế của đất nước
236. ***Một trong những nội dung khái niệm về công tác phòng không nhân dân là:***
     1. Tổng hợp các biện pháp và hoạt động của quần chúng nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng đường không của địch.
     2. Dùng các biện pháp hiệu quả nhất của nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng quân sự của địch.
     3. Tổng hợp các biện pháp và hoạt động quân sự nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng đường không của địch.
     4. Sử dụng các biện pháp và hoạt động của quân đội nhân dân nhằm đối phó với cuộc tiến công bằng máy bay của địch.
237. ***Từ năm 1964-1972, đế quốc Mĩ tiến hành tiến công đường không Miền Bắc nước ta nhằm mục đích gì?***
     1. Phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của ta, ngăn chặn sự chi viện của hậu phương cho tiền tuyến
     2. Phá hoại và thủ tiêu chế độ XHCN ở Miên Bắc nước ta
     3. Chia rẽ khối đoàn kết của nhân dân hai miền, làm mất đi sự chi viện của Miền Bắc cho Miền Nam
     4. Phá hoại tiềm lực kinh tế của ta, ngăn chặn sự chi viện của các nước XHCN cho Việt Nam
238. ***Quy mô lớn nhất về tiến công đường không của Mĩ với Miền Bắc nước ta vào thời gian nào?***
     1. Từ 18/12/1972 đến 29/12/ 1972
     2. Từ 5/8/1964 đến 30/8/ 1964
     3. Từ 18/3/1974 đến 27/3/ 1975
     4. Từ 4/3/1974 đến 3/4/ 1975
239. ***Chủ trương biện pháp công tác phòng không trong thời kì chống Mĩ tiến hành với hình thức nào?*** 
     1. Chủ động sơ tán, phòng tránh; Kiên quyết đánh trả
     2. Kiên quyết bảo vệ, chủ động tiến công
     3. Chủ động phòng ngừa, khắc phục hậu quả
     4. Tập trung bảo toàn lực lượng, tạo thời cơ đánh trả tốt
240. ***Một trong những nội dung chủ trương biện pháp công tác phòng không trong thời kì chống Mĩ là:*** 
     1. Chủ động phòng tránh, đánh trả mang tính chủ động tích cực và kiên quyết
     2. Lực lượng phòng không phải chủ động đánh trả nhanh, kiên quyết và hiệu quả
     3. Lực lượng quân đội phải chủ động đánh trả nhanh, kiên quyết và hiệu quả
     4. Chủ động tích cực và kiên quyết trong phòng tránh, đánh trả hiệu quả
241. ***Vì sao công tác phòng không phải bao gồm cả sơ tán, phòng tránh và sẵn sàng đánh trả?*** 
     1. Vừa chủ động đánh địch bảo toàn tiềm lực, vừa sơ tán phòng tránh để hạn chế tổn thất, giữ vững sản xuất, ổn định đời sống nhân dân
     2. Để giữ gìn lực lượng ta càng đánh càng vững mạnh
     3. Bảo vệ tài sản của nhân dân, sẵn sàng chi viện cho chiến trường
     4. Phòng tránh, sơ tán để tạo điều kiện cho đánh trả có hiệu quả
242. ***Chính phủ ra Nghị định 112/CP về việc tổ chức công tác phòng không nhân dân vào ngày tháng năm nào?***
     1. 25. 7. 1963
     2. 25. 7. 1965
     3. 25. 7. 1964
     4. 20/ 3/ 1963
243. ***Tổng số máy bay của đế quốc Mĩ do lực lượng phòng không Dân quân tự vệ bắn rơi ở Miền Bắc từ năm 1964-1972 là bao nhiêu?***
     1. 424 chiếc
     2. 425 chiếc
     3. 426 chiếc
     4. 427 chiếc
244. ***Trong giai đoạn hiện nay, nếu xảy ra chiến tranh, công tác phòng không cần lưu ý một trong những đặc điểm gì?***
     1. Địch sẽ sử dụng các loại vũ khí công nghệ cao để tiến công xâm lược
     2. Địch sẽ chủ yếu sử dụng các loại vũ khí điện tử hiện đại
     3. Địch sử dụng hạn chế các loại vũ khí hiện đại để tiến công xâm lược
     4. Khả năng địch sẽ sử dụng vũ khí hạt nhân để tiến công xâm lược
245. ***Trong tình hình mới, khi xẩy ra chiến tranh, tiến công của địch có đặc điểm gì?***
     1. Thời gian tiến công có thể ngắn nhưng khốc liệt và tàn phá lớn
     2. Tiến công liên tục từ xa vào lực lượng vũ trang của ta
     3. Tiến công liên tục, dài ngày vào các mục tiêu cố định
     4. Tiến công chớp nhoáng, đánh nhanh, thắng nhanh bằng đường bộ
246. ***Trong tình hình mới, nếu xảy ra chiến tranh, mức độ quyết liệt như thế nào?***
     1. Quyết liệt ngay từ những ngày đầu chiến tranh
     2. Tính quyết liệt tăng dần theo thời gian xẩy ra chiến tranh
     3. Mức độ quyết liệt phụ thuộc vào khả năng bảo đảm chiến tranh
     4. Quyết liệt tăng theo thời gian, nhất là những ngày cuối chiến tranh
247. ***Trong tình hình mới, Nghị định 65/2002/NĐ//CP của Chính phủ thay thế Nghị định 112/CP về việc tổ chức công tác phòng không nhân dân ra ngày nào?***
     1. 01 - 7 - 2002
     2. 01 – 8 - 2002
     3. 01 - 9 - 2002
     4. 01 - 10 - 2002
248. ***Xu hướng phát triển hiện nay của vũ khí trang bị như thế nào ?***
     1. Tàng hình, tầm bắn xa, độ chính xác cao, sức công phá mạnh
     2. Tàng hình, tầm bắn ngắn nhưng có độ chính xác cao
     3. Tương đối hiện đại nhưng có độ chính xác tuyệt đối
     4. Bố trí cố định để bảo đảm an toàn trước đối phương
249. ***Xu hướng phát triển hiện nay về nghệ thuật tác chiến?***
     1. Có thể tiến công từ xa, ngoài phạm vi biên giới, vùng trời
     2. Tiến công từ bên trong có sự chi viện từ biên giới, vùng trời
     3. Tiến công từ biên giới trên bộ và vùng trời
     4. Có thể tiến công đánh chiếm biên giới, vùng trời
250. ***Xu hướng phát triển hiện nay về nghệ thuật tác chiến?***
     1. Có thể tiến công từ xa, ngoài vùng biển của quốc gia
     2. Tiến công vào vùng biển của một quốc gia
     3. Tiến công trực tiếp, chủ yếu trên vùng trời của quốc gia
     4. Tiến công chủ yếu vào biển, đảo quốc gia
251. ***Xu hướng phát triển hiện nay về nghệ thuật tác chiến?***
     1. Có thể không trực tiếp chiếm đất, nhưng áp đặt về chính trị
     2. Trực tiếp chiếm đất để áp đặt về chính trị
     3. Không trực tiếp chiếm đất, không áp đặt về chính trị
     4. Có thể trực tiếp chiếm đất để áp đặt về quân sự
252. ***Phương thức phổ biến tiến hành tiến công đường không hiện nay của địch như thế nào?***
     1. Tiến công từ xa
     2. Tiến công trực tiếp
     3. Đánh gần
     4. Đánh trực tiếp
253. ***Nội dung nào không phải là thủ đoạn trong tiến công đường không của địch ?***
     1. Đánh lẻ, dài ngày, chủ yếu diễn ra trên mặt đất
     2. Sử dụng tổng hợp các loại phương tiện vũ khí để tiến công
     3. Vũ khí đánh từ nhiều hướng vào nhiều mục tiêu cùng một lúc
     4. Đánh đêm, đánh ác liệt từng đợt lớn kết hợp đánh nhỏ liên tục
254. ***Nội dung nào không phải là thủ đoạn trong tiến công đường không của địch?***
     1. Đánh lâu dài làm tê liệt sức chiến đấu của đối phương
     2. Trinh sát năm chắc mục tiêu, nghi binh, tác chiến điện tử mạnh
     3. Máy bay, vũ khí, phương tiện đột nhập ở độ cao thấp
     4. Đánh đêm để tạo bất ngờ
255. ***Thủ đoạn kết hợp tiến hành tiến công đường không của địch là gì?***
     1. Kết hợp tiến công hỏa lực với các hoạt động lật đổ, khủng bố và phá hoại từ bên trong nước đối phương
     2. Đánh mạnh từ bên trong kết hợp với răn đe quân sự bên ngoài
     3. Kết hợp vừa đánh vừa đàm; vừa đánh vừa giữ đất
     4. Chống phá về chính trị là chủ yếu kết hợp răn đe quân sự
256. ***Trong công tác phòng không nhân dân, lực lượng nào sau đây làm nòng cốt?***
     1. Bộ đội phòng không, không quân của quân đội
     2. Lực lượng phòng không của các địa phương
     3. Lực lượng phòng không, không quân của các tỉnh, thành phố
     4. Lực lượng phòng không, không quân của các xã, phường
257. ***Công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới có yêu cầu gì?***
     1. Nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy sức mạnh của tổng hợp của toàn dân, các cấp, các ngành
     2. Nhà nước phát huy sức mạnh của tổng hợp của các cấp, các ngành
     3. Nhà nước và nhân dân cùng làm, phát huy sức mạnh của các cấp, các ngành
     4. Nhà nước làm là chính và phát huy sức mạnh của tổng hợp của toàn dân, các cấp, các ngành
258. ***Nội dung nào sau đây sai với phương châm của công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới ?***
     1. Lấy đánh trả là chính, phòng tránh là quan trọng
     2. Chủ động sẵn sàng xử lí mọi tình huống
     3. Lấy phòng, tránh là chính
     4. Toàn dân – toàn diện – tích cực chủ động
259. ***Tính chất của công tác phòng không nhân dân trong tình hình mới là gì?***
     1. Tính chất nhân dân, tính chất quần chúng trong chiến tranh
     2. Tính chất hiện đại, tính chất toàn diện trong chiến tranh
     3. Tính chất nhân dân, tính hiện đại trong chiến tranh
     4. Tính chất toàn diện, tính nhân dân trong chiến tranh
260. ***Nội dung nào sau đây sai với yêu cầu chung của ngụy trang, sơ tán và phòng tránh?***
     1. Phải tạo ra mục tiêu mới nơi sơ tán
     2. Đảm bảo an toàn nơi sơ tán, phân tán
     3. Ổn định sản xuất và đời sống nhân dân
     4. Không hoang mang, rối loạn xã hội nơi sơ tán
261. ***Nội dung nào sau đây không đúng so với 5 nội dung chính công tác phòng không nhân dân?***
     1. Xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh
     2. Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động
     3. Tổ chức đánh trả và phục vụ chiến đấu
     4. Tổ chức khắc phục hậu quả
262. ***Nội dung nào sau đây sai với yêu cầu cụ thể của ngụy trang, sơ tán và phòng tránh?***
     1. Chủ yếu dựa vào sự đảm bảo về tài chính của nhà nước
     2. Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong xây dựng công trình phòng tránh
     3. Nhà nước và nhân dân cùng làm, lấy lực lượng nhân dân tại chỗ là chính
     4. Tận dụng lợi thế địa hình tự nhiên để tổ chức phòng tránh
263. ***Một trong những yêu cầu cụ thể của sơ tán, phân tán trong công tác phòng không nhân là:*** 
     1. Kết hợp giữa thô sơ và hiện đại trong tổ chức ngụy trang
     2. Kết hợp giữa đánh trả của quân đội và của nhân dân
     3. Kết hợp giữa sơ tán và tổ chức ngụy trang nơi sơ tán
     4. Kết hợp giữa đánh địch trên không và đánh địch trên bộ
264. ***Một trong những yêu cầu của khắc phụ hậu quả trong công tác phòng không nhân là:*** 
     1. Tích cực chủ động, kịp thời để giảm bớt thiệt hại, ổn định đời sống
     2. Khắc phục nhanh hậu quả và tổ chức rời khỏi nơi sơ tán
     3. Chủ động đánh địch và khắc phục hậu quả nơi sơ tán
     4. Khắc phục hậu quả dựa trên cơ sở nhà nước đầu tư
265. ***Nội dung nào sai so với yêu cầu của sơ tán, phòng tránh trong công tác phòng không nhân dân?***
     1. Liên tục thay đổi địa điểm sơ tán, phân tán để đảm bảo bí mật
     2. Bí mật sơ tán, phân tán
     3. Phòng tránh tại chỗ bằng công sự, hầm hào, ngụy trang nghi binh
     4. Chuẩn bị trước kế hoạch phòng tránh, khắc phục hậu quả
266. ***Trong tình hình mới, nội dung nào sau đây không đúng về đặc điểm công tác phòng không nhân dân?***
     1. Vừa đánh địch vừa tiến hành chiến tranh bảo vệ tổ quốc
     2. Phải phối hợp chặt chẽ các lực lượng vũ trang, lực lượng phòng không 3 thứ quân
     3. Gắn liền với xây dựng và bảo vệ tổ quốc, chế độ XHCN
     4. Vừa đối phó với địch trên không, vừa sẵn sàng đối phó với địch mặt đất
267. ***Trong tình hình mới, công tác phòng không nhân dân có đặc điểm gì ?***
     1. Vừa đối phó với địch trên không, vừa sẵn sàng đối phó với bọn phản động nội địa gây bạo loạn lật đổ
     2. Vừa đối phó với địch trên bộ, vừa đối phó với địch trên không
     3. Vừa đối phó với địch trên bộ, vừa đánh bọn phản động nội địa
     4. Vừa đối phó với địch bên trong, vừa dẹp bạo loạn
268. ***Trong tình hình mới, công tác phòng không có yêu cầu gì?*** 
     1. Phải chuẩn bị, luyện tập kĩ lưỡng các phương án phòng không nhân dân
     2. Bí mật, bất ngờ, chuẩn bị có trọng tâm trọng điểm
     3. Quân đội phải thường xuyên luyện tập các phương án chiến đấu
     4. Phát huy khả năng chiến đấu phòng không của nhân dân các địa phương
269. ***Công tác phòng không nhân dân do ai lãnh đạo, điều hành?***
     1. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành thống nhất tập trung của nhà nước từ trung ương đến địa phương
     2. Đảng lãnh đạo, Nhà nước điều hành thống nhất tập trung ở từng địa phương
     3. Đảng lãnh đạo, Nhà nước điều hành thống nhất tập trung của lực lượng phòng không quốc gia
     4. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội điều hành một cách thống nhất và tập trung
270. ***Lựa chọn nào sai so với nội dung của công tác phòng không nhân dân?***
     1. Toàn dân phải liên tục luyện tập các phương án chiến đấu
     2. Tăng cường tuyên truyền giáo dục nhận thức, kiến thức phòng không nhân dân
     3. Tổ chức thông báo, báo động kịp thời
     4. Tăng cường tập luyện sơ tán phòng tránh, cứu thương, phòng chữa cháy
271. ***Phương thức phổ biến tiến hành tiến công đường không hiện nay, các vũ khí, phương tiện của địch hoạt động như thế nào?***
     1. Bay thấp với các phương tiện tàng hình, hoạt động liên tục ngày đêm
     2. Bay cao với các phương tiện tàng hình, hoạt động liên tục ban ngày
     3. Bay thấp với các phương tiện hiện đại, hoạt động liên tục ban đêm
     4. Hoạt động liên tục trong các khu vực quan trọng
272. ***Nội dung nào không phải là hạn chế khi tiến hành tiến công đường không của địch ?***
     1. Khó tiến công các mục tiêu vì chất lượng của vũ khí hạn chế
     2. Phải nắm chắc thông tin về mục tiêu
     3. Khó tiến công các mục tiêu nhỏ và mục tiêu di động, cơ động
     4. Tốn kém về tài chính, số vũ khí công nghệ cao có hạn
273. ***Xu hướng phát triển hiện nay về lực lượng như thế nào?***
     1. Tinh gọn, đa năng, cơ cấu hợp lí, cân đối, có khả năng tác chiến độc lập
     2. Tổ chức chặt chẽ, cơ cấu đủ lớn, có khả năng tác chiến lớn
     3. Đa năng, số lượng cao, có khả năng đánh những trận lớn
     4. Có khả năng đánh thắng đối phương trong cuộc chiến tranh với quy mô lớn
274. ***Xu hướng phát triển hiện nay nghệ thuật tác chiến?***
     1. Không phụ thuộc vào không gian, thời gian tiến hành, có thể tiến công cả ngày và đêm
     2. Có thể tiến công từ xa, ngoài vùng trời, vùng biển của quốc gia
     3. Có thể tiến công từ xa, ngoài vùng trời, vùng biển của quốc gia
     4. Có thể tiến công từ xa, ngoài vùng trời, vùng biển của quốc gia
275. ***Mục đích của cầm máu tạm thời vết thương không có nội dung nào sau đây?***
     1. Làm giảm đau đớn cho nạn nhân
     2. Nhanh chóng làm ngừng chảy máu bằng những biện pháp đơn giản
     3. Hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu
     4. Góp phần cứu sống tính mạng người bị nạn, tránh các tai biến nguy hiểm
276. ***Nội dung nào sau đây không đúng với nguyên tắc cầm máu tạm thời vết thương?***
     1. Phải hạn chế đến mức thấp nhất sự mất máu
     2. Phải khẩn trương, nhanh chóng làm ngừng chảy máu
     3. Phải xử trí đúng chỉ định theo tính chất của vết thương
     4. Phải đúng quy trình kỹ thuật
277. ***Chảy máu động mạch có đặc điểm gì?***
     1. Máu đỏ tươi chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương ra ngoài
     2. Máu đỏ thẫm, chảy ri rỉ tại chỗ bị thương, lượng máu vừa phải
     3. Máu đỏ thẫm, thấm tại chỗ bị thương, lượng máu ít hoặc rất ít
     4. Máu đỏ tươi, nhanh chóng hình thành cục máu bít mạch máu bị tổn thương
278. ***Chảy máu tĩnh mạch có đặc điểm gì?***
     1. Máu đỏ thẫm, chảy ri rỉ tại chỗ bị thương, lượng máu vừa phải
     2. Máu đỏ tươi chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương ra ngoài
     3. Máu đỏ thẫm, thấm tại chỗ bị thương, lượng máu ít hoặc rất ít
     4. Máu đỏ tươi, nhanh chóng hình thành cục máu bít mạch máu bị tổn thương
279. ***Chảy máu mao mạch có đặc điểm gì?***
     1. Máu đỏ thẫm, thấm tại chỗ bị thương, lượng máu ít hoặc rất ít
     2. Máu đỏ tươi chảy vọt thành tia hoặc trào qua miệng vết thương ra ngoài
     3. Máu đỏ thẫm, chảy ri rỉ tại chỗ bị thương, lượng máu vừa phải
     4. Máu đỏ tươi, nhanh chóng hình thành cục máu bít mạch máu bị tổn thương
280. ***Nội dung nào sau đây không phải là biện pháp xử trí cầm máu tạm thời vết thương?*** 
     1. Thắt, buộc mạch máu
     2. Ấn động mạch, gấp chi tối đa
     3. Băng ép, băng chèn, băng nút
     4. Ga rô
281. ***Kỹ thuật ấn động mạch không có nội dung nào sau đây?***
     1. Các mạch máu bị gấp và bị đè ép bởi các khối cơ bao quanh
     2. Dùng ngón tay ấn đè trên đường đi của động mạch
     3. Làm động mạch bị ép chặt giữa ngón tay ấn và nề xương
     4. Có tác dụng cầm máu nhanh, ít gây đau và không gây tai biến nguy hiểm
282. ***Kỹ thuật băng ép không có nội dung nào sau đây?*** 
     1. Nút càng chặt làm tăng sức ép vào các mạch máu, tác dụng cầm máu càng tốt
     2. Là phương pháp băng vết thương với các vòng băng xiết tương đối chặt
     3. Các vòng băng làm đè ép mạnh vào bộ phận bị tổn thương
     4. Băng ép tạo điều kiện hình thành các cục máu đông, làm máu ngừng chảy
283. ***Băng chèn được sử dụng cho vết thương nào?***
     1. Động mạch
     2. Tĩnh mạch
     3. Mao mạch
     4. Phần mền
284. ***Băng nút được sử dụng cho vết thương nào?***
     1. Có dạng hình ống
     2. Động mạch
     3. Tĩnh mạch
     4. Mao mạch
285. ***Không đặt ga rô với trường hợp vết thương nào sau đây?*** 
     1. Vết thương phần mền rộng, nạn nhân đau nhiều
     2. Vết thương ở chi chảy máu ồ ạt, phụt thành tia hoặc trào mạnh qua miệng vết thương
     3. Vết thương cắt cụt chi tự nhiên, bị rắn độc cắn
     4. Vết thương phần mền hoặc gãy xương đã cầm máu bằng các biện pháp khác không có hiệu quả
286. ***Nguyên tắc đặt ga rô không có nội dung nào sau đây?*** 
     1. Chỉ dùng dây cao su to bản (3-4 cm), mỏng và có tác dụng đàn hồi tốt
     2. Đặt sát phía trên vết thương và để lộ ra ngoài để dễ nhìn thấy
     3. Ưu tiên chuyển nạn nhân về tuyến sau, cứ sau 1 giờ nới ga rô 1 lần
     4. Có phiếu đặt ga rô, có ký hiệu bằng vải đỏ cài vào túi áo trái của nạn nhân
287. ***Bước đầu tiên khi tiến hành đặt ga rô là gì?*** 
     1. Ấn động mạch phía trên vết thương
     2. Lót gạc chỗ định đặt ga rô
     3. Băng vết thương và làm các thủ tục hành chính
     4. Đặt ga rô rồi từ từ xoắn đến khi không thấy máu chảy ở vết thương
288. ***Nội dung nào sau đây không phải là tổn thương do gãy xương?*** 
     1. Mất tri giác, cảm giác và vận động, hệ bài tiết ngừng hoạt động
     2. Xương bị gãy rạn, gãy rời thành 2 hay nhiều mảnh
     3. Da, cơ bị giập nát nhiều, có thể tổn thương mạc máu và dây thần kinh
     4. Rất dễ gây choáng do đau đớn, mất máu và nhiễm trùng do ô nhiễm
289. ***Nội dung nào sau đây không phải là mục đích của cố định tạm thời xương gãy?***
     1. Làm cho nạn nhân có thể vận động lại bình thường
     2. Làm giảm đau đớn, cầm máu tại vết thương
     3. Giữ cho đầu xương tương đối yên tĩnh
     4. Phòng ngừa các biến chứng: choáng, tổn thương thứ phát, nhiễm khuẩn
290. ***Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy không có nội dung nào dưới đây?***
     1. Phải có phiếu cố định tạm thời xương gãy, có ký hiệu ưu tiên vận chuyển
     2. Nẹp cố định phải cố định được cả khớp trên và khớp dưới ổ gãy
     3. Không đặt nẹp cứng sát vào chi, phải đệm lót bằng bông mỡ, gạc
     4. Không co kéo nắn chỉnh ổ gãy, băng cố định nẹp vào chi phải chắc chắn
291. ***Nẹp cẳng tay gồm 2 nẹp***
     1. 30 cm và 35 cm
     2. 20 cm và 35 cm
     3. 25 cm và 30 cm
     4. 30 cm và 30 cm
292. ***Nẹp cánh tay gồm 2 nẹp***
     1. 20 cm và 35 cm
     2. 30 cm và 35 cm
     3. 25 cm và 30 cm
     4. 30 cm và 30 cm
293. ***Nẹp cẳng chân gồm 2 nẹp***
     1. 60 cm và 60 cm
     2. 40 cm và 40 cm
     3. 40 cm và 50 cm
     4. 50 cm và 50 cm
294. ***Nẹp đùi gồm 3 nẹp***
     1. 120 cm, 100 cm và 80 cm
     2. 100 cm, 80 cm và 60 cm
     3. 120 cm, 110 cm và 100 cm
     4. 140 cm, 120 cm và 100 cm
295. ***Đối với gãy xương cẳng chân cần cố định chi gãy vào nẹp ở mấy vị trí?***
     1. 3 vị trí
     2. 2 vị trí
     3. 4 vị trí
     4. 5 vị trí
296. ***Đối với gãy xương đùi cần cố định chi gãy vào nẹp ở mấy vị trí?***
     1. 5 vị trí
     2. 2 vị trí
     3. 3 vị trí
     4. 4 vị trí
297. ***Nội dung nào sau đây không phải là nguyên nhân gây ngạt thở?***
     1. Do ăn phải các chất độc
     2. Do ngạt nước (đuối nước)
     3. Bị vùi lấp do sập hầm, đổ nhà…
     4. Do hít phải chất độc
298. ***Nội dung nào sau đây không đúng với biện pháp cần làm ngay khi cấp cứu nạn nhân bị ngạt thở?***
     1. Nhanh chóng chuyến nạn nhân về tuyến sau
     2. Loại bỏ nguyên nhân gây ngạt thở
     3. Khai thông đường hô hấp trên
     4. Làm hô hấp nhân tạo
299. ***Thổi ngạt cho nạn nhân bị ngạt thở với nhịp độ bao nhiêu ?***
     1. 15- 20 lần/phút
     2. 10 - 15 lần/phút
     3. 20- 25 lần/phút
     4. 25- 30 lần/phút
300. ***Ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân tim đã ngừng đập, với nhịp độ bao nhiêu?***
     1. 50 – 60 lần/phút
     2. 30 – 40 lần/phút
     3. 40 – 50 lần/phút
     4. 60 – 70 lần/phút
301. ***Khi có hai người làm, kỹ thuật thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân bị ngất như thế nào?***
     1. Thổi ngạt 1 lần, ép tim 5 lần
     2. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 5 lần
     3. Thổi ngạt 1 lần, ép tim 10 lần
     4. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần
302. ***Khi chỉ có một người làm, kỹ thuật thổi ngạt và ép tim ngoài lồng ngực cho nạn nhân bị ngất như thế nào?***
     1. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 15 lần
     2. Thổi ngạt 1 lần, ép tim 5 lần
     3. Thổi ngạt 2 lần, ép tim 10 lần
     4. Thổi ngạt 3 lần, ép tim 15 lần
303. ***Chỉ ngừng làm hô hấp nhân tạo cho nạn nhân khi đã tiến hành đúng kỹ thuật mà không có hiệu quả, trong khoảng thời gian bao nhiêu?***
     1. 40 - 60 phút
     2. 10 - 20 phút
     3. 20 - 30 phút
     4. 30 - 40 phút
304. ***Khi vận chuyển nạn nhân bằng cáng, đầu của nạn nhân ở tư thế nào?***
     1. Cao, nghiêng về một bên
     2. Thấp, nghiêng về một bên
     3. Cao, luôn ngửa ra sau
     4. Thấp, luôn ngửa ra sau

KHỐI 12

1. ***Tổ chức cao nhất trong hệ thống tổ chức quân đội là cơ quan nào?***
   1. Bộ Quốc phòng
   2. Bộ Tổng Tham mưu
   3. Tổng cục Chính trị
   4. Quân khu, Quân đoàn
2. ***Quân đội nhân dân Việt Nam gồm lực lượng nào?***
   1. Bộ đội chủ lực; Bộ đội địa phương; Bộ đội Biên phòng
   2. Bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương
   3. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ
   4. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội quân khu
3. ***Quân đội nhân dân Việt Nam có hệ thống chặt chẽ như thế nào?***
   1. Từ Trung ương đến cơ sở
   2. Từ Bộ Quốc phòng đến các đơn vị trực thuộc
   3. Từ Bộ đội chủ lực đến bộ đội địa phương ở các địa phương
   4. Từ đơn vị chủ lực đến các đơn vị bộ đội địa phương
4. ***Quân đội nhân dân Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào?***
   1. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam
   2. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của dân tộc Việt Nam
   3. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của nhân dân Việt Nam
   4. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối về mọi mặt của giai cấp công nhân
5. ***Người chỉ huy và điều hành cao nhất trong quân đội là ai ?***
   1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
   2. Cục trưởng Cục Tác chiến
   3. Tư lệnh các đơn vị chiến đấu của quân đội
   4. Đại tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
6. ***Quân đội có lực lượng nào?***
   1. Lực lượng thường trực và lực lượng dự bị
   2. Lực lượng chủ lực và lực lượng địa phương
   3. Lực lượng chiến đấu và lực lượng sẵn sàng chiến đấu
   4. Lực lượng chính quy và lực lượng dự bị
7. ***Một trong chức năng của Bộ Quốc phòng là gì?***
   1. Thực hiện quản lí nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, quân đội và dân quân tự vệ.
   2. Chấp hành nghiêm đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước
   3. Chấp hành và vận động nhân dân chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng
   4. Luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đầu thắng lợi
8. ***Một trong chức năng của cơ quan Bộ Tổng Tham mưu trong quân đội là:*** 
   1. Là cơ quan chỉ huy lực lượng vũ trang quốc gia
   2. Là cơ quan chiến đấu bảo vệ quốc gia
   3. Thuộc cơ quan tham mưu cho phòng thủ quốc gia
   4. Là cơ quan tổ chức ra lực lượng vũ trang quốc gia
9. ***Một trong chức năng của cơ quan Tổng Cục Chính trị trong quân đội là gì?***
   1. Đảm nhiệm công tác Đảng – Công tác chính trị trong quân đội
   2. Đảm nhiệm công tác tổ chức giáo dục chính trị trong quân đội
   3. Đảm nhiệm công tác chính trị trong quân đội
   4. Đảm nhiệm công tác tuyên truyền chính trị trong quân đội
10. ***Một trong chức năng của cơ quan Tổng Cục Hậu cần trong quân đội là gì?***
    1. Là cơ quan có chức năng đảm bảo hậu cần, vật chất, quân y, vận tải cho quân đội
    2. Là cơ quan có chức năng đảm bảo hoạt động kinh tế và vận tải cho quân đội
    3. Là cơ quan có chức năng đảm bảo chế độ ăn uống cho bộ đội
    4. Là cơ quan có chức năng đảm bảo vật chất, kĩ thuật cho quân đội
11. ***Sĩ quan trong quân đội nhân dân Việt nam có mấy cấp, bậc và mỗi cấp có mấy bậc?***
    1. 3 cấp 12 bậc: Cấp tướng có 4 bậc, cấp tá có 4 bậc, cấp úy có 4 bậc
    2. 3 cấp 12 bậc: Cấp tướng có 4 bậc, cấp tá có 4 bậc, chiến sĩ có 4 bậc
    3. 3 cấp 12 bậc: Cấp tướng có 4 bậc, sĩ quan có 4 bậc, cấp úy có 4 bậc
    4. 3 cấp 12 bậc: Cấp tướng có 4 bậc, cấp tá có 3 bậc, chiến sĩ có 5 bậc
12. ***Trong quân đội nhân dân Việt Nam có ngạch Sĩ quan nào?***
    1. Sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị
    2. Sĩ quan chỉ huy và sĩ quan dự bị
    3. Sĩ quan thường trực và sĩ quan không thường trực
    4. Sĩ quan chỉ huy và sĩ quan chuyên môn kĩ thuật
13. **Bộ đội ở các Quận đội, Huyện đội là:**
    1. Bộ đội địa phương
    2. Bộ đội chủ lực
    3. Bộ đội lục quân
    4. Bộ đội chính quy
14. ***Là một trong 3 thứ quân, dân quân tự vệ là lực lượng***
    1. Bán vũ trang không thoát li sản xuất
    2. Vũ trang thường trực, thoát li sản xuất
    3. Bán vũ trang , thoát li sản xuất
    4. Vũ trang chính quy, không thoát li sản xuất
15. ***Trong quân đội nhân dân Việt Nam, Sư đoàn 308 là sư đoàn gì?***
    1. Bộ đội chủ lực
    2. Bộ đội địa phương
    3. Bộ đội Phòng không
    4. Bộ đội xe tăng
16. ***Bộ, Ban Chỉ huy quân sự nào sau đây không nằm trong hệ thống tổ chức của quân đội nhân dân Việt Nam?***
    1. Ban Chỉ huy quân sự xã, phường
    2. Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện
    3. Bộ Chỉ quân sự tỉnh, thành phố
    4. Bộ Tổng Tham mưu
17. ***Đơn vị nào sau đây nằm trong hệ thống các cơ quan, đơn vị quân đội nhân dân Việt Nam?***
    1. Các xí nghiệp, nhà máy và các đơn vị làm kinh tế quốc phòng
    2. Các xí nghiệp sửa chữa ô tô, xe cơ giới
    3. Các nhà máy sản xuất linh kiện điện tử
    4. Các dự án liên doanh kinh tế của đất nước
18. ***Đơn vị quân đội nào sau đây không thuộc Quân chủng Phòng không-Không quân?***
    1. Sư đoàn Pháo binh
    2. Trung đoàn Ra đa, tên lửa
    3. Sư đoàn Pháo phòng không
    4. Sư đoàn Không quân
19. ***Lực lượng Bộ đội Biên phòng trong tổ chức quân đội có chức năng gì?*** 
    1. Làm nòng cốt, chuyên trách quản lí, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh
    2. Làm nòng cốt, chuyên trách quản lí, bảo vệ chủ quyền khu vực biển đảo của tổ quốc
    3. Chuyên trách trong chiến đấu bảo vệ an ninh vùng biên giới
    4. Chuyên trách làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ an ninh biên giới
20. ***Nội dung nào sau đây không đúng với truyền thống quân đội nhân dân Việt Nam ?***
    1. Là đội quân sẵn sàng chiến đấu
    2. Vì nhân dân mà chiến đấu
    3. Trung với nước
    4. Trung thành vô hạn với Đảng
21. ***Cơ quan nào sau đây không nằm trong tổ chức các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng?***
    1. Viện kiểm sát nhân dân các cấp
    2. Các xí nghiệp quốc phòng
    3. Các nhà máy quốc phòng
    4. Các đơn vị làm nhiệm vụ kinh tế
22. ***Lực lượng nào sau đây không nằm trong tổ chức quân đội?*** 
    1. Lực lượng cảnh sát cơ động
    2. Cơ quan Bộ Quốc phòng
    3. Lực lượng cảnh sát biển
    4. Các đơn vị thuộc BQP
23. ***Có bao nhiêu học viện, trường đại học Công an nhân dân?***
    1. 03 Học viện, 03 trường Đại học
    2. 04 Học viện, 02 trường Đại học
    3. 05 Học viện, 01 trường Đại học
    4. 06 Học viện, 04 trường Đại học
24. ***Trong hệ thống nhà trường Công an nhân dân , có bao nhiêu trường trung cấp An ninh?***
    1. 01 trường
    2. 02 trường
    3. 03 trường
    4. 04 trường
25. ***Trong hệ thống nhà trường Công an nhân dâ , có bao nhiêu trường trung cấp Cảng sát ?***
    1. 03 trường
    2. 01 trường
    3. 02 trường
    4. 04 trường
26. ***Trong hệ thống nhà trường Công an nhân dân còn có cơ sở bồi dưỡng nào, số lượng bao nhiêu?***
    1. 63 cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc công an các tỉnh, thành phố
    2. 66 cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc các tỉnh, thành phố
    3. 65 cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc công an các địa phương
    4. 64 cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc công an các tỉnh
27. ***Mục tiêu tuyển sinh đào tạo đại học trong các trường Công an nhân dân như thế nào?***
    1. Tuyển chọn phải đảm bảo đúng quy trình, đối tượng, chỉ tiêu, tiêu chuẩn, đúng quy chế dân chủ
    2. Tuyển chọn phải đảm bảo đúng đối tượng ưu tiên, vượt chỉ tiêu, tiêu chuẩn
    3. Tuyển chọn phải đảm bảo đúng đối tượng, hạn chế chỉ tiêu, đủ tiêu chuẩn
    4. Tuyển chọn phải đảm bảo ưu tiên một số đối tượng theo quy định
28. ***Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc tuyển sinh đào tạo đại học trong các trường Công an nhân dân?***
    1. Không tuyển sinh từ nguồn thanh niên, học sinh
    2. Hàng năm, căn cứ vào tổng biên chế đã được phê duyệt
    3. Bộ trưởng Bộ Công an phân bổ chỉ tiêu
    4. Có hướng dẫn cụ thể trình tự, thủ tục tuyển chọn
29. ***Nội dung nào sau đây không đúng với những tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn vào Công an nhân dân?***
    1. Là thanh niên, học sinh phải có 1 năm công tác tại địa phương
    2. Trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt
    3. Có lí lịch bản thân và gia đình rõ ràng
    4. Có nguyện vọng phục vụ trong lực lượng Công an
30. ***Nội dung nào sau đây không đúng với những tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn vào Công an nhân dân?***
    1. Thường xuyên tham gia giữ gìn an ninh trật tự tại địa phương
    2. Có sức khỏe, trình độ học vấn và năng khiếu phù hợp
    3. Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng
    4. Gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước
31. ***Khi dự thi vào các nhà trường Công an, thí sinh phải qua sơ tuyển ở đâu?***
    1. Tại công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi đăng kí hộ khẩu thường trú
    2. Tại công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi đăng kí hộ khẩu tạm trú
    3. Tại công an tỉnh, nơi đang học tập, công tác
    4. Tại công an xã, nơi đăng kí hộ khẩu thường trú
32. ***Tính đến năm dự thi vào các nhà trường Công an, thí sinh 22 tuổi vẫn đủ tiêu chuẩn là đối tượng nào?***
    1. Có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số
    2. Là con, em sĩ quan công an, quân đội
    3. Là con em liệt sĩ, thương binh, bệnh binh
    4. Là con em gia đình có công với cách mạng
33. ***Khi dự thi vào các nhà trường Công an, nếu không trúng tuyển, thí sinh có quyền lợi gì?***
    1. Được lấy kết quả thi để xét duyệt vào các trường đại học, cao đẳng khối dân sự theo quy định
    2. Không được lấy kết quả thi tuyển để xét duyệt vào các trường đại học, cao đẳng khối dân sự
    3. Được lấy kết quả thi tuyển để xét duyệt vào các trường sĩ quan quân đội
    4. Được bảo lưu kết quả thi tuyển để xét duyệt vào năm sau
34. ***Đối tượng nào sau đây không đủ điều kiện về tuổi (tính đến năm dự thi) tham gia thi tuyển sinh đào tạo sĩ quan Công an?***
    1. Công dân 23 tuổi
    2. Công dân 20 tuổi
    3. Công dân 18 tuổi
    4. Công dân là người dân tộc thiểu số 21 tuổi
35. ***Khi dự thi vào các nhà trường Công an, nếu không trúng tuyển, thí sinh được sử dụng kết quả thi tuyển vào việc gì?***
    1. Được lấy kết quả thi tuyển để đăng kí xét NV2, NV3
    2. Bảo lưu kết quả thi để xét duyệt vào các trường đó ở năm sau
    3. Được lấy kết quả thi để xét duyệt vào các trường sĩ quan quân đội
    4. Không được sử dụng kết quả thi tuyển để đăng kí NV2, NV3
36. ***Học viên Học viện Cảnh sát nhân dân thuộc lực lượng nào của Công an nhân dân?***
    1. Lực lượng Cảnh sát
    2. Lực lượng cơ động
    3. Lực lượng đặc biệt
    4. Lực lượng An ninh
37. ***Học viên Học viện An ninh nhân dân sẽ thuộc lực lượng nào của Công an nhân dân?***
    1. Lực lượng Cảnh sát
    2. Lực lượng nghiệp vụ
    3. Lực lượng chuyên nghiệp
    4. Lực lượng An ninh
38. ***Khi tuyển chọn học sinh, sinh viên để đào tạo, bổ sung vào Công an, có tiêu chuẩn ưu tiên nào?***
    1. Tốt nghiệp Xuất sắc ở các học viện nhà trường dân sự, có đủ điều kiện
    2. Tốt nghiệp Khá ở các học viện nhà trường dân sự, có đủ điều kiện
    3. Tốt nghiệp Giỏi ở các học viện nhà trường dân sự, có đủ điều kiện
    4. Đã tốt nghiệp ở các học viện nhà trường dân sự
39. ***Nội dung nào sau đây không đúng tiêu chuẩn ưu tiên trong tuyển chọn đào tạo vào Công an nhân dân ?***
    1. Học sinh có kết quả học giỏi liên tục 10 năm trở lên ở các cấp học
    2. Công dân là người dân tộc thiểu số
    3. Công dân có thời gian thường trú liên tục 10 năm trở lên ở miền núi
    4. Công dân có thời gian thường trú liên tục 10 năm trở lên ở hải đảo
40. ***Nội dung nào sau đây không đúng tiêu chuẩn ưu tiên trong tuyển chọn đào tạo vào Công an nhân dân?***
    1. Học sinh có kết quả học giỏi trong 03 năm ở trung học phổ thông
    2. Công dân là người dân tộc ít người
    3. Công dân có thời gian thường trú liên tục 10 năm trở lên ở biên giới
    4. Công dân có thời gian thường trú liên tục 10 năm trở lên ở vùng sâu
41. ***Đối tượng tuyển sinh Công an nhân dân có nữ thanh niên tham gia thi tuyển không?*** 
    1. Có
    2. Không có
    3. Có, nhưng hạn chế số lượng
    4. Có ở thời bình
42. ***Học viên sau khi tốt nghiệp tại các nhà trường Công an được Bộ Công an sử dụng điều động công tác không?***
    1. Chấp hành sự phân công công tác của Bộ Công an
    2. Tốt nghiệp loại Giỏi mới được phân công công tác
    3. Nhận công tác tại Bộ Công an
    4. Nhận công tác tại các trường đại học dân sự
43. ***Yêu cầu về văn hóa với đối tượng tham gia tuyển sinh vào các nhà trường Công an như thế nào?*** 
    1. Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bổ túc trung học phổ thông
    2. Tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc đang học trung học phổ thông
    3. Tốt nghiệp đại học, cao đẳng
    4. Tốt nghiệp các trường quân sự
44. ***Thực chất của ngắm bắn là gì?*** 
    1. Xác định góc bắn và hướng bắn cho súng
    2. Xác định cự li bắn
    3. Xác định mục tiêu định bắn
    4. Xác định điểm định bắn trúng
45. ***Đưa quĩ đạo của đường đạn vào điểm định bắn trúng trên mục tiêu là quá trình thực hiện động tác gì?***
    1. Ngắm bắn
    2. Chuẩn bị bắn
    3. Điều chỉnh điểm bắn trúng
    4. Ngắm cơ bản
46. ***Bản chất của ngắm bắn là xác định:***
    1. Góc bắn và hướng bắn cho súng
    2. Cự li và phần tử bắn
    3. Đặc điểm và tính chất mục tiêu
    4. Tư thế bắn và số lượng đạn
47. ***Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt người ngắm qua chính giữa mép trên khe ngắm đến diểm nào trên đầu ngắm?***
    1. Chính giữa mép trên đầu ngắm
    2. Chính giữa khe thước ngắm
    3. Chính giữa đầu ngắm
    4. Chính giữa mục tiêu
48. ***Nội dung nào sau đây, nếu tạo thành đường thẳng với mắt người ngắm để tạo nên đường ngắm cơ bản?***
    1. Chính giữa mép trên khe ngắm đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm
    2. Mép trên khe ngắm, chính giữa đầu ngắm
    3. Giữa khe ngắm, chính giữa mép trên đầu ngắm
    4. Thước ngắm, đầu ngắm, miệng nòng súng
49. ***Đường ngắm đúng là đường thẳng từ mắt người ngắm qua***
    1. Chính giữa mép trên khe ngắm đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm đến điểm định bắn trúng
    2. Chính giữa đầu ngắm đến chính giữa mục tiêu
    3. Khe ngắm, đầu ngắm đến chính giữa mục tiêu
    4. Qua khe ngắm súng điểm ngắm đúng
50. ***Đường thẳng từ mắt người ngắm qua chính giữa mép trên khe ngắm đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm là gì?***
    1. Đường ngắm cơ bản
    2. Đường ngắm đúng
    3. Đường ngắm chuẩn
    4. Đường ngắm sơ bộ
51. ***Thời cơ nào tốt nhất để người bắn thực hiện động tác bóp cò?*** 
    1. Đã lấy được chính xác đường ngắm đúng
    2. Khi đầu ngắm đã ở giữa khe ngắm, nhìn thấy mục tiêu
    3. Đã lấy được chính xác đường ngắm cơ bản
    4. Khi hết thời gian chuẩn bị bắn
52. ***Trong các yếu tố sau, yếu tố nào sai lệch ảnh hưởng lớn nhất đến bắn trúng?***
    1. Mặt súng không thăng bằng
    2. Đường ngắm cơ bản
    3. Ngắm sai điểm ngắm đúng
    4. Tư thế động tác bắn
53. ***Muốn bắn trúng mục tiêu khi bắn súng phải có 3 yếu tố nào?***
    1. Có thước ngắm đúng; có điểm ngắm đúng; có đường ngắm đúng
    2. Có thước ngắm chuẩn; có điểm ngắm đúng; có đường cơ bản
    3. Có thước ngắm phù hợp; có điểm ngắm chuẩn; có đường ngắm tốt
    4. Có thước ngắm 3; có điểm ngắm giữa; có đường ngắm tốt
54. ***Có mấy động tác khi bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC?*** 
    1. Đứng bắn; Quỳ bắn; Nằm bắn
    2. Bắn liên thanh; Bắn phát một; Bắn lí thuyết
    3. Đứng bắn; Bắn ban đêm; Bắn chiến đấu
    4. Đứng bắn; Bắn ban đêm; Quỳ bắn; Nằm bắn
55. ***Động tác nằm bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC vận dụng trong trường hợp nào?*** 
    1. Tình hình địch, địa hình không cho phép
    2. Tình hình ta, địa hình không cho phép
    3. Tình hình khu vực không cho phép
    4. Tình hình ta, địa hình cho phép
56. ***Động tác nằm bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC vận dụng trong trường hợp nào?*** 
    1. Trong học tập, được lệnh của người chỉ huy
    2. Đây là động tác bắt buộc trong học tập
    3. Là động tác quy định trong huấn luyện bắn súng
    4. Trong học tập, nếu điều kiện địa hình cho phép
57. ***Khẩu lệnh của động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK như thế nào?*** 
    1. “ Nằm chuẩn bị bắn”
       1. “ Nằm bắn”
    2. “ Nằm chuẩn bị ”
       1. “ Chuẩn bị bắn”
58. ***Tư thế của động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK gồm mấy cử động?*** 
    1. 3 cử động
    2. 1 cử động
    3. 2 cử động
    4. 4 cử động
59. ***Bắn súng tiểu liên AK gồm các động tác nào?*** 
    1. Giương súng, ngắm và bóp cò
    2. Chuẩn bị súng, ngắm và bóp cò
    3. Lên đạn, ngắm và bóp cò
    4. Lấy đường ngắm và bóp cò
60. ***Để có kết quả cao trong bắn súng tiểu liên AK, động tác bóp cò Phải thực hiện như thế nào?*** 
    1. Bóp cò êm, đều, thẳng trục nòng súng về sau tới khi đạn nổ
    2. Bóp cò nhanh, đều, thẳng trục nòng súng về sau tới khi đạn nổ
    3. Bóp cò đột ngột, đều, thẳng trục nòng súng về sau tới khi đạn nổ
    4. Bóp cò đều, dứt khoát, thẳng trục nòng súng về sau tới khi đạn nổ
61. ***Động tác giương súng khi bắn súng tiểu liên AK gồm những yêu cầu gì?*** 
    1. Bằng, chắc, đều, bền
    2. Bằng, chắc, đều, êm
    3. Bền, chắc, đều, ổn định
    4. Vững, chắc, đều, êm
62. ***Trong quá trình bắn súng tiểu liên AK, lực giữ và ghì súng của hai tay không tăng lên cũng không giảm đi đáp ứng yêu cầu gì?***
    1. Bền
    2. Êm
    3. Ổn định
    4. Chắc
63. ***Trong quá trình bắn súng tiểu liên AK, mặt súng phải thăng bằng đáp ứng yêu cầu gì?***
    1. Bằng
    2. Êm
    3. Ổn định
    4. Bền
64. ***Trong quá trình bắn súng tiểu liên AK, sức giữ súng của hai tayphải đều nhau đáp ứng yêu cầu gì?***
    1. Đều
    2. Ổn định
    3. Bền
    4. Chắc
65. ***Tại sao khi bắn súng tiểu liên AK, trong quá trình bóp cò, người bắn phải nhịn thở?***
    1. Để người bớt rung
    2. Để nhìn cho rõ mục tiêu
    3. Để chắc tay khi bóp cò
    4. Để tăng thêm lực bền khi bóp cò
66. ***Khi đang bắn, nghe khẩu lệnh” Ngừng bắn”, tay bóp cò của người bắn phải làm động tác gì ?***
    1. Ngón trỏ tay phải thả ra khỏi tay cò súng
    2. Ngón trỏ phải giữ nguyên tay cò súng chờ lệnh
    3. Ngón trỏ phải bóp chặt thêm tay cò súng
    4. Ngón trỏ tiếp tiếp tục bóp đều tay cò súng
67. ***Tại sao khi bắn súng tiểu liên AK có tì chính xác hơn khi bắn không có tì?***
    1. Súng ít bị rung hơn
    2. Nhìn rõ mục tiêu hơn
    3. Tay bóp cò chắc hơn
    4. Tay bóp cò đều hơn
68. ***Nội dung nào sau đây không đúng với đặc điểm của tập ngắm trúng, ngắm chụm bằng súng tiểu liên AK?***
    1. Thời tiết không thuận lợi, ảnh hưởng tới động tác ngắm
    2. Người học phải tỉ mỉ, tập trung và độ chính xác cao
    3. Đây là bước tập cơ bản đầu tiên
    4. Phải có sự phối hợp chặt chẽ nhịp nhàng giữa người tập và người phục vụ
69. ***Nội dung nào sau đây không đúng với yêu cầu của tập ngắm trúng, ngắm chụm bằng súng tiểu liên AK?***
    1. Khắc phục khó khăn về điều kiện thời tiết, khí hậu
    2. Nâng cao dần trình độ ngắm bắn qua luyện tập
    3. Cụ thể, tỉ mỉ và kiên nhẫn, tích cực, tự giác học tập
    4. Nắm chắc các yếu tố về ngắm bắn
70. ***Khi tập ngắm trúng, ngắm chụm bằng súng tiểu liên AK, thành Tích Giỏi được tính theo 3 điểm chấm như thế nào?*** 
    1. Chụm trong lỗ có đường kính 2 mm
    2. Chụm trong lỗ có đường kính 3 mm
    3. Chụm trong lỗ có đường kính 4 mm
    4. Chụm trong lỗ có đường kính 5 mm
71. ***Khi tập ngắm trúng, ngắm chụm bằng súng tiểu liên AK, thành tích Khá được tính theo 3 điểm chấm như thế nào?*** 
    1. Chụm trong lỗ có đường kính 5 mm
    2. Chụm trong lỗ có đường kính 10 mm
    3. Chụm trong lỗ có đường kính 9 mm
    4. Chụm trong lỗ có đường kính 7 mm
72. ***Khi tập ngắm trúng, ngắm chụm bằng súng tiểu liên AK, thành tích Đạt được tính theo 3 điểm chấm như thế nào?*** 
    1. Chụm trong lỗ có đường kính 10 mm
    2. Chụm trong lỗ có đường kính 8 mm
    3. Chụm trong lỗ có đường kính 9 mm
    4. Chụm trong lỗ có đường kính 7 mm
73. ***Điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK với cự li từ người bắn tới mục tiêu là bao nhiêu m?***
    1. 100m
    2. 150m
    3. 200m
    4. 50m
74. ***Điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK về tư thế bắn như thế nào?***
    1. Nằm bắn có tì
    2. Quỳ bắn có tì
    3. Đứng bắn không có tì
    4. Nằm bắn không có tì
75. ***Điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK với phương pháp bắn là gì?***
    1. Bắn phát một
    2. Tùy theo người bắn, có thể bắn phát một hoặc bắn liên thanh
    3. Bắn phát một kết hợp với bắn liên thanh
    4. Bắn liên thanh
76. ***Điều kiện bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK với thời gian quy định bao nhiêu phút?***
    1. 5 phút tính từ khi kết thúc khẩu lệnh bắn
    2. 10 phút tính từ khi kết thúc khẩu lệnh bắn
    3. 7 phút tính từ khi kết thúc khẩu lệnh bắn
    4. 6 phút tính từ khi kết thúc khẩu lệnh bắn
77. ***Thành tích bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK?***
    1. Giỏi từ 25 đến 30 điểm; Khá từ 20 đến 24 điểm
    2. Giỏi từ 24 đến 29 điểm; Khá từ 19 đến 23 điểm
    3. Giỏi từ 26 đến 30 điểm; Khá từ 21 đến 26 điểm
    4. Giỏi từ 24 đến 30 điểm; Khá từ 20 đến 23 điểm
78. ***Thành tích bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK?***
    1. Trung bình từ 15 đến 19 điểm; Yếu dưới 15 điểm
    2. Trung bình từ 14 đến 19 điểm; Yếu dưới 14 điểm
    3. Trung bình từ 15 đến 20 điểm; Yếu 14 điểm
    4. Trung bình từ 16 đến 19 điểm; Yếu dưới 16 điểm
79. ***Sau khi thực hiện xong động tác nằm chuẩn bị bắn, trước khi giương súng người bắn phải làm gì?***
    1. Lấy thước ngắm
    2. Lên đạn
    3. Ngắm sơ bộ
    4. Điều chỉnh tư thế nằm bắn
80. ***Trong quá trình bóp cò, người bắn thở như thế nào?***
    1. Ngừng thở cả quá trình
    2. Ngừng thở lúc đầu
    3. Ngừng thở khi kết thúc
    4. Thở đều cả quá trình
81. ***Khi bóp cò, người bắn phải đặt vị trí nào của ngón trỏ tay phải vào tay cò?***
    1. Cuối đốt thứ nhất đầu đốt thứ hai
    2. Đầu ngón tay trỏ bàn tay
    3. Đốt thứ hai của bàn tay
    4. Giữa đốt thứ hai của bàn tay
82. ***Đặc điểm nào về tâm lí có ảnh hưởng tốt đến kết quả bắn súng?***
    1. Rất tự tin
    2. Rất chủ quan
    3. Sợ tiếng nổ
    4. Lo lắng kết quả bắn
83. ***Đặc điểm của mục tiêu bắn, bài bắn mục tiêu cố định ban ngày là gì?*** 
    1. Cố định
    2. Ẩn hiện
    3. Di động
    4. Rõ nét
84. ***Mục tiêu bắn của bài bắn mục tiêu cố định ban ngày là gì?***
    1. Bia số 4
    2. Bia số 5
    3. Bia số 7
    4. Bia số 8
85. ***Súng tiểu liên AK lấy thước ngắm 1 phải chọn điểm ngắm ở vị trí nào trên mục tiêu (bia số 4) với cự li 100m?***
    1. Chính giữa mục tiêu
    2. Ngang bằng mép dưới
    3. Chính giữa mép dưới
    4. Chính giữa mép dưới 1cm
86. ***Súng tiểu liên AK lấy thước ngắm 2 phải chọn điểm ngắm ở vị trí nào trên mục tiêu (bia số 4) với cự li 100m?***
    1. Giữa vòng 8
    2. Chính giữa mép dưới
    3. Chính giữa tâm mục tiêu
    4. Chính giữa vòng 10
87. ***Súng tiểu liên AK lấy thước ngắm 3 phải chọn điểm ngắm ở vị trí nào trên mục tiêu (bia số 4) với cự li 100m?***
    1. Chính giữa mép dưới
    2. Giữa vòng 8
    3. Chính giữa mục tiêu
    4. Dưới tâm mục tiêu
88. ***Súng tiểu liên AK với thước ngắm 1, cự li bắn 100m thì độ cao đường đạn so với đường ngắm là bao nhiêu cm?***
    1. 0cm
    2. 5cm
    3. 10cm
    4. 12cm
89. ***Súng tiểu liên AK với thước ngắm 2, cự li bắn 100m thì độ cao đường đạn so với đường ngắm là bao nhiêu cm?***
    1. 12cm
    2. 10cm
    3. 25cm
    4. 32cm
90. ***Súng tiểu liên AK với thước ngắm 3, cự li bắn 100m thì độ cao đường đạn so với đường ngắm là bao nhiêu cm?***
    1. 28cm
    2. 16cm
    3. 24cm
    4. 29cm
91. ***Có mấy cách chọn thước ngắm trong bài bắn mục tiêu cố định ban ngày ?***
    1. 3
    2. 1
    3. 2
    4. 4
92. ***Bắn mục tiêu cố định ban ngày, mục tiêu bắn có kích thước rộng, cao là bao nhiêu?***
    1. 42 x 42cm
    2. 21 x 21cm
    3. 56 x 56cm
    4. 75 x 75cm
93. ***Đặc điểm về bài tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK không có nội dung nào sau đây?***
    1. Đòi hỏi thời gian ngắm, bắn nhanh
    2. Là bài bắn cơ bản
    3. Bắn súng có tì nên giữ súng được ổn định
    4. Đòi hỏi ngắm bắn chính xác, động tác thuần thục
94. ***Nội dung nào sau đây không phải là đặc điểm về mục tiêu của bài bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK?***
    1. Mục tiêu ẩn hiện liên tục
    2. Cố định trên địa hình bằn phẳng
    3. Người bắn dễ quan sát và ngắm bắn
    4. Mục tiêu có vòng tính điểm
95. ***Khi bắn mục tiêu cố định bằng súng tiểu liên AK, người bắn chọn thước ngắm dựa vào yếu tố nào?*** 
    1. Cự li bắn
    2. Mục tiêu bắn
    3. Hướng gió
    4. Loại súng bắn
96. ***Đường ngắm cơ bản được gióng vào điểm đã được xác định, với điều kiện mặt súng thăng bằng là đường ngắm gì?***
    1. Đường ngắm đúng
    2. Đường ngắm sai
    3. Đường ngắm cơ bản
    4. Đường ngắm sơ bộ
97. ***Trong các yếu tố của đường ngắm đúng, yếu tố nào nhìn không rõ nhất?***
    1. Đầu ngắm chia đôi ánh sáng khe ngắm
    2. Chính giữa mép trên khe thước ngắm
    3. Chính giữa mép trên đầu ngắm
    4. Điểm định bắn trúng trên mục tiêu
98. ***Khi ngắm bắn, nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm thấp hơn điểm chính giữa mép trên khe ngắm thì điểm chạm trên mục tiêu ra sao?***
    1. Thấp hơn điểm định bắn trúng
    2. Chính xác điểm định bắn trúng
    3. Thấp hơn điểm định bắn trúng
    4. Ngang bằng điểm định bắn trúng
99. ***Khi ngắm bắn, nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm cao hơn điểm chính giữa mép trên khe ngắm thì điểm chạm trên mục tiêu ra sao?*** 
    1. Cao hơn điểm định bắn trúng
    2. Thấp hơn điểm định bắn trúng
    3. Cao lệch phải điểm định bắn trúng
    4. Cao lệch trái điểm định bắn trúng
100. ***Khi ngắm bắn, nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm vừa cao vừa lệch phải so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm thì điểmchạm trên mục tiêu ra sao?*** 
     1. Cao hơn, lệch phải điểm định bắn trúng
     2. Thấp hơn, lệch phải điểm định bắn trúng
     3. Thấp hơn, lệch trái điểm định bắn trúng
     4. Cao hơn, lệch trái điểm định bắn trúng
101. ***Khi ngắm bắn, nếu đường ngắm cơ bản tốt, điểm ngắm đúng, mặt súng không thăng bằng thì điểm chạm trên mục tiêu như thế nào***?
     1. Nghiêng bên nào sẽ lệch về bên đó và thấp so với điểm định bắn trúng
     2. Sẽ lệch ngược lại bên nghiêng và cao so với điểm định bắn trúng
     3. Không lệch về bên nào, ngang với điểm định bắn trúng
     4. Không lệch về bên nào, nhưng thấp so với điểm định bắn trúng
102. ***Địa hình nào sau đây không phải là địa hình trống trải?***
     1. Bờ ruộng
     2. Đồi trọc
     3. Bãi cát
     4. Bãi bằng phẳng
103. ***Nội dung nào sau đây không đúng yêu cầu về lợi dụng địa hình, địa vật?***
     1. Nên lợi dụng địa vật có tính chất bí mật, an toàn
     2. Tiện đánh địch nhưng địch khó đánh ta
     3. Ta quan sát địch tốt, địch khó phát hiện ta
     4. Ngụy trang phải khéo léo
104. ***Khi lợi dụng địa hình, địa vật cần chú ý nội dung gì?*** 
     1. Cần xác định tốt vị trí lợi dụng ở đâu
     2. Vị trí nào lợi dụng kín đáo là tốt nhất
     3. Phải luôn lợi dụng ở vị trí bên trái của địa vật
     4. Căn cứ vào tình hình địch, miễn là có lợi nhất
105. ***Địa hình, địa vật nào sau đây là vật che khuất?***
     1. Đồi trọc
     2. Mô đất
     3. Bụi cây
     4. Bãi cát
106. ***Địa hình, địa vật nào sau đây là vật che đỡ?***
     1. Mô đất
     2. Mặt đường
     3. Mặt nước
     4. Bụi cây
107. ***Tư thế, động tác cần lưu ý khi lợi dụng địa hình, địa vật như thế nào?***
     1. Hành động khi lợi dụng phải hết sức bí mật, khéo léo
     2. Tư thế, động tác phải luôn cao hơn vật lợi dụng
     3. Tư thế động tác phải lớn hơn vật lợi dụng
     4. Cần căn cứ vào địa vật cao, lớn để lợi dụng
108. ***Địa hình, địa vật nào sau đây không phải là vật che khuất?***
     1. Đường quốc lộ
     2. Cánh cửa
     3. Bụi cây
     4. Bụi rậm
109. ***Địa hình, địa vật nào sau đây không phải là vật che đỡ?***
     1. Bụi rậm
     2. Gốc cây
     3. Vật kiến trúc kiên cố
     4. Mô đất
110. ***Lựa chọn nào sai với nội dung cần chú ý khi lợi dụng địa hình, địa vật?***
     1. Khi lợi dụng thường phải ở vị trí phía sau địa vật
     2. Cần xác định tốt vị trí lợi dụng ở đâu
     3. Vị trí lợi dụng phải căn cứ vào màu sắc, hình dạng địa vật
     4. Phải căn cứ vào nhiệm vụ, tình hình địch
111. ***Khi lợi dụng địa hình, địa vật cần chú ý nội dung gì?***
     1. Cần xác định tốt vị trí lợi dụng ở đâu
     2. Vị trí nào lợi dụng tốt nhất
     3. Khi lợi dụng phải luôn ở vị trí bên trái địa vật
     4. Không cần căn cứ vào nhiệm vụ, tình hình địch
112. ***Tư thế, động tác khi lợi dụng địa hình, địa vật cần lưu ý gì ?***
     1. Hành động khi lợi dụng phải hết sức bí mật, khéo léo
     2. Tư thế, động tác vận động luôn phải cao hơn vật lợi dụng
     3. Tư thế động tác phải phụ thuộc vào vật lợi dụng
     4. Không căn cứ vào vật lợi dụng cao hay thấp
113. ***Nội dung nào là yêu cầu khi lợi dụng địa hình, địa vật?***
     1. Hành động phải khéo léo, bí mật, tinh khôn
     2. Tăng cường quan sát, phát hiện địch
     3. Kiên quyết đánh địch
     4. Luôn đựa vào địa vật định lợi dụng
114. ***Tác dụng của địa hình, địa vật che khuất ?***
     1. Che được hành động, nhưng không chống đỡ được đạn bắn thẳng
     2. Vừa che đỡ, vừa chống đỡ được mảnh bom, đạn của địch
     3. Có tác dụng cất giấu vũ khí và trang bị khác
     4. Làm cơ sở rất thuận lợi cho các hoạt động chiến đấu của đơn vị
115. ***Tác dụng của địa hình, địa vật che đỡ?***
     1. Chống đỡ được đạn bắn thẳng của địch và che được hành động
     2. Tác dụng che đỡ, cất giấu các loại vũ khí và trang bị khác
     3. Chủ yếu che đỡ cho người lúc hành quân và cất giấu vũ khí
     4. Có tác dụng bảo đảm an toàn tuyệt đối cho người trước bom đạn
116. ***Địa hình, địa vật trống trải là***
     1. nơi không có vật che khuất, che đỡ
     2. nơi đồi trọc không được che khuất, che đỡ
     3. mặt biển, nơi không có vật che khuất, che đỡ
     4. vị trí bằng phẳng không có vật che đỡ
117. ***Lợi dụng địa hình, địa vật che khuất để làm gì?***
     1. Chủ yếu để che kín một số hành động của ta
     2. Dùng để ẩn náu khi địch dùng bom cháy Na pan
     3. Dùng để tránh đạn bắn thẳng và mảnh bom đạn
     4. Lợi dụng để tránh thiệt hại khi địch sử dụng bom đạn cháy
118. ***Địa hình, địa vật khuất có những loại gì?***
     1. Vật che khuất kín đáo và che khuất không thật kín đáo
     2. Vật che khuất tuyệt đối và che khuất tương đối
     3. Vật che khuất từng phần và che khuất toàn phần
     4. Vật che khuất dày và che khuất mỏng
119. ***Các loại địa hình, địa vật che khuất, khi lợi dụng có như nhau không?***
     1. Phụ thuộc vào mỗi địa vật
     2. Đều như nhau
     3. Khác nhau hoàn toàn
     4. Địa vật lớn khác nhau, nhỏ giống nhau
120. ***Khi lợi dụng các loại địa hình, địa vật che khuất cần lưu ý gì?***
     1. Bao giờ tư thế vận động đều phải thấp và nhỏ hơn vật lợi dụng
     2. Trong mọi điều kiện đều phải lợi dụng vị trí phía sau địa vật
     3. Tùy theo địa vật dày mỏng khác nhau để lợi dụng cho phù hợp
     4. Không được thay đổi vị trí khi lợi dụng địa vật che khuất
121. ***Khi lợi dụng các loại địa hình, địa vật che khuất, che đỡ cần lưu ý gì?***
     1. Khi đã tiêu diệt địch phải rời khỏi vị trí đó và lợi dụng vật khác
     2. Phải liên tục thay đổi vị trí khi lợi dụng
     3. Thay đổi vật che khuất khi địch xuất hiện
     4. Cố định vị trí lợi dụng để giữ vững vị trí chiến đấu
122. ***Một trong những tác dụng của địa hình, địa vật che đỡ là gì?***
     1. Tránh đạn bắn thẳng, mảnh bom, mảnh đạn của địch
     2. Lợi dụng để giữ vững vị trí từng người trong chiến đấu
     3. Có tác dụng bảo vệ an toàn cho người khi địch sử dụng bom cháy
     4. Giữ an toàn tuyệt đối cho người và vũ khí trong chiến đấu
123. ***Khi chọn địa hình, địa vật che đỡ để lợi dụng cần lưu ý gì?***
     1. Phải thuận lợi trong tiêu diệt địch, bảo vệ được mình
     2. Trong chiến đấu phải ổn định được vị trí và an toàn
     3. Phải an toàn tuyệt đối trước các loại bom, đạn của địch
     4. Cạnh vật che đỡ phải có địa vật che khuất để kết hợp lợi dụng
124. ***Mục đích lợi dụng*** ***địa hình, địa vật che khuất để làm gì?***
     1. Để che kín hành động của ta
     2. Tránh mảnh bom của địch
     3. Tránh đạn bắn thẳng của địch
     4. Để có tư thế chiến đấu tốt
125. ***Điểm giống nhau về tác dụng của địa hình, địa vật che khuất và địa hình, địa vật che đỡ là gì?***
     1. Để che giấu, hoặc che kín hành động của ta
     2. Tránh đạn bắn thẳng của địch
     3. Tránh mảnh bom đạn của địch
     4. Để che giấu vũ khí, trang bị
126. ***Nội dung nào trái với yêu cầu lợi dụng địa hình, địa vật che khuất, che đỡ?***
     1. Triệt để lợi dụng nơi có địa vật cao, đột xuất để dễ quan sát địch
     2. Quan sát được địch nhưng địch khó phát hiện ta
     3. Tiện đánh địch nhưng địch khó đánh ta
     4. Hành động phải khéo léo, bí mật, tinh khôn
127. ***Nội dung nào không đúng với yêu cầu lợi dụng địa hình, địa vật?***
     1. Tiện đánh địch nhưng địch khó đánh ta
     2. Phải lợi dụng địa vật vững chắc, kiên cố
     3. Ta quan sát địch tốt, địch khó phát hiện ta
     4. Ngụy trang phải khéo léo
128. ***Trong chiến đấu lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ chủ yếu*** ***để làm gì?*** 
     1. Có tư thế vững vàng, dùng hoả lực tiêu diệt địch chính xác
     2. Có thể chiến đấu lâu ngày với địch
     3. Che giấu an toàn vũ khí, lương thực, thực phẩm
     4. Kịp thời ẩn nấp khi chiến đấu với địch
129. ***Nội dung nào trái với cách vận động ở địa hình trống trải?***
     1. Dừng ý định vượt qua để tìm cách vận động khác
     2. Ban đêm thì vọt tiến, nhanh chóng vượt qua
     3. Lợi dụng sơ hở của địch để nhanh chóng vượt qua
     4. Ngụy trang, vận dụng tư thế thấp, khéo léo vượt qua
130. ***Trong chiến đấu, tư thế, động tác cụ thể khi lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ như thế nào?***
     1. Nếu để bắn súng và ném lựu đạn nên ở tư thế đứng và quỳ
     2. Ném lựu đạn phải chọn tư thế nằm
     3. Dùng để bắn súng phải chọn tư thế quỳ
     4. Cần lợi dụng để dùng tư thế đứng bắn
131. ***Khi phải vận động vượt qua địa hình trống trải, cách xử lí nào sau đây phù hợp?*** 
     1. Ngụy trang, vận dụng tư thế thấp, khéo léo vượt qua
     2. Báo cáo người chỉ huy cho tạm dừng vận động
     3. Nhanh chóng vượt qua bằng mọi giá
     4. Dừng ý định vượt qua khu vực này
132. ***Tại sao khi băn súng, vị trí lợi dụng địa hình, địa vật che đỡ lại chủ yếu ở phía sau, bên phải?***
     1. Phù hợp với cấu tạo súng và thuận lợi cho động tác sử dụng súng
     2. Người bắn được che đỡ tuyệt đối trước quân địch
     3. Theo nguyên tắc, mọi người phải thực hiện nghiêm túc
     4. Phù hợp với điều kiện của địa hình, địa vật lợi dụng
133. ***Nếu người sử dụng súng thuận tay trái, mắt trái, lợi dụng địa hình, địa vật che dỡ thường ở vị trí nào là tốt nhất?***
     1. Phía sau, bên trái
     2. Phía sau, bên phải
     3. Phía sau, chính giữa
     4. Hai bên, phía trước
134. ***Xây dựng nền quốc phòng toàn dân ở nước ta nhằm mục đích gì?*** 
     1. Sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.
     2. Sẵn sàng đánh bại "thù trong giặc ngoài" chống phá cách mạng nước ta.
     3. Sẵn sàng đánh bại thủ đoạn tạo dựng, tập hợp lực lượng của kẻ thù.
     4. Sẵn sàng đánh bại lực lượng trong và ngoài nước của các thế lực phản động.
135. ***Một trong những nội dung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân là:***
     1. Phân vùng chiến lược về quốc phòng an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư.
     2. Phân vùng chiến lược gắn với xây dựng các vùng kinh tế và vùng dân cư.
     3. Phân vùng chiến lược gắn với bố trí lực lượng quân sự mạnh trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư.
     4. Phân vùng chiến lược gắn với xây dựng các tuyến phòng thủ trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư.
136. ***Một trong những đặc điểm của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:***
     1. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của dân, do dân và vì dân.
     2. Lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân làm nòng cốt.
     3. Quốc phòng phát triển theo hướng độc lập, tự cường và hiện đại.
     4. Nền quốc phòng Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm nòng cốt
137. ***Một trong những đặc điểm của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là:***
     1. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân.
     2. Nền quốc phòng toàn dân đóng vai trò chủ đạo, quyết định.
     3. Nền quốc phòng toàn dân chi viện, hỗ trợ cho nền an ninh nhân dân.
     4. Nền quốc phòng toàn dân luôn độc lập với nền an ninh nhân dân.
138. ***Một trong những đặc điểm của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân là:***
     1. Được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại
     2. Lấy quân đội nhân dân làm nòng cốt trong xây dựng.
     3. Nền an ninh nhân dân hỗ trợ cho nền quốc phòng toàn dân.
     4. Được xây dựng dựa vào vũ khí và phương tiện hiện đại.
139. ***Một trong những nội dung xây dựng tiềm lực của nền quốc phòng toàn*** 
     1. Xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh.
     2. Xây dựng tiềm lực vũ khí trang bị hiện đại cho quân đội.
     3. Xây dựng khả năng chiến đấu với kẻ thù xâm lược cho nhân dân.
     4. Xây dựng và giữ gìn truyền thống văn hóa của dân tộc.
140. ***Tiềm lực chính trị, tinh thần được biểu hiện ở một trong những nội dung nào?*** 
     1. Sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của nhà nước đối với quốc phòng, an ninh.
     2. Khả năng huy động, khơi dậy lòng yêu nước với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
     3. Nâng cao trách nhiệm của lực lượng vũ trang với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
     4. Là sự huy động nhân tố tinh thần phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.
141. ***Tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng, an ninh là gì?*** 
     1. Là khả năng về kinh tế của đất nước có thể khai thác, huy động nhằm phục vụ cho quốc phòng, an ninh
     2. Là sức mạnh kinh tế có thể phục vụ khẩn cấp cho quốc phòng, an ninh
     3. Là khả năng quản lý, điều hành của nền kinh tế khi đất nước có chiến tranh
     4. Là khả năng tổ chức của nền kinh tế với quốc phòng, an ninh trong thời bình
142. ***Một trong những nội dung xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:***
     1. Hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền quốc phòng giàu mạnh.
     2. Xây dựng đội ngũ cán bộ trong lực lượng vũ trang vững mạnh.
     3. Phát triển trình độ chiến đấu của lực lượng hải quân trên biển.
     4. Tổ chức bố trí lực lượng vũ trang rộng khắp trên toàn lãnh thổ.
143. ***Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân không gồm nội dung nào sau đây?*** 
     1. Kết hợp phát triển mạnh về kinh tế xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng.
     2. Trong chiến tranh đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược.
     3. Trong hòa bình bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.
     4. Đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.
144. ***Một trong những nhiệm vụ xây dựng nền an ninh nhân dân vững mạnh là:***
     1. Giữ vững ổn định và phát triển của mọi hoạt động, mọi lĩnh vực của đời sống.
     2. Giáo dục tình yêu quê hương đất nước cho nhân dân.
     3. Đấu tranh chống âm mưu, hành động chuẩn bị xâm lược của kẻ thù .
     4. Nâng cao trình độ nhận thức của thế hệ trẻ về quốc phòng, an ninh.
145. ***Một trong những tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:*** 
     1. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
     2. Kết hợp thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân.
     3. Kết hợp phân vùng kinh tế với phân vùng chiến lược quốc phòng, an ninh.
     4. Xây dựng quân đội nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”.
146. ***Một trong những nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:***
     1. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
     2. Xây dựng cơ quan quân sự, an ninh các cấp vững mạnh.
     3. Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân vững mạnh.
     4. Xây dựng khu vực chiến đấu làng xã vững chắc.
147. ***Xây dựng tiềm lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cần quan tâm nội dung nào?*** 
     1. Gắn xây dựng cơ sở hạ tầng của nền kinh tế với xây dựng cơ sở của nền quốc phòng, an ninh.
     2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế.
     3. Xây dựng nền kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu và trao đổi thương mại.
     4. Tăng cường xuất khẩu tài nguyên khoáng sản là động lực phát triển kinh tế
148. ***Một trong những biện pháp chủ yếu xây dựng nền quốc phòng toàn dân là:***
     1. Luôn thực hiện tốt giáo dục quốc phòng, an ninh
     2. Nêu cao trách nhiệm công dân với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.
     3. Tăng cường giáo dục nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.
     4. Tăng cường giáo dục nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.
149. ***Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gồm có những tiềm lực gì?*** 
     1. Chính trị tinh thần; kinh tế; khoa học công nghệ; quân sự
     2. Chính trị tinh thần; kinh tế; khoa học quân sự; quốc phòng
     3. Chính trị tư tưởng; quân sự; khoa học; quốc phòng, an ninh
     4. Tinh thần; kinh tế; khoa học; quốc phòng, an ninh
150. ***Một trong những biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là gì?*** 
     1. Thường xuyên chăm lo xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân nòng cốt là quân đội và công an vững mạnh toàn diện.
     2. Luôn luôn thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh niên.
     3. Thường xuyên củng cố quốc phòng và lực lượng bộ đội thường trực.
     4. Thường xuyên chăm lo xây dựng quân đội vững mạnh, nhất là bộ đội chủ lực vững mạnh toàn diện.
151. ***Một trong những tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là gì?***
     1. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, nhà nước và toàn dân.
     2. Phát huy vai trò của nhân dân, của các cấp, các ngành, các địa phương.
     3. Phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân.
     4. Phát huy vai trò của quân đội nhân dân trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
152. ***Một trong những nội dung xây dựng tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là gì?*** 
     1. Xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”.
     2. Làm tốt công tác quốc phòng, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh.
     3. Làm tốt công tác giáo dục quốc phòng và chấp hành tốt chính sách quân sự.
     4. Làm tốt công tác quốc phòng an ninh và chấp hành tốt chính sách của Đảng.
153. ***Một trong biện pháp nào sau đây được thực hiện nhằm xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân?***
     1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước.
     2. Duy trì độc lập dân tộc và con đường phát triển đất nước.
     3. Tăng cường sự hỗ trợ, đầu tư từ nước ngoài.
     4. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
154. ***Một trong những nội dung xây dựng tiềm lực của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là gì?***
     1. Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ.
     2. Xây dựng tiềm lực nền công nghiệp hiện đại.
     3. Xây dựng công nghiệp hóa nông nghiệp.
     4. Xây dựng công nghiệp hóa quốc phòng.
155. ***Một trong những nội dung xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là gì?***
     1. Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, niềm tin đối với Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN.
     2. Xây dựng nguồn sức mạnh tinh thần của nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.
     3. Gắn phát triển nền văn hóa truyền thống với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
     4. Xây dựng tốt về tinh thần chiến đấu cho các lực lượng vũ trang nhân dân.
156. ***Nội dung của mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân không gồm nội dung nào?*** 
     1. Bảo vệ nền quốc phòng vững mạnh của đất nước.
     2. Bảo vệ Đảng, nhà nước và chế độ XHCN.
     3. Giữ vững sự ổn định về chính trị, môi trường hòa bình
     4. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
157. ***Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân?***
     1. Xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng an ninh.
     2. Xây dựng và huy động vật chất, tài chính của nhân dân cho quốc phòng.
     3. Xây dựng tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc cho quân đội.
     4. Xây dựng quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”.
158. ***Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là gì?***
     1. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
     2. Xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.
     3. Xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
     4. Đẩy mạnh công cuộc hiện đại hóa đất nước.
159. ***Một trong những đặc điểm của nền quốc phòng toàn dân và an ninh*** 
     1. Có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng.
     2. Nền an ninh nhân dân phụ thuộc vào nền quốc phòng toàn dân.
     3. Sức mạnh dựa vào vũ khí và phương tiện chiến tranh.
     4. Được xây dựng để chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.
160. ***Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân của nước ta là gì?***
     1. Giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng XHCN.
     2. Tạo sức mạnh tổng lực về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội cho đất nước.
     3. Tạo thế trận chủ động cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
     4. Bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp của công dân.
161. ***Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân hiện*** 
     1. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.
     2. Để đất nước không bị các nước khác trong khu vực xâm lược.
     3. Thực hiện thắng lợi công cuộc hiện đại hóa đất nước.
     4. Bảo vệ quốc gia, dân tộc trong mọi điều kiện hoàn cảnh.
162. ***Một trong những biểu hiện của tiềm lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:***
     1. Là nguồn dự trữ sức người, sức của trong thời bình của đất nước.
     2. Khả năng hiện đại hóa đất nước, xây dựng quân sự mạnh.
     3. Là khả năng phát triển trình độ sẵn sàng chiến đấu của nhân dân
     4. Khả năng duy trì số lượng lớn về vũ khí của các lực lượng vũ trang.
163. ***Nội dung xây dựng thế trận của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân gì?***
     1. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) vững chắc.
     2. Xây dựng khối đại đoàn kết vững mạnh để bảo đảm công tác quốc phòng.
     3. Tổ chức, bố trí lực lượng nhân dân bảo vệ Tổ quốc.
     4. Phân vùng chiến lược về dân cư ở từng địa phương.
164. ***Một trong những biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay là:*** 
     1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới và nâng cao sự quản lý của nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
     2. Nâng cao trách nhiệm, quyền hạn công dân trong tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
     3. Xây dựng hậu phương chiến lược tạo chỗ dựa vững chắc cho thế quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
     4. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho mọi công dân.
165. ***Tiềm lực chính trị tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là gì?***
     1. Là khả năng về chính trị, tinh thần có thể huy động nhằm tạo thành sức mạnh để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng
     2. Là chính trị, tinh thần của toàn xã hội trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
     3. Là khả năng về chính trị tinh thần của nhân dân trong chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.
     4. Là khả năng về chính trị tinh thần được phát huy trong chiến đấu của lực lượng vũ trang.
166. ***Tính chất toàn dân của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xác định từ cơ sở nào?*** 
     1. Từ truyền thống, kinh nghiệm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.
     2. Từ truyền thống chiến đấu chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.
     3. Từ bài học quí báu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ta.
     4. Từ kinh nghiệm xây dựng quân đội ta và của các nước trong khu vực.
167. ***Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại nhằm***
     1. Đáp ứng yêu cầu chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc XHCN trong điều kiện kẻ địch sử dụng vũ khí công nghệ cao.
     2. Đáp ứng với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.
     3. Răn đe các thế lực thù địch, xâm lược có sử dụng vũ khí công nghệ cao.
     4. Đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh.
168. ***Tiềm lực chính trị, tinh thần trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân có vị trí như thế nào?*** 
     1. Là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh.
     2. Là yếu tố chủ yếu tạo nên sức mạnh quân sự của nhà nước.
     3. Là nhân tố quyết định tới sức mạnh quân sự của quốc phòng.
     4. Là nhân tố bảo đảm cho sức mạnh quốc phòng toàn dân.
169. ***Một nội dung của khái niệm quốc phòng là:*** 
     1. Công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp.
     2. Xây dựng các lực lượng an ninh vững mạnh.
     3. Toàn dân tham gia bảo vệ tổ quốc.
     4. Huy động khả năng chiến đấu chống kẻ thù xâm lược của nhân dân.
170. ***Trong nội dung xây dựng tiềm lực QPTD, an ninh nhân dân, tiềm lực kinh tế có vị trí gì?*** 
     1. Là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác và nến quốc phòng, an ninh.
     2. Là tiềm lực quyết định sức mạnh của nền quốc phòng, an ninh.
     3. Là cơ sở vật chất trang bị chủ yếu cho nền quốc phòng hiện đại.
     4. Là cơ sở vật chất bảo đảm cho xây dựng quân đội mạnh.
171. ***Xây dựng nền nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân là:*** 
     1. Trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân.
     2. Trách nhiệm của quân đội nhân dân và công an nhân dân.
     3. Trách nhiệm của lực lượng vũ trang nhân nhân dân.
     4. Trách nhiệm của Đảng và nhà nước.
172. ***Vì sao phải kết hợp thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân?***
     1. Các thế lực thù địch trong nước và ngoài nước tìm mọi cách để câu kết với nhau chống phá cách mạng nước ta.
     2. Vì kẻ thù luôn có âm mưu chống phá quyết liệt và xâm lược nước ta.
     3. Do các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá cách mạng nước ta.
     4. Các thế lực thù địch chống phá ta toàn diện trên tất cả các mặt.
173. ***Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân là gì?***
     1. Bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
     2. Đảm bảo một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.
     3. Làm thất bại mọi thủ đoạn về quân sự của các thế lực thù địch với nước ta.
     4. Làm thất bại cuộc tiến công xâm lược nước ta của các thế lực thù địch
174. ***Bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Là phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia
     2. Là phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia
     3. Là phòng ngừa, phát hiện, làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia
     4. Là đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia
175. ***Hành vi nào sau đây không thuộc xâm phạm an ninh quốc gia là:***
     1. Xâm phạm đến quyền lợi của giai cấp trong một quốc gia
     2. Xâm phạm chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa của quốc gia
     3. Xâm phạm an ninh, quốc phòng, đối ngoại của quốc gia
     4. Xâm phạm độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
176. ***Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ chế độ chính trị
     2. Bảo vệ quốc phòng
     3. Bảo vệ đất nước
     4. Bảo vệ tài sản cá nhân
177. ***Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
     2. Bảo vệ chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ biển đảo Tổ quốc
     3. Bảo vệ độc lập chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc
     4. Bảo vệ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc
178. ***Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh về văn hóa, tư tưởng, khối đại đoàn kết dân tộc
     2. Bảo vệ văn hóa, bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc
     3. Giữ gìn sự ổn định về giáo chính trị tư tưởng và văn hóa
     4. Giữ gìn bản sắc văn hóa và thống nhất về tư tưởng
179. ***Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh kinh tế, quốc phòng, đối ngoại
     2. Bảo vệ nền an ninh nhân dân
     3. Giữ vững môi trường hòa bình
     4. Bảo vệ nền quốc phòng toàn dân
180. ***Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia
     2. Bảo vệ bí mật cơ quan và các địa điểm quan trọng của địa phương
     3. Tập trung giữ bí mật các mục tiêu về kinh tế của từng địa phương
     4. Bảo vệ bí mật nhà nước và bí mật cá nhân
181. ***Có mấy nội dung bảo vệ an ninh quốc gia?***
     1. 07 nội dung
     2. 06 nội dung
     3. 05 nội dung
     4. 04 nội dung
182. ***Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ
     2. Bảo vệ an ninh cá nhân
     3. Bảo vệ an ninh học sinh, sinh viên
     4. Bảo vệ an ninh địa phương
183. ***Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh kinh tế
     2. Bảo vệ nền kinh tế đât nước
     3. Bảo vệ kinh tế thị trường
     4. Bảo vệ kinh tế biển
184. ***Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng
     2. Bảo vệ an ninh giáo dục tư tưởng
     3. Bảo vệ an ninh giáo dục chính trị
     4. Bảo vệ nền văn hóa cách mạng
185. ***Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh dân tộc
     2. Thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc
     3. Phát huy sức mạnh của toàn dân tộc
     4. Bảo vệ an ninh cho dân tộc ít người
186. ***Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh tôn giáo
     2. Vận động mọi người sống tốt đời, đẹp đạo
     3. Bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo
     4. Bảo vệ an ninh cho các vùng có tôn giáo
187. ***Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh biên giới
     2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia
     3. Bảo vệ biên giới vững chắc trước kẻ thù xâm lược
     4. Bảo vệ tình hữu nghị giữa các dân tộc có chung đường biên giới
188. ***Một trong những nội dung bảo vệ an ninh quốc gia là gì?***
     1. Bảo vệ an ninh thông tin
     2. Bảo vệ các đường dây thông tin
     3. Bảo đảm thông tin thông suốt
     4. Bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác
189. ***Nội dung Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ có vị trí như thế nào?***
     1. Trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách hiện nay
     2. Là việc làm thường xuyên của mỗi quốc gia, dân tộc
     3. Là việc làm vô cùng cần thiết hiện nay của đất nước
     4. Trọng yếu hàng đầu khi đất nước có chiến tranh
190. ***Lựa chọn nào sau đây không phải là nội dung Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ?***
     1. Phải quan tâm đến nguyện vọng của nhân dân.
     2. Gữi gìn sự trong sạch, vững mạnh của các tổ chức Đảng, Nhà nước
     3. Bảo vệ chế độ chính trị, Đảng, Nhà nước
     4. Bảo vệ cơ quan và những người Việt Nam đang học tập và làm việc tại nước ngoài
191. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh dân tộc là:***
     1. Bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc
     2. Bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng giữa các dân tộc
     3. Bảo vệ quyền bình đẳng của từng dân tộc
     4. Bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ giữa các dân tộc với nhau
192. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh biên giới là:***
     1. Chống các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới quốc gia
     2. Chống các hành động xâm phạm, vượt biên giới quốc gia
     3. Chống các hành động xâm nhập biên giới quốc gia
     4. Kiên quyết trấn áp các hành động xâm nhập đường biên giới quốc gia
193. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh biên giới là:***
     1. Bảo vệ nền an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, trên đất liền, trên biển
     2. Bảo vệ nền an ninh, trật tự ở trên biển
     3. Bảo vệ nền an ninh, trật tự chủ yếu ở khu vực trên đất liền
     4. Bảo vệ trật tự ở khu vực biên giới, chợ biên giới
194. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh thông tin là:***
     1. Chống làm lộ, lọt những thông tin bí mật của Nhà nước
     2. Bảo đảm kịp thời thông tin của Nhà nước đến nhân dân
     3. Xây dựng hệ thống thông tin an toàn
     4. Chống mọi hành động phá hoại đường dây thông tin
195. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh thông tin là:***
     1. Ngăn chặn các hoạt động khai thác thông tin trái phép
     2. Phát hiện các hoạt động khai thác thông tin trái phép
     3. Cấm các hoạt động khai thác thông tin
     4. Xử lí, ngăn chặn các hoạt động khai thác thông tin
196. ***Bảo vệ an ninh Tổ quốc là:***
     1. Nhiệm vụ của toàn xã hội, trách nhiệm của mọi công dân
     2. Nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, trách nhiệm của quân đội
     3. Nhiệm vụ của lực lượng công an, trách nhiệm của công an
     4. Nhiệm vụ của toàn Đảng, trách nhiệm của toàn xã hội
197. ***Trách nhiệm của học sinh với bảo vệ an ninh tổ quốc?***
     1. Tích cực học tập nâng cao kiến thức về Hiến pháp, pháp luật
     2. Tích cực học tập nâng cao chất lượng về quốc phòng, an ninh
     3. Tích cực học tập, tham gia xây dựng sự nghiệp quốc phòng
     4. Tích cực cùng công an bảo vệ Hiến pháp, pháp luật
198. ***Trách nhiệm của học sinh với bảo vệ an ninh tổ quốc?***
     1. Tích cực học tập để hiếu được những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia
     2. Tích cực tham gia phong trào đến ơn, đáp nghĩa của địa phương
     3. Tham gia phong trào toàn dân xây dựng nếp sống văn hóa
     4. Tích cực tham gia phong trào vì môi trường xanh, sạch, đẹp
199. ***Trách nhiệm của học sinh với bảo vệ an ninh tổ quốc?***
     1. Tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc
     2. Tham gia phong trào hiến máu nhân đạo
     3. Tham gia phong trào thi đua dạy hay, học giỏi của nhà trường
     4. Tích cực cùng lực lượng an ninh tuần tra giữ gìn an ninh, trật tự
200. ***Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung gì?***
     1. Thực hiện tốt phương châm “3 không”
     2. Thực hiện tốt phương châm “1 không”
     3. Thực hiện tốt phương châm “2 không”
     4. Thực hiện tốt phương châm “4 không”
201. ***Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt một trong những nội dung nào sau đây?***
     1. Không xem, đọc, lưu truyền các văn hóa phẩm phản động, đồi trụy
     2. Xem nhưng không lưu truyền các sản phẩm văn hóa nước ngoài
     3. Đọc nhưng không lưu giữ các tác phẩm văn hóa nước ngoài
     4. Nói không với tất cả các sản phẩm văn hóa nước ngoài
202. ***Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt một trong những nội dung nào sau đây?***
     1. Không xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước
     2. Chấp hành tốt đường lối, chính sách về quốc phòng, an ninh
     3. Tham gia tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước
     4. Tuyên truyền, vận động học sinh chấp hành quy định của nhà trường
203. ***Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?***
     1. Không truy cập các Website chứa các nội dung không lành mạnh, phản động
     2. Không truy cập các Website chứa các nội dung của nước ngoài
     3. Không truy cập các Website chứa các nội dung không chính thống trong nước
     4. Không truy cập tất các Website hiện có trên mạng
204. ***Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?***
     1. Chủ động đề phòng không để bị kẻ xấu kích động, lôi kéo vào việc xấu
     2. Kịp thời trấn áp kẻ xấu khi bị kích động, lôi kéo vào việc xấu
     3. Tấn công kiên quyết khi bị kẻ xấu kích động, lôi kéo vào việc xấu
     4. Chủ động truy bắt khi bị kẻ xấu kích động, lôi kéo vào việc xấu
205. ***Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?***
     1. Tham gia công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội của nhà trường
     2. Nòng cốt trong công tác chống tội phạm, tệ nạn xã hội của nhà trường
     3. Tấn công kiên quyết nếu xuất hiện tội phạm trong nhà trường
     4. Tấn công kiên quyết nếu xuất hiện tệ nạn xã hội trong nhà trường
206. ***Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?***
     1. Động viên, gần gũi, giúp đỡ người lầm lỡ sa ngã để giúp họ tiến bộ
     2. Tốt nhất là cách li ngay với người lầm lỡ sa ngã để không bị lôi kéo
     3. Không được động viên người lầm lỡ sa ngã, vì sẽ làm cho họ bi quan
     4. Không nên gần gũi với người lầm lỡ sa ngã để không bị họ lôi kéo
207. ***Với nhiệm vụ bảo vệ an ninh tổ quốc, học sinh phải làm tốt nội dung nào?***
     1. Cảnh giác, tích cực phòng ngừa những âm mưu, thủ đoạn phá hoại cách mạng của các thế lực thù địch
     2. Tích cực chống phá âm mưu phá hoại cách mạng của các thế lực thù địch
     3. Kiên quyết tấn công các thế lực thù địch có âm mưu, thủ đoạn phá hoại cách mạng
     4. Cảnh giác với các thế lực thù địch và thủ đoạn phá hoại cách mạng của chúng
208. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh dân tộc là:***
     1. Ngăn ngừa, phát hiện, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc để xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
     2. Phát hiện các hoạt động xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
     3. Phải kiên quyết đấu tranh với các hoạt động xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội
     4. Chú ý đề phòng với các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc để xâm phạm đến an ninh quốc gia
209. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh tôn giáo là:***
     1. Thực hiện đoàn kết, bình đẳng giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các tôn giáo
     2. Thực hiện đoàn kết, bình đẳng giúp đỡ nhau giữa các dân tộc có tôn giáo
     3. Thực hiện giúp đỡ nhau giữa các tôn giáo
     4. Thực hiện đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc
210. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh tôn giáo là:***
     1. Đảm bảo chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước đối với nhân dân
     2. Đảm bảo chính sách của Đảng, Nhà nước về kinh tế đến với nhân dân
     3. Đảm bảo các hoạt động tín ngưỡng một cách bình đẳng giữa các dân tộc
     4. Đảm bảo chính sách tự do bình đẳng của Đảng, Nhà nước đối với nhân dân
211. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh tôn giáo:***
     1. Đấu tranh với các đối tượng, thế lực lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng
     2. Kịp thời đấu tranh với các đối tượng, thế lực chống phá cách mạng
     3. Đấu tranh kiên quyết với các âm mưu chống phá cách mạng
     4. Nhanh chóng phát hiện các đối tượng, thế lực lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng
212. ***Một trong những nội dung Bảo vệ an ninh kinh tế là:***
     1. Bảo vệ sự ổn định, phát triển của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng XHCN
     2. Bảo vệ sự ổn định, phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN
     3. Bảo vệ sự ổn định, phát triển của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần
     4. Bảo vệ sự phát triển của nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng XHCN
213. ***Lựa chọn nào sau đây không phải là nội dung Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng?***
     1. Bảo vệ các cơ quan báo, đài phát thanh truyền hình địa phương
     2. Bảo vệ sự đúng đắn, vai trò chủ đạo của CN Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần và xã hội
     3. Bảo vệ đội ngũ văn nghệ sĩ, những người là công tác văn hóa, văn nghệ
     4. Bảo vệ những giá trị đạo đức truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc
214. ***“Ngày Hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” là ngày nào trong năm?*** 
     1. 19/8
     2. 30/4
     3. 22/12
     4. 19/12
215. ***Luật Công an nhân dân hiện hành được cá nhân hay cơ quan quyền lực nào thông qua?***
     1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
     2. Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
     3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
     4. Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
216. ***Luật Công an nhân dân hiện hành được thông qua ở cơ quan nào, khóa nào, kì họp thứ mấy, ngày tháng năm nào?***
     1. Quốc hội khóa XI, kì họp thứ 8, ngày 29- 11 - 2005
     2. Bộ Công an, kì họp thứ 8, ngày 29- 11 - 2005
     3. Chính phủ, kì họp thứ 8, kì họp thứ 8, ngày 29- 11 - 2005
     4. Trung ương Đảng, kì họp thứ 8, kì họp thứ 8, ngày 29- 11 - 2005
217. ***Nội dung nào sau đây không có trong khái niệm về sĩ quan, hạ sĩ quan Công an?***
     1. Hạ sĩ quan chuyên nghiệp
     2. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ
     3. Sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật
     4. Sĩ quan nghiệp vụ
218. ***Nội dung nào sau đây không có trong khái niệm về sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an?***
     1. Sĩ quan phục vụ có thời hạn
     2. Hạ sĩ quan phục vụ có thời hạn
     3. Sĩ quan chuyên môn kĩ thuật
     4. Hạ sĩ quan nghiệp vụ
219. ***Nội dung nào sau đây không có trong khái niệm về sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an?***
     1. Chiến sĩ nghiệp vụ
     2. Chiến sĩ phục vụ có thời hạn
     3. Hạ sĩ quan chuyên môn kĩ thuật
     4. Hạ sĩ quan nghiệp vụ
220. ***Trong lực lượng Công an nhân dân có Công nhân, viên chức không?***
     1. Có
     2. Có khi cần thiết
     3. Có trong thời bình
     4. Có trong thời chiến
221. ***Lực lượng Công an nhân dân Việt Nam gồm có:***
     1. Lực lượng An ninh nhân dân và Cảnh sát nhân dân
     2. Lực lượng An ninh kinh tế và An ninh nhân dân địa phương
     3. Lực lượng dân phòng và Cảnh sát nhân dân
     4. Lực lượng An ninh nhân dân và Cảnh sát cơ động
222. ***Công an nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong lĩnh vực nào của Nhà nước?*** 
     1. Trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
     2. Trong sự nghiệp quốc phòng, giữ gìn môi trường hòa bình
     3. Trong sự nghiệp bảo vệ nhân dân và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
     4. Trong sự nghiệp giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở từng địa phương
223. ***Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an nhân dân?***
     1. Dưới sự thống nhất quản lí của Chính phủ
     2. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của Thủ tướng
     3. Dưới sự thống lĩnh của Chủ tịch nước
     4. Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiệp về mọi mặt
224. ***Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an nhân dân?***
     1. Dựa vào dân và chịu sự chỉ huy của toàn dân
     2. Cấp dưới phục tùng cấp trên
     3. Dựa vào dân và chịu sự giám sát của nhân dân
     4. Hoạt động tuân thủ Hiến pháp và pháp luật
225. ***Trong hệ thống tổ chức của Công an nhân dân có:***
     1. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
     2. Công an xóm, tổ dân phố, xã, phường
     3. Công an trung ương, tỉnh, xã và thôn
     4. Công an trung ương, thành phố trực thuộc Trung ương
226. ***Cấp bậc nào đưới đây không có trong hệ thống cấp bậc của Công an nhân dân?***
     1. Chuẩn tướng, Chuẩn tá
     2. Thượng tướng, Thượng tá
     3. Đại tướng, Đại tá
     4. Đại uý, Thượng úy
227. ***Cấp bậc nào đưới đây không có trong hệ thống cấp bậc của Công an nhân dân?***
     1. Đại tá. Thượng tá
     2. Đại tướng, Thượng tướng
     3. Đô đốc, Phó Đô đốc
     4. Đại úy, Thượng sĩ
228. ***Lực lượng nào sau đây không có trong phân loại theo lực lượng của Công an nhân dân?***
     1. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Cảnh sát cơ động và Cảnh sát biển
     2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ An ninh nhân dân và Cảnh sát nhân dân
     3. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ An ninh nhân dân
     4. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Cảnh sát nhân dân
229. ***Người chỉ huy trong Công an nhân dân là:***
     1. Bộ trưởng Bộ Công an
     2. Tổng Cục trưởng Công an
     3. Thứ trưởng Bộ Công an
     4. Thượng tướng Công an
230. ***Một trong những đối tượng nào sau đây được ưu tiên tuyển chọn vào Công an nhân dân?***
     1. Sinh viên, học sinh tốt nghiệp xuất sắc ở các học viện, trường đại học, cao đẳng...
     2. Học sinh tốt nghiệp xuất sắc ở các trường Trung học cơ sở...
     3. Học sinh tốt nghiệp xuất sắc ở các trường Trung học phổ thông...
     4. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc ở các học viện, trường đại học, cao đẳng tại nước ngoài...
231. ***Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không gồm nội dung nào sau đây?***
     1. Sẵn sàng đăng kí đi nhận nhiệm vụ ở khu vực vùng sâu, vùng xa
     2. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân
     3. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách, Pháp luật của Đảng và Nhà nước
     4. Trung thực, dũng cảm, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ
232. ***Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân không gồm nội dung nào sau đây?***
     1. Luôn luôn sẵn sàng chiến đấu với kẻ thù xâm lược
     2. Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của dân, vì dân phục vụ
     3. Luôn rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt
     4. Rèn luyện phẩm chất cách mạng, ý thức tổ chức kỉ luật và thể lực
233. ***Một trong những quyền lợi của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân là gì?***
     1. Con, em được ưu tiên vào học thẳng các trường đại học trong nước
     2. Được Nhà nước đảm bảo chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp
     3. Được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị và kiến thức khác phù hợp với nhiệm vụ được giao
     4. Có quyền công dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật
234. ***Một trong những trách nhiệm của học sinh với Luật Công an nhân dân là gì?***
     1. Hiểu sâu những nội dung của Luật Công an nhân dân
     2. Hiểu được những nội dung cơ bản của Luật Công an nhân dân
     3. Thường xuyên đăng kí tham gia lực lượng Công an
     4. Hàng năm, tham gia dự tuyển đào tạo để trở thành sĩ quan Công an
235. ***Nội dung nào sau đây không thuộc trách nhiệm của học sinh tham gia xây dựng đội ngũ sĩ quan Công an và Luật Công an nhân dân?***
     1. Thường xuyên học tập giỏi để phục vụ lực lượng Công an
     2. Học tập, hiểu rõ và thực hiện đúng Luật Công an nhân dân
     3. Hiểu được phương pháp đăng kí, dự tuyển đào tạo để trở thành sĩ quan Công an
     4. Tìm hiểu truyền thống anh hùng của Công an nhân dân Việt Nam
236. ***Một trong những chức năng của Công an nhân dân Việt Nam là:***
     1. Tham mưu cho Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
     2. Tham mưu cho địa phương về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
     3. Tham mưu cho Bộ, ngành về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
     4. Tham mưu cho nhân dân về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
237. ***Một trong những chức năng của Công an nhân dân Việt Nam là:***
     1. Thực hiện thống nhất quản lí về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
     2. Thực hiện về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội
     3. Thực hiện quản lí về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của các Bộ, ngành
     4. Thực hiện thống nhất về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở các địa phương
238. ***Một trong những tiêu chuẩn tuyển chọn vào Công an nhân dân là gì?***
     1. Công dân có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe
     2. Công dân có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, tuổi từ 18 đến 30
     3. Công dân có đủ tiêu chuẩn về trình độ học vấn, sức khỏe, có nguyện vọng tham gia
     4. Công dân có tuổi từ 20 đến 30 tuổi, đủ năng khiếu, đủ tiêu chuẩn về sức khỏe
239. ***Nội dung nào không đúng với khái niệm về sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam?***
     1. Là Hạ sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam
     2. Là cán bộ của ĐCS Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam
     3. Là người hoạt động trong lĩnh vực quân sự
     4. Được nhà nước phong quân hàm cấp úy, cấp tá, cấp tướng
240. ***Một nội dung của khái niệm về sĩ quan là gì?***
     1. Tất cả quân nhân phục vụ trong LLVT nhân dân Việt Nam
     2. Là quân nhân phục vụ trong LLVT có quân hàm cấp úy trở lên
     3. Quân nhân phục vụ trong LLVT có quân hàm cấp tá trở lên
     4. Quân nhân phục vụ trong LLVT có quân hàm Hạ sĩ quan trở lên
241. ***Luật sĩ quan được Quốc hội khóa X thông qua kì họp nào, ngày nào?***
     1. Kì họp thứ 6, ngày 21- 12 - 1999
     2. Kì họp thứ 4, ngày 21- 12 - 1999
     3. Kì họp thứ 5, ngày 21- 12 - 1999
     4. Kì họp thứ 7, ngày 21- 12 - 1999
242. ***Ngày tháng nào là ngày Quốc phòng toàn dân?***
     1. 22 -12
     2. 19 -12
     3. 20 -12
     4. 21 -12
243. ***Sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị theo Luật Sĩ quan được hiểu là gì?***
     1. Là ngạch sĩ quan
     2. Là tên gọi đơn vị sĩ quan
     3. Là phiên hiệu đơn vị sĩ quan
     4. Là chuyên môn của sĩ quan
244. ***Một quân nhân khi là sĩ quan dự bị thì đăng kí ở đâu và được quản lí như thế nào?***
     1. Đăng kí , quản lí tại địa phương
     2. Đăng kí , quản lí tại một đơn vị quân đội
     3. Đăng kí , quản lí tại trung ương
     4. Đăng kí , quản lí tại cơ quan làm việc
245. ***Sĩ quan tại ngũ được hiểu như thế nào?***
     1. Gồm những sĩ quan đang phục vụ trong quân đội hoặc biệt phái công tác
     2. Là những sĩ quan từng phục vụ trong quân đội nay đã về hưu
     3. Là những quân nhân phục vụ trong quân đội hoặc đã về hưu
     4. Là những sĩ quan đang công tác ở các đơn vị chiến đấu của quân đội
246. ***Nội dung nào sau đây không đúng với tiêu chuẩn chung của sĩ quan?***
     1. Có kĩ năng giao tiếp và quan hệ ứng xử tốt
     2. Có trình độ chính trị và khoa học quân sự
     3. Có phẩm chất đạo đức cách mạng tốt
     4. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, nhân dân, với Đảng và Nhà nước
247. ***Nội dung nào sai về cơ chế lãnh đạo, chỉ huy và quản lí đội ngũ sĩ quan?***
     1. Nhà nước thống nhất chỉ huy và quản lí trực tiếp
     2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ huy, quản lí trực tiếp
     3. Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt
     4. Sự quản lí thống nhất của Chinh phủ
248. ***Một trong những nguồn bổ sung cho sĩ quan tại ngũ của quân đội từ đâu?***
     1. Sĩ quan dự bị
     2. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam
     3. Dân quân tự vệ
     4. Đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
249. ***Sĩ quan quân đội có mấy nhóm ngành và những ngành nào?***
     1. 4 nhóm ngành chính: Sĩ quan chỉ huy, sĩ quan chính trị, sĩ quan Hậu cần, sĩ quan kĩ thuật và một ngành khác
     2. 2 nhóm ngành chính: Sĩ quan quân sự - chính trị, sĩ quan Hậu cần - kĩ thuật và một ngành khác
     3. 3 nhóm ngành chính: Sĩ quan chỉ huy, sĩ quan chính trị, sĩ quan Hậu cần và một ngành khác
     4. 2 nhóm ngành chính: Sĩ quan chỉ huy, sĩ quan chính trị và một ngành khác
250. ***Sĩ quan có chức vụ là Sư đoàn trưởng thuộc nhóm ngành nào của sĩ quan?***
     1. Sĩ quan chỉ huy
     2. Sĩ quan chính trị
     3. Sĩ quan hậu cần
     4. Sĩ quan kĩ thuật
251. ***Sĩ quan có chức vụ là Chính ủy Sư đoàn thuộc nhóm ngành nào của sĩ quan?***
     1. Sĩ quan chính trị
     2. Sĩ quan hậu cần
     3. Sĩ quan kĩ thuật
     4. Sĩ quan chỉ huy
252. ***Cấp bậc nào đưới đây không có trong hệ thống cấp bậc của QĐNDVN?***
     1. Đại uý, Thượng úy
     2. Thượng tướng, Thượng tá
     3. Đại tướng, Đại tá
     4. Chuẩn tướng, Chuẩn tá
253. ***Nội dung nào sau đây không phải là nghĩa vụ của sĩ quan quân đội?***
     1. Luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của mọi người
     2. Sẵn sàng chiến đấu hi sinh bảo vệ vững chắc tổ quốc XHCN
     3. Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh, giữ gìn bí mật quốc gia, quân sự
     4. Luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho bộ đội
254. ***Một trong những trách nhiệm của sĩ quan quân đội là gì?***
     1. Thực hiện tốt nhiệm vụ ngoài chức trách được giao
     2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cấp trên và cấp dưới thuộc quyền về các mệnh lệnh của mình
     3. Tổ chức thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao
     4. Lãnh đạo, chỉ huy, quản lí đơn vị, làm việc theo chức trách được giao
255. ***Chức vụ sĩ quan cao nhất đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị của các cấp trong quân đội gọi là gì?***
     1. Chính trị viên, Chính ủy, Chủ nhiệm Tổng Cục Chính trị
     2. Cán bộ chính trị, Đảng viên, Đoàn viên thanh niên
     3. Chính ủy, Chính trị viên, Đảng viên
     4. Chỉ huy Chính trị, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam
256. ***Nội dung nào sau đây không đúng với vị trí, chức năng sĩ quan?***
     1. Là lực lượng trực tiếp đảm nhiệm chỉ huy chiến đấu
     2. Là lực lượng nòng cốt của quân đội
     3. Là thành phần chủ yếu trong đội ngũ cán bộ quân đội
     4. Thường đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, chỉ huy
257. ***Chức vụ chỉ huy cao nhất của Bộ Tổng Tham mưu QĐNDVN là gì?***
     1. Tổng Tham mưu trưởng
     2. Tổng Tư lệnh
     3. Tổng Quân ủy quân đội
     4. Tư lệnh Bộ Tổng Tham mưu
258. ***Chức vụ cao nhất của Ban Chỉ huy quân sự quận, huyện là gì?***
     1. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự
     2. Chỉ huy trưởng Bộ đội huyện
     3. Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự
     4. Chỉ huy trưởng Quân sự huyện
259. ***Người chỉ huy có chức vụ cao nhất của Quân chủng hải quân, QĐNDVN là gì?***
     1. Chuẩn Đô đốc
     2. Phó Tư lệnh Hải quân
     3. Đô đốc Hải quân
     4. Phó Đô đốc Hải quân